



WWF

QUỐC TẾ

# SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BÃY DÂY

Cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây ở Đông Nam Á



WWF là một trong những tổ chức bảo tồn độc lập và nhiều kinh nghiệm hàng đầu thế giới, với hơn 5 triệu người ủng hộ và một mạng lưới văn phòng toàn cầu hoạt động tại hơn 100 quốc gia. Sứ mệnh của WWF là ngăn chặn suy thoái môi trường tự nhiên của hành tinh và xây dựng một tương lai trong đó con người sống hài hòa với thiên nhiên thông qua hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học của thế giới, đảm bảo sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên tái tạo, thúc đẩy giảm thiểu ô nhiễm và tiêu dùng lãng phí.

Một sản phẩm của Sáng kiến Tigers Alive của WWF, WWF Singapore và WWF-Greater Mekong

Việc nêu tên các khu vực địa lý trong báo cáo và tài liệu trình bày không nhằm thể hiện bất kỳ ý kiến nào của WWF về tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực nào, hoặc của chính quyền quản lý tại khu vực địa lý đó, hoặc về sự phân định biên giới hoặc giới tuyến của các quốc gia, vùng lãnh thổ hay khu vực được đề cập trong báo cáo.

Trích dẫn:

Belecky, M., Gray, T.N.E. (2020). Sự im lặng của những chiếc bẫy hổ: Cuộc khủng hoảng đặt bẫy hổ tại Đông Nam Á, WWF Quốc tế

Tác giả: Mike Belecky, Gray T.N.E. Sáng kiến Tiger Alive của WWF  
Thiết kế: Devina Siswanto

Sản xuất hình ảnh: WWF-Singapore

Được xuất bản năm 2020 bởi WWF – Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (Trước đây là Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới), Gland, Thụy Sĩ. Mọi ấn bản sao chép toàn bộ hoặc một phần đều phải đề cập đến tiêu đề và ghi nhà xuất bản nói trên là chủ sở hữu bản quyền.

© Báo cáo 2020 WWF

Mọi quyền được bảo lưu

Lời cảm ơn

WWF-Greater Mekong đã tạo động lực để làm nổi bật cuộc khủng hoảng đặt bẫy hổ Khu vực Mê Kông Mở rộng năm 2018, dự thảo báo cáo ban đầu, tạo điều kiện tiếp cận dữ liệu từ các nước khu vực Mê Kông và là cơ quan hợp tác chính xây dựng báo cáo này.

Chúng tôi xin cảm ơn chính phủ của tất cả các nước có hỗ phân bổ, đối tác và các văn phòng của Mạng lưới WWF đã hỗ trợ trong quá trình thực hiện báo cáo này, đặc biệt là WWF-Greater Mekong cũng như những người sau đây nói riêng:

Abdul Halik, WWF-Singapore; Andy Roberts, Liên minh Bảo vệ Động vật hoang dã; Arnaud Lyet, Sáng kiến Tigers Alive của WWF; Arnold Sitompul, WWF-Thái Lan; Ashley Brooks, Sáng kiến Tiger Alive của WWF; Ben Rawson, WWF-Việt Nam; Camille Coudrat, Anoulak; Carol Debra, WWF-Malaysia; Colman O Criodain, WWF Quốc tế; Crispian Barlow, WWF Quốc tế; Fanie Bekker, WWF-Việt Nam; Francois Guegan WWF-Lào; Hannah O’Kelly, Arks Châu Á; Heather Sohl, Sáng kiến Tiger Alive của WWF; Henry Chan, WWF-Malaysia; James Peter Lourens, WWF-Campuchia; Jenny Roberts, Sáng kiến Tiger Alive của WWF; Katrina de Rozario, WWF-Malaysia; Khalid Pasha, Sáng kiến Tiger Alive của WWF; Kim Stengert, WWF-Singapore; Lê Quốc Thiện, WWF-Việt Nam; Leng Lida, Liên minh Bảo vệ Động vật hoang dã; Lorraine Scotson, Ủy ban vì Sự sống còn các loài của IUCN; Lotika Mehta, WWF Quốc tế; Madhu Rao, WCS-Toàn cầu; Margaret Kinnaird, WWF Quốc tế; Mark Darmaraj, WWF-Malaysia; Mark Drew, WWF-Campuchia; Michelle Gan, WWF-Singapore; Nicholas Wilkinson; Nick Cox, WWF-Myanmar; Nick Marx, Liên minh ĐVHD; Ollie Roberts, Liên minh Bảo vệ Động vật hoang dã; Prapimpan Ngoentip, WWF-Thái Lan; Rmachel Yan Ting Koh, WWF-Singapore; Rob Parry-Jones, WWF Quốc tế; Rohit Singh, WWF Quốc tế; Rucha Naware, WWF Quốc tế; Rungnapa Phoonjampa, WWF-Thái Lan; Shariff Mohamad, WWF-Malaysia; Simon Attwood, WWF-Singapore; Simon Mahood, WCS-Campuchia; Suwanna Gauntlett, Liên minh Bảo vệ Động vật hoang dã; William du Mua; Yoganand Kandasamy, WWF-Khu vực Mê Kông Mở rộng; Zin Mar Hein, WWF-Myanmar.

Nhóm công tác:

Michael Alexander (WWF Singapore), Michael Belecky (Sáng kiến Tigers Alive của WWF), Stuart Chapman (Sáng kiến Tigers Alive của WWF), Thomas Gray (Sáng kiến Tigers Alive của WWF), Tristan Tremschnig (Sáng kiến Tigers Alive của WWF).

Nhóm hiệu đính tiếng Việt:

Nguyễn Đào Ngọc Vân, Lê Quốc Thiện, Nguyễn Hoài Khương, Lê Thị Ngọc (WWF-Việt Nam); Nguyễn Trường Sơn và Nguyễn Quảng Trường (Viện Sinh Thái và Tài Nguyên Sinh vật).

Ảnh bìa trước © Ranjan Ramchandani/WWF

Số QĐ 114/QĐ-NXBTN, Số XNDK: 236-2021/CXBIPH/58-06/TN- ISBN: 978-604-322-510-5  
In tại Công ty TNHH In ấn Thiết kế T.E.A.M

SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẪY HỔ





## NỘI DUNG

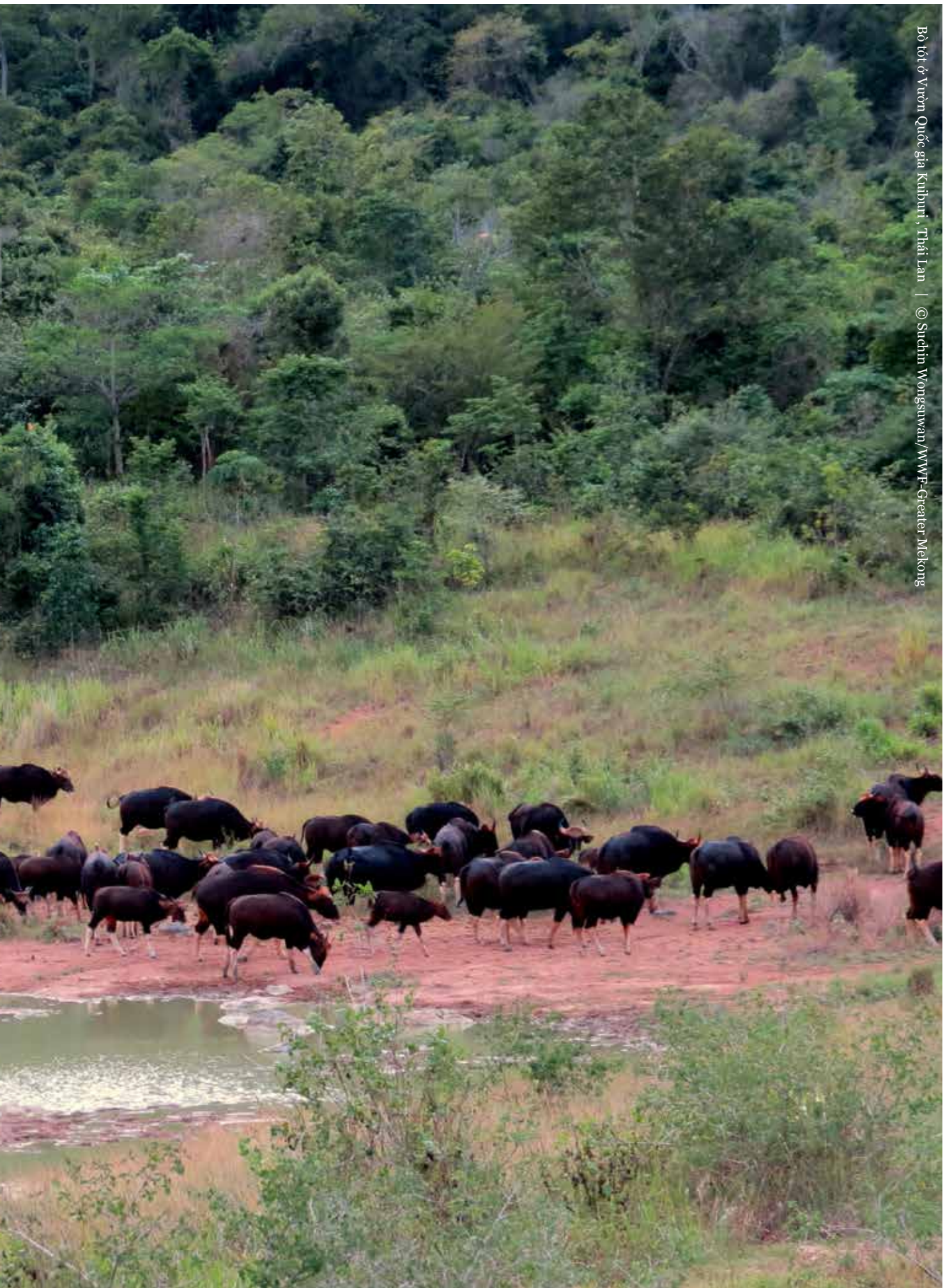
Tóm tắt .....	04
<b>Giới thiệu:</b>	
Đa dạng sinh học của Đông Nam Á đang bị đe dọa .....	08
<b>Phần 1:</b>	
Tổng quan về cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây .....	12
<i>Mục 1: Các loại bẫy dây</i>	
<i>Mục 2: Động vật bị mắc bẫy dây</i>	
<i>Mục 3: Có bao nhiêu bẫy dây ở đó?</i>	
<b>Phần 2:</b>	
Tuần tra và gỡ bỏ bẫy dây.....	30
<i>Khuyến nghị</i>	
<b>Phần 3:</b>	
Bẫy dây, tiêu thụ ĐVHD và các bệnh lây truyền từ động vật .....	38
<i>Khuyến nghị</i>	
<b>Phần 4:</b>	
Rừng rỗng và dịch vụ hệ sinh thái.....	46
<b>Phần 5:</b>	
Người dân bản địa và cộng đồng địa phương .....	56
<i>Khuyến nghị</i>	
<b>Phần 6:</b>	
Quy định pháp luật về bẫy dây ở Đông Nam Á .....	68
<i>Khuyến nghị</i>	

# TÓM TẮT

**Bẫy dây là nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng tuyệt chủng các loài động vật hoang dã (ĐVHD), đồng thời tác động tiêu cực đến các hệ sinh thái hỗ trợ cuộc sống của con người trên khắp Đông Nam Á.**

Thường được làm từ dây thép, dây ni lông hoặc dây thừng, bẫy dây là loại bẫy thô sơ được sử dụng để bẫy bắt các loài động vật hoang dã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thịt và các sản phẩm thú rừng. Bẫy dây cũng đang đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thú rừng ngày càng cao của người dân đô thị vì các món ăn này được coi là “đặc sản”. Nhìn chung, bẫy dây ảnh hưởng đến hơn 700 loài thú trong khu vực, bao gồm các loài quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng cao như voi Châu Á, tê giác Sumatra, sao la và bò rừng. Hiện bẫy dây là mối đe dọa lớn nhất đối với sự tồn tại lâu dài của các loài hổ tại Đông Nam Á.





Bò tót ở Vườn Quốc gia Kuburi, Thái Lan | © Suchin Wongsuwan/WWF-Greater Mekong

## TÓM TẮT

**Báo cáo này trình bày chi tiết quy mô của cuộc khủng hoảng bầy dầy và những tác động tiêu cực đến con người, thiên nhiên và ĐVHD, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị, nếu được thực hiện một cách tổng thể có thể góp phần ngăn chặn và đảo ngược cuộc khủng hoảng này.**

Sau khi phân tích bộ dữ liệu lớn nhất từ trước đến nay, WWF ước tính có trên 12 triệu bầy dầy được đặt tại các khu bảo tồn ở Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam - đây là nhóm quốc gia tâm điểm của cuộc khủng hoảng bầy dầy trong khu vực. Cũng ở chính những quốc gia này, quần thể các loài hổ đang bị suy giảm nhanh chóng và có nguy cơ bị tuyệt chủng. Có bằng chứng cho thấy những chiếc bầy dầy này là mối đe dọa đối với những cá thể hổ hoang dã còn lại ở các nước Đông Nam Á khác.



Bò rừng | © Anton Vorauer/WWF



Voi Châu Á | © Julia Thiemann/WWF-Đức

Tổng số bẫy dây đặt trong rừng ở Đông Nam Á trên thực tế có thể sẽ lớn hơn nhiều so với con số ước tính. Do các thống kê trong báo cáo chỉ xem xét một phần trong tổng số các khu bảo tồn tại khu vực. Ngoài ra, bẫy dây thường được đặt ở ngoài các khu bảo tồn và tập trung ở ngay bên rìa ranh giới giữa các khu.

Trong khu vực, những đối tượng săn trộm vì mục đích thương mại đặt bẫy dây với số lượng lớn để bẫy bắt động vật phục vụ buôn bán - và trong nhiều trường hợp hoạt động buôn bán này là bất hợp pháp. Ngành thương mại ĐVHD ngày càng lớn mạnh, cung cấp thịt cho người tiêu dùng thành thị vì các món ăn từ ĐVHD được coi là đặc sản. ĐVHD được buôn bán, vận chuyển từ các vùng sâu vùng xa và vùng nông thôn đã gây tác động tiêu cực đến an ninh thực phẩm của một bộ phận người dân Đông Nam Á vốn sử dụng thịt thú rừng như nguồn bổ sung dinh dưỡng. Hoạt động này cũng làm giảm cơ hội thu lợi từ thiên nhiên và cơ hội duy trì văn hóa bản địa.



Sao la | © David Hulse/WWF

Một mối lo ngại lớn nữa là trong chuỗi cung ứng từ khâu xử lý đến đưa đi tiêu thụ, việc sử dụng bẫy dây làm tăng khả năng phơi nhiễm các loại bệnh dịch truyền từ động vật sang người thông qua tiếp xúc. Theo báo cáo, nhiều loài động vật thường xuyên bị bẫy bắt nằm trong danh sách những loài có nguy cơ truyền bệnh từ động vật sang người cao nhất.

Cần có các biện pháp khẩn cấp nhằm ứng phó kịp thời với nạn đặt bẫy dây đang đe dọa ĐHVD, các dịch vụ hệ sinh thái và sức khỏe cộng đồng. WWF khuyến nghị chính phủ các nước khu vực Đông Nam Á tăng cường pháp chế giúp ngăn chặn bẫy dây hiệu quả với các cách tiếp cận được trình bày trong bản báo cáo. Cần tăng thêm nguồn lực để hỗ trợ các khu bảo tồn cấp quốc gia và hoạt động tuần tra thực thi pháp luật hiệu quả của Chính Phủ. Các chính phủ phải có các giải pháp hạn chế hoạt động mua bán, vận chuyển và tiêu thụ các loài ĐVHD có nguy cơ truyền bệnh cao sang người. Các loài này bao gồm cả các loài thú móng guốc và thú ăn thịt và là mục tiêu săn bắt khi sử dụng bẫy dây. Các chương trình giảm cầu dựa trên bằng chứng tin cậy và hiểu biết về các đối tượng đặt bẫy dây và tiêu thụ ĐVHD cần được xây dựng. Cuối cùng, nhưng quan trọng nhất, các chính phủ cần tạo điều kiện để cộng đồng trở thành các nhà lãnh đạo và đối tác của mình trong nỗ lực chấm dứt nạn đặt bẫy tràn lan. Nếu chúng ta muốn bảo vệ các hệ sinh thái mà người dân Đông Nam Á đang sống dựa vào nó, thì việc thực hiện các biện pháp nêu trên là cần thiết.

**“Bẫy dây tác hại đến hơn 700 loài thú trong khu vực bao gồm những loài quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng cao như voi châu Á, tê giác Sumatra, sao la và bò rừng.”**



SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẦY DÂY



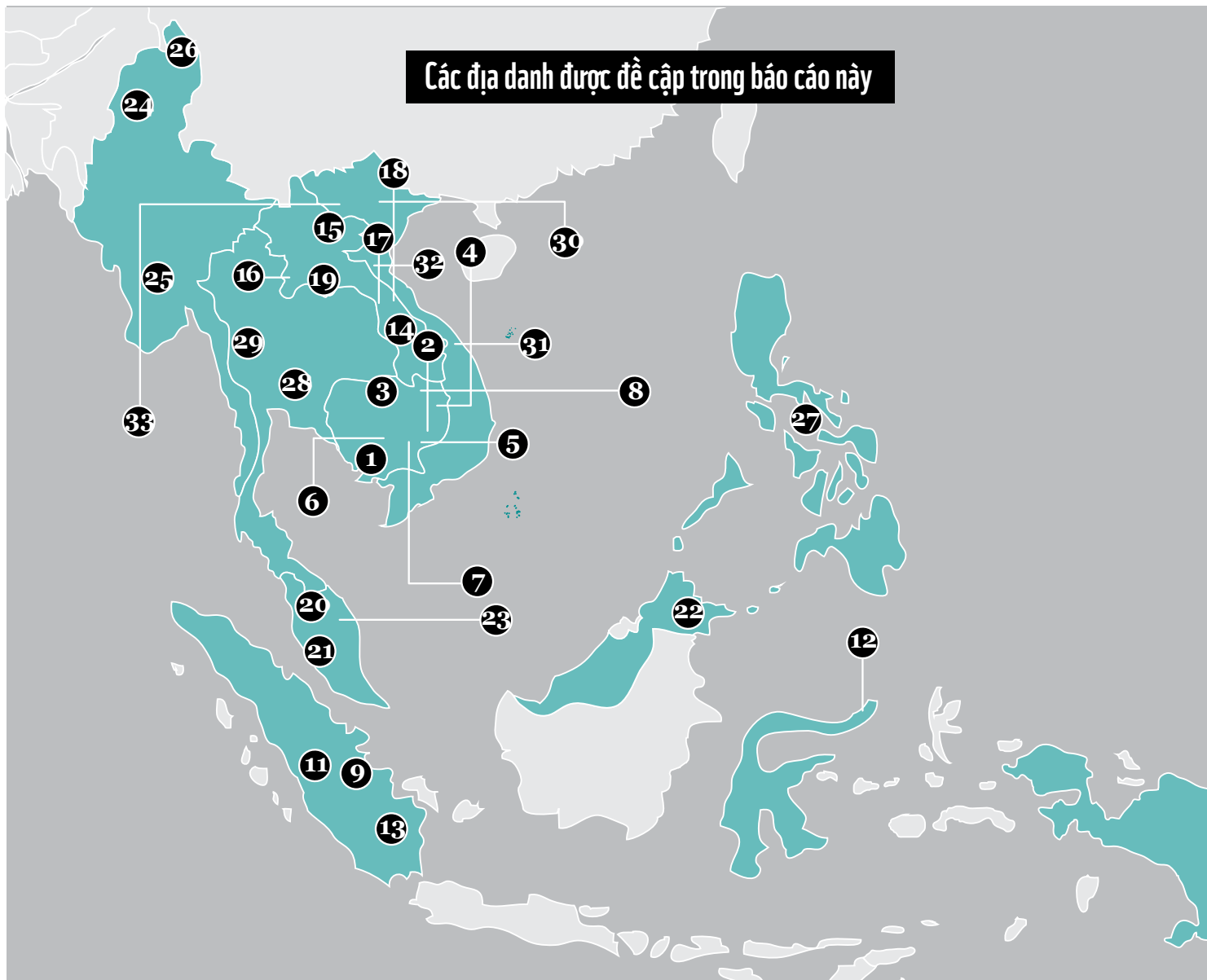
# GIỚI THIỆU

ĐA DẠNG SINH HỌC  
CỦA ĐÔNG NAM Á ĐANG BỊ ĐE DỌA

## GIỚI THIỆU

**Đông Nam Á là một trong những khu vực giàu đa dạng sinh học nhất trên Trái đất. Từ đỉnh Himalaya của Myanmar đến rừng nhiệt đới của đảo Borneo – là nhà của hàng triệu loài sinh vật.**

Và mỗi năm có hàng trăm loài mới được phát hiện, chỉ tính riêng khu vực Sông Mê Kông mở rộng đã có hơn 2.600 loài mới được phát hiện kể từ năm 1997<sup>1</sup>. Khu vực Đông Nam Á là nơi sinh sống của một số loài đáng chú ý, từ loài săn mồi nổi tiếng và mang tính biểu tượng nhất thế giới như hổ, đến những loài ít được công chúng biết đến như cây vằn.



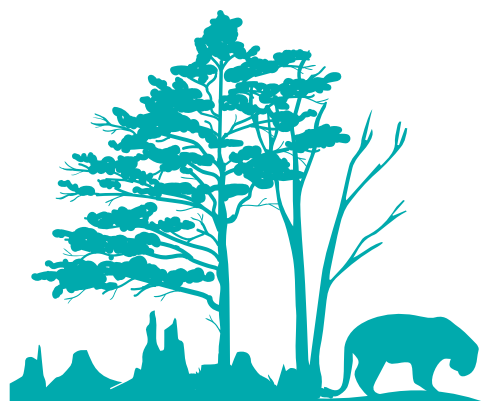
Tuy nhiên, khu vực Đông Nam Á cũng đang có sự thay đổi nhanh chóng. Thứ nhất, dân số đã tăng gần gấp đôi kể từ năm 1980 - từ 357 triệu người lên khoảng 668 triệu vào năm 2020. Các nền kinh tế và trung tâm đô thị cũng phát triển nhanh chóng, phần lớn nhờ sự mở rộng nhanh chóng của kết cấu hạ tầng, khai thác gỗ, khai thác mỏ và trồng cây công nghiệp. Những xu hướng phát triển này đã rút ngắn khoảng cách giữa con người với thiên nhiên hoang dã và góp phần gây ra sự suy giảm đáng kể số lượng quần thể ĐVHĐ trong khu vực. Nhu cầu tiêu thụ ĐVHĐ tăng cao trong khu vực không chỉ để lấy thịt, mà còn làm vật nuôi, làm thuốc hoặc làm đồ trang trí. Ngày nay, Đông Nam Á có nhiều loài bị đe dọa, tính ở hầu hết các phân nhóm loài, cao hơn so với bất kỳ khu vực tương đồng khác.<sup>2</sup>

Như trình bày trong báo cáo, việc sử dụng ngày càng tràn lan các loại bẫy dây, cùng với sự mất mát và suy thoái môi trường sống là nguyên nhân chính khiến Đông Nam Á đang ở giữa thời kỳ suy giảm nghiêm trọng số lượng quần thể ĐVHĐ.<sup>3</sup> Nhiều nơi trong khu vực cũng đang trải qua một sự cố tương tự 'khủng hoảng đặt bẫy dây', ngay cả trong các khu bảo tồn vẫn có một lượng lớn bẫy dây. Người ta cho rằng đặt bẫy dây có thể bắt tất cả các loài động vật không may sa vào, bẫy dây được giăng trên cạn với sức tàn phá tương tự như các loại lưới rê trôi đã phá huỷ đa dạng sinh học biển và nước ngọt. Cuộc khủng hoảng bẫy dây không chỉ đe dọa động vật mà còn gây ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng vận hành của các hệ sinh thái theo cách hỗ trợ tốt nhất cho cuộc sống con người và sự an toàn của các thế hệ tương lai tại Đông Nam Á.

1. Vườn Quốc gia Cardamom, Campuchia
2. Khu bảo tồn loài Keo Seima, Campuchia
3. Kulen Promtep, Campuchia
4. Khu bảo tồn loài Srepok, Campuchia
5. Khu bảo tồn loài Phnom Prich, Campuchia
6. Phnôm Pênh, Campuchia
7. Tỉnh Mondulkiri, Campuchia
8. Khu rừng phía tây Siem Pang, Campuchia
9. Tỉnh Jambi, Indônêxia
10. Jayapura, Papua, Indônêxia
11. Kerinci Seblat National Park, Indônêxia
12. Manado, North Sulawesi, Indônêxia
13. Huyện Sungai Menang, Nam Sumatra, Indônêxia
14. Tỉnh Khammouane, CHDCND Lào
15. Vườn Quốc gia Nam Et-Phou Loey, CHDCND Lào
16. Vườn Quốc gia Nam Pouy National, CHDCND Lào
17. Vườn Quốc gia Nakai-Nam Theun, CHDCND Lào
18. Khu Bảo tồn tỉnh Phou Chom Voy, CHDCND Lào
19. Viêng Chăn, CHDCND Lào
20. Khu Bảo tồn Belum Temengor, Malaixia
21. Kuala Lumpur, Malaixia
22. Sabah, Malaixia
23. Vườn Quốc gia Taman Negara, Malaixia
24. Khu Bảo tồn loài Hponkanrazi, Myanmar
25. Myanmar (multiple site study)
26. Khu Bảo vệ Yenwe thuộc Thị trấn Kyauktaga, Myanmar
27. Philippines (multiple site study)
28. Vườn Quốc gia Khao Yai, Thái Lan
29. Khu Bảo tồn loài Thung Yai Naresuan, Thái Lan
30. Hà Nội, Việt Nam
31. Khu Bảo tồn Sao La Huệ - Quảng Nam, Việt Nam
32. Vườn Quốc gia Pù Mát, Việt Nam
33. Tỉnh Sơn La, Việt Nam

Báo cáo tập trung vào những vấn đề chúng tôi đang nắm được về cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây ở Đông Nam Á. Báo cáo cũng đưa ra một số giải pháp cụ thể và thực tế mà chính phủ các nước trong khu vực có thể áp dụng để ngăn chặn và đảo ngược cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây. Nếu các biện pháp này không được thực hiện khẩn cấp, sẽ có nhiều loài và hệ sinh thái nữa sẽ bị tổn hại vĩnh viễn, cũng như ảnh hưởng đến những người sống phụ thuộc vào các loài và hệ sinh thái.

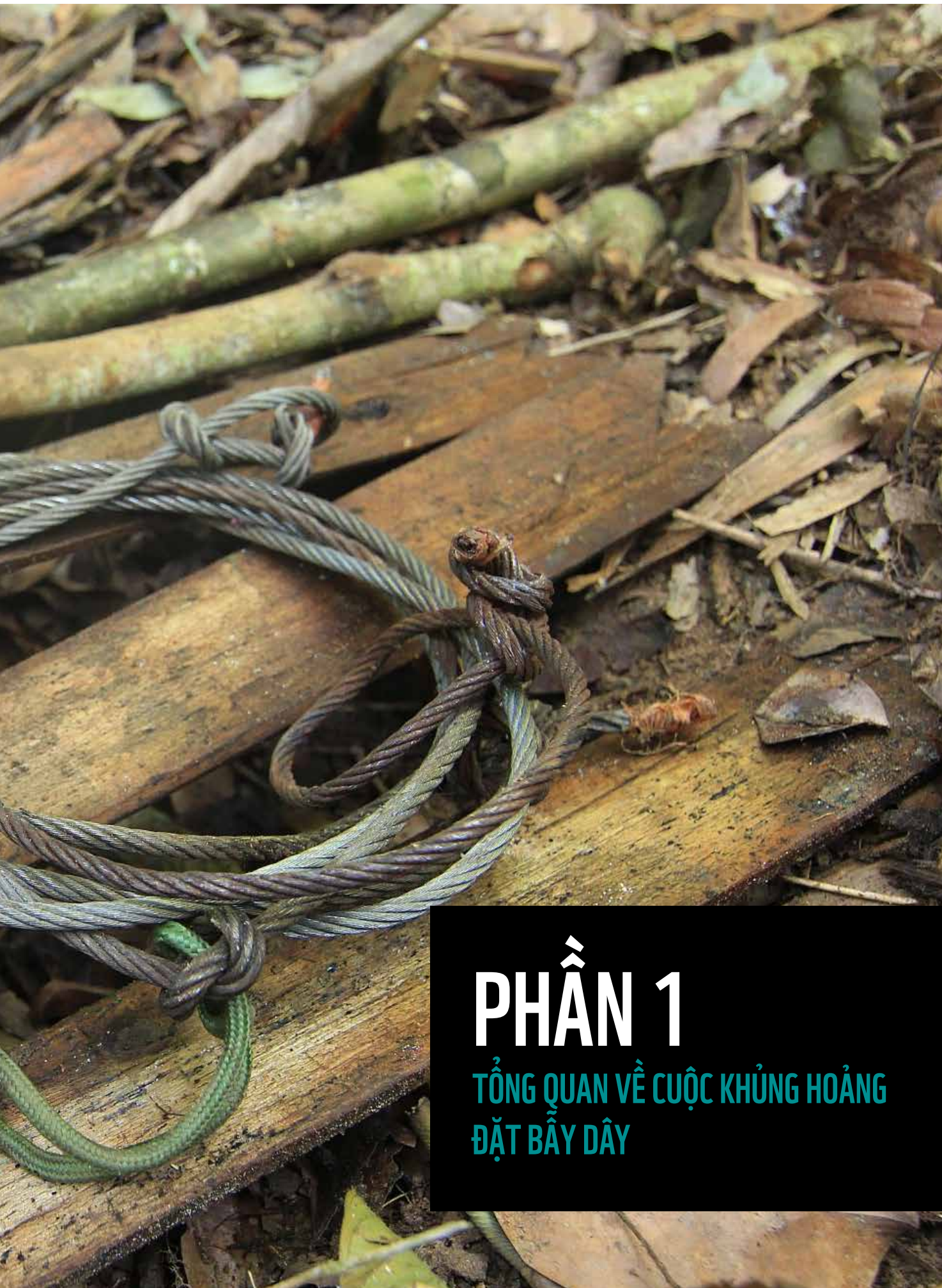
*Lưu ý: Báo cáo này có nhiều hình ảnh về động vật bị mắc bẫy dây. Điều này có thể làm phiền một số độc giả, vì vậy quý vị nên cân nhắc trước khi đọc tiếp.*





*Một chiếc bẫy dây cáp dùng để săn trộm hổ ở khu rừng phức hợp Belum-Temengor, Malaixia.*

© WWF-Malaixia/Lau Ching Fong



# PHẦN 1

TỔNG QUAN VỀ CUỘC KHỦNG HOẢNG  
ĐẶT BẦY DÂY

## PHẦN 1: Tổng quan về cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây

# MỤC 1: Các loại bẫy dây

**Bẫy dây là một trong những kỹ thuật săn bắt đơn giản nhưng hiệu quả nhất được áp dụng ở Châu Á.**

Có thể dễ dàng sản xuất bẫy dây với giá thành rẻ và số lượng lớn. Bẫy dây là hình thức săn bắt chủ yếu trên khắp khu vực Đông Nam Á<sup>4</sup>, với chất liệu bằng dây cáp, nylon tự làm tại nhà. Loại bẫy dây này khác với bẫy dây được làm từ dây leo, mây và các loại sợi tự nhiên khác. Những vật liệu tự nhiên này hạn chế số lượng bẫy dây được đặt cùng một lúc và tuổi thọ bẫy dây sau khi được đặt. Ngược lại, bẫy dây cáp hay dây thép có thể được sản xuất nhanh và rẻ, nguồn cung dồi dào và có thể duy trì hoạt động trong rừng trong thời gian dài.

### Bẫy dây là gì?

Bẫy dây là một loại bẫy động vật có hình dây thòng lọng (thường làm từ dây cáp, dây ni lông hoặc dây thừng) được đặt để bắt động vật qua cổ, thân hoặc chân.

### Các nguyên nhân của cuộc khủng hoảng bẫy dây:

- Nhu cầu về thịt ĐVHD ngày càng tăng từ tầng lớp trung lưu thành thị ở Đông và Đông Nam Á.
- Tăng khả năng tiếp cận vào các khu bảo tồn xa xôi, hẻo lánh trước đây do phát triển cơ sở hạ tầng (ví dụ: đường sá, thủy điện) - điều này cho phép thợ săn tiếp cận các khu vực đó dễ dàng hơn và vận chuyển ĐVHD một cách nhanh chóng đến khu vực đô thị.
- Tăng khả năng tiếp cận và sử dụng dây cáp và dây thừng của những kẻ săn trộm, so với dây rừng và dây mây truyền thống.
- Những lỗ hổng trong luật bảo vệ ĐVHD liên quan đến đặt bẫy dây, cũng như việc thực thi không nhất quán các luật bảo vệ ĐVHD và luật các khu bảo tồn hiện hành.

Bẫy dây không chọn loài sẽ bị bẫy, điều đó khiến bẫy dây trở thành một phương pháp săn bắt bừa bãi. Bất cứ loài nào và mọi loài trên mặt đất, từ rùa cạn đến voi, đều có thể bị sa bẫy. Vì bẫy dây được sử dụng để bắt nhiều loài khác nhau (xem trang 20-23) nên chúng tiếp tục được đặt ngay cả khi loài có giá trị thương mại nhất trở nên khan hiếm trong một khu vực nhất định. Điều này khác với nhiều phương pháp săn bắt khác, thường để cho một loài phục hồi (hoặc ít nhất là ổn định ở mức thấp) vì nó trở nên hiếm hơn và ít bị thợ săn bắt gặp. Tuy nhiên, bẫy dây vẫn tiếp tục loại bỏ các cá thể khỏi quần thể, làm ngăn cản sự phục hồi tự nhiên của các loài bị khai thác quá mức.

Do cả công sức và chi phí đặt bẫy dây đều quá thấp (đặc biệt đối với bẫy dây ni lông hoặc dây thừng), nên khó có thể ngăn cản những kẻ săn bắt trộm đặt chúng. Thực tế, rất nhiều bẫy dây đã được giăng ra và không bao giờ được kiểm tra, nên một số lượng đáng kể động vật sa bẫy dây bị chết và thối rữa. Bẫy dây thường được coi là một trong những phương tiện săn bắt dã man nhất, vì động vật đôi khi có thể giẫy dụa trong nhiều ngày hoặc nhiều tuần trong bẫy dây trước khi chết vì bị thương, mất nước hoặc vì đói. Ngay cả khi một con vật thoát khỏi bẫy dây, nó thường sẽ bị chết sau đó vì nhiễm trùng vết thương, hoặc chết đói do vết thương làm hạn chế khả năng đi lại, kiếm ăn hoặc săn mồi của nó.



*Bẫy dây điện bị tịch thu từ miền Đông Campuchia.*

© WWF Campuchia



*Bộ bẫy dây cáp lớn dùng bẫy thú móng guốc, CHDCND Lào.*

© Sao la Working Group



## Mục tiêu một loài - tác động cụ thể

Những bẫy dây này được đặt để bẫy từng loài cụ thể trên cơ sở kích cỡ và hình dáng con vật, và như vậy nó không bẫy hoặc giết chết các loài có thân hình và kích cỡ khác. Các bẫy dây này thường được đặt để bắt sống động vật sử dụng cho các trang trại ĐVHD, mặc dù nhiều con vật bị chết trước khi bẫy được kiểm tra.

Các bẫy dây loại này thường hiếm và việc sử dụng chúng bị ảnh hưởng bởi áp lực thị trường. Chẳng hạn, bẫy dây nhằm vào chồn được đặt để cung cấp chồn cho các trang trại cà phê chồn ở Việt Nam, Ấn Độ và Philipin. Ước tính hàng nghìn con chồn hoang dã bị bẫy dây mỗi năm để duy trì các trang trại dạng này.<sup>6</sup> Những ví dụ thêm về bẫy dây hạn chế kích cỡ động vật như bẫy dây bắt nhím và bẫy dây bắt tê tê.



## Mục tiêu một loài - tác động đa loài

Trong nhiều trường hợp, người ta nghĩ bẫy dây được thiết kế nhằm vào một loài mục tiêu cụ thể. Thông thường, nhưng không loại trừ, đây là những loài có giá trị cao như hổ hoặc gấu, được buôn bán bất hợp pháp để làm được liệu hoặc làm biểu tượng thể hiện địa vị. Các loại bẫy dây này không được thiết kế chuyên biệt theo hình dạng, kích thước của động vật cụ thể và do đó bắt được nhiều loài khác nhau. Những bẫy dây này thường được đặt với số lượng ít hơn và được tính toán và bỏ nhiều công sức hơn so với các bẫy dây nhắm mục tiêu đa loài. Những ví dụ bao gồm:

- Bẫy dây cáp dày đối với hổ
- Hàng rào trôi lớn với dây cáp lớn đối với gấu





© Wildlife Alliance



Khi mặt đỏ/Camille Coudrat/Anoulak (2014)

## Mục tiêu đa loài - tác động bất kể loài nào

Cho đến nay, đây là loại bẫy dây phổ biến nhất ở Đông Nam Á, và đặc biệt phổ biến ở Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam. Chúng thường được làm bằng vật liệu rẻ tiền và sẵn có tại địa phương như dây thừng, dây ni lông hoặc dây cáp mỏng (thường là cáp phanh xe đạp), và có thể được đặt với số lượng lớn mà không cần đầu tư, công sức hoặc lên kế hoạch. Động lực khi đặt loại bẫy này là có thể bắt các loài thú móng guốc để phục vụ thị trường buôn bán thịt ĐVHD (bẫy dây lớn hơn) hoặc bắt các loài thú ăn thịt hoặc chim nhỏ (bẫy dây nhỏ hơn). Tuy nhiên, những bẫy dây không phân biệt chủng loại này đã bẫy được nhiều loài động vật khác.

Bẫy dây có nhiều loại và khác nhau về vị trí cài đặt, kiểu sát thương, vật liệu làm bẫy và có hoặc không có hàng rào định hướng. Hàng rào định hướng là một hàng rào nhỏ, được làm bằng các thanh để lừa tất cả các loài động vật di chuyển dọc theo một đường dẫn tới bẫy dây đã được đặt đón lõng tại các khoảng trống cách đều nhau dọc theo hàng rào.



## Bẫy dây điện

Gần đây có bằng chứng về việc sử dụng bẫy dây điện để săn động vật móng guốc. Những thiết bị gia dụng gây chết người này có thể được làm bằng cách kết nối cáp dây với ổ quy đặt trên mặt đất, qua bộ biến tần hoặc bằng cách nối cáp dây trực tiếp vào đường dây điện. Những dây cáp này sau đó có thể được rải trên mặt đất dài hàng trăm mét, và thậm chí còn được sử dụng để nối điện vào các hố nước và hố muối. Mặc dù thường được làm từ các vật liệu tương tự như bẫy dây - trọng tâm của báo cáo này- nhưng lại khác về cách giết động vật.

Riêng năm 2019, trong hai khu bảo tồn ở miền đông Campuchia, kiểm lâm đã gỡ bỏ và vô hiệu hóa hoạt động của tổng cộng 1,3 km bẫy dây điện.



### **Ít nhất bốn người đã tử vong do mắc bẫy dây điện ở Campuchia và Ấn Độ trong những năm gần đây:**

- Vào tháng 11 năm 2016, Sorn Phoeaurn, một phó cảnh sát trưởng, bị điện giật thiệt mạng ở tỉnh Monduliri sau khi giẫm phải dây cáp bẫy dây có nối ổ quy.<sup>7</sup>
- Vào tháng 11 năm 2019, Yem Sokhim, một nông dân ở tỉnh Monduliri, bị thiệt mạng ngay lập tức bởi một chiếc bẫy dây điện khi anh ta đi lấy nước gần cánh đồng lúa.<sup>8</sup>
- Vào tháng 12 năm 2019, một dây cáp điện được đặt để giết hươu và lợn rừng, đã gây ra cái chết của hai người, Supardi và Ripul Amsa, ở quận Sungai Menang của Nam Sumatra, Ấn Độ.<sup>9</sup>



## Bẫy dây để bảo vệ mùa màng

Ở khắp Đông Nam Á, nông dân địa phương đặt bẫy dây quanh làng mạc của họ như một biện pháp để bảo vệ cây trồng (ngăn ĐVHD phá hoại mùa màng). Những chiếc bẫy dây này là loại bẫy dây không phân biệt loài, và có thể giết chết nhiều loài không chủ đích (bao gồm cả những loài có nguy cơ tuyệt chủng) và làm cạn kiệt các quần thể ĐVHD. Cần tích cực thúc đẩy các biện pháp khác để ngăn ngừa hoặc đền bù thiệt hại mùa màng do ĐVHD gây ra. Các phương tiện phòng ngừa có thể bao gồm dựng rào, ngăn chặn bằng ánh sáng hoặc tiếng ồn, hoặc thuê người bảo vệ cây trồng vào ban đêm.

*Chiến lợi phẩm bò rừng và hoẵng bị mắc bẫy dây.*

© Lor Sokhoeurn/WWF-Campuchia

## PHẦN 1: Tổng quan về cuộc khủng hoảng bẫy dây

# MỤC 2: Động vật bị mắc bẫy dây

Bẫy dây được sử dụng để bắt thú, chim và bò sát, với hơn 700 loài thú ở Đông Nam Á đã trực tiếp bị mắc bẫy dây hoặc bị ảnh hưởng tiêu cực bởi bẫy dây.

Chúng bao gồm một số loài nổi tiếng và mang tính biểu tượng nhất của khu vực như hổ, voi, tê giác, đười ươi và gấu. Nhìn chung, bẫy dây ảnh hưởng đến 80% các họ động vật có vú trên cạn ở Đông Nam Á.

	Họ	Tên tiếng Anh	Số loài ở DNA
  	Muridae	Mice, rats, gerbils/Chuột	300
  	Cricetidae	Hamsters, voles, lemmings/Dúi	4
  	Sciuridae	Squirrels/Sóc	94
  	Spalacidae	Bamboo rats/Chuột núi	4
  	Hystriidae	Porcupines/Nhím	7
 	Diatomyidae	Laotian rockrat/Chuột đá Lào	1
  	Soricidae	Shrews/Chuột chù	67
  	Erinaceidae	Hedgehogs/Chuột voi	7
 	Cercopithecidae	Monkeys/Khỉ	45
 	Hylobatidae	Gibbons/Vượn	17
























































Mục tiêu bẫy dây



Có thể là mục tiêu bẫy dây



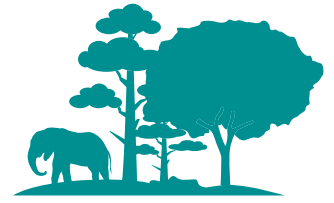
Bị sa bẫy dây

	<i>Họ</i>	<i>Tên tiếng Anh</i>	<i>Số loài ở ĐNA</i>
	 Hominidae	Great Apes/Vượn người	3
	  Bovidae	Cattle/Trâu/Bò	17
	  Cervidae	Deer/Hươu/Nai	23
	  Suidae	Pigs/Lợn	12
	  Tragulidae	Chevrotain/Cheo cheo	6
	  Moschidae	Musk Deer/Hươu xạ	2
	  Mustelidae	Weasels-Martens/Chồn	18
	  Felidae	Cats/Mèo	11
	  Canidae	Dogs/Chó	5
	  Herpestidae	Mongoose/Triết	6
	  Viverridae	Civets/Cầy	13
	  Mephitidae	Stink Badgers/Lửng Lợn	2
	  Ursidae	Bears/Gấu	2
	  Prionodontidae	Linsang/Cầy gấm	2
	  Ailuridae	Red Panda/Gấu trúc đỏ	1
	  Leporidae	Rabbits/Thỏ	6
	  Ochotonidae	Pikas/Thỏ cộc	2
	  Tupaiidae	Tree Shrews/Đồi	20
	  Rhinocerotidae	Rhinoceros/Tê giác	2
	  Tapiridae	Tapirs/Heo vòi	1
	  Manidae	Pangolins/Tê tê	3
	  Elephantidae	Elephants/Voi	1

Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam đang là trung tâm của cuộc khủng hoảng bẫy dâm ở với số lượng bẫy dâm cao hơn các nước khác trong khu vực (xem trang 26). Có 12 loài động vật có vú trên cạn (có nghĩa là không bao gồm dơi, linh trưởng, động vật giáp xác) được IUCN phân loại là Nguy cấp hoặc Cực kỳ nguy cấp ở ba quốc gia này, tất cả đều bị tác động mạnh bởi nạn bẫy dâm. Trừ khi nạn bẫy dâm động vật được giảm mạnh, rất có thể những loài này sẽ biến mất khỏi khu vực. Thêm bảy loài linh trưởng bán cạn nguy cấp hoặc cực kỳ nguy cấp, bao gồm cả voọc chà vá chân nâu và chân xám, cũng xuất hiện ở ba quốc gia này - chúng cũng bị đe dọa bởi cuộc khủng hoảng bẫy dâm trong khu vực.

12 loài động vật có vú trên cạn ở Campuchia, Việt Nam và CHDCND Lào được IUCN phân loại là Nguy cấp hoặc Cực kỳ nguy cấp đều bị tác động mạnh bởi hoạt động đặt bẫy dâm.





" Có mười hai loài động vật có vú trên cạn nguy cấp hoặc cực kỳ nguy cấp ở Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam bị tác động mạnh bởi nạn bẫy dơi."



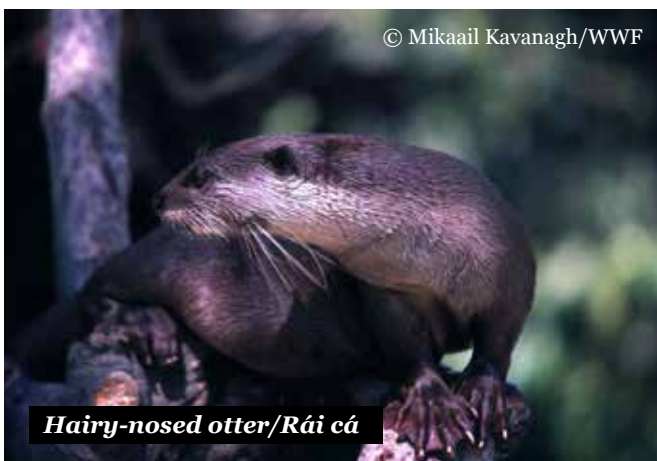
© Leibniz-IZW\_WWF-Vietnam\_KBT Sống Thanh

**Large-antlered muntjac/Mang lớn**



© David Hulse/WWF

**Sao la**



© Mikhaail Kavanagh/WWF

**Hairy-nosed otter/Rái cá**



© Leibniz-IZW\_Dự án CarBi WWF-Việt Nam\_Khu BT Sao la Huế

**Annamite striped rabbit/Thỏ vằn**



© Anton Vorauer/WWF

**Banteng/Bò rừng**



© T Gray/WWF Campuchia

**Dhole/Chó rừng**



SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẦY DÂY





## PHẦN 1: Tổng quan về cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây

# MỤC 3: Có bao nhiêu bẫy dây ở đó?

Dữ liệu được thu thập về số lượng bẫy dây được kiểm lâm gỡ bỏ từ 11 khu bảo tồn ở năm quốc gia Đông Nam Á (Campuchia, Indônêxia, CHDCND Lào, Malaixia, Việt Nam) từ năm 2005 đến năm 2019 (Bảng 1). Dữ liệu được thu thập từ 3 đến 10 năm ở mỗi khu tuần tra. Trên tất cả các khu được tuần tra, tổng số 371.856 bẫy dây đã được gỡ bỏ (khoảng 53.000 mỗi năm) (Bảng 1).

<i>Khu Bảo tồn</i>	<i>Diện tích (km<sup>2</sup>)<sup>10</sup></i>	<i>Tổng số Bẫy dây được gỡ bỏ</i>	<i>Bình quân số bẫy dây được gỡ bỏ/năm</i>	<i>Năm dữ liệu</i>
Khu Bảo Tồn loài Srepok, Campuchia <sup>1</sup>	3.730	12.600	1.260	2010-2019
Khu Bảo tồn loài Phnom Prich, Campuchia <sup>1</sup>	2.700	7.219	1.444	2015-2019
Khu Bảo tồn loài Keo Seima, Campuchia <sup>3</sup>	2.990	8.477	942	2010-2018
Kulen Promtep, Campuchia <sup>3</sup>	5.500	10.789	2.158	2014-2018
Vườn Quốc gia Nam Cardamom, Campuchia <sup>2</sup>	5.546	195.206	19.521	2010-2019
Khu Bảo tồn Quốc gia Nam Et-Phou Loey, CHDCND Lào <sup>6</sup>	3.000	1.144	191	2010-2015
Khu Bảo tồn Quốc gia Nam Pouy, CHDCND Lào <sup>1</sup>	2.500	240	80	2016-2018
Khu Bảo tồn Quốc gia Nakai Nam Theun, CHDCND Lào <sup>4</sup>	3.445	3.400	850	2016-2019
Khu Bảo tồn Sao la Huế-Quảng Nam, Việt Nam <sup>1</sup>	320	127.857	14.206	2011-2019
Vườn Hoàng Gia Belum, Malayxia <sup>1</sup>	1.175	1.272	212	2014-2019
Vườn Quốc gia Kerinci Seblat, Indonexia <sup>5</sup>	6.500	3.652	365	2005-2014

Bảng 1: Dữ liệu về loại bỏ bẫy dây từ 11 khu bảo tồn ở Đông Nam Á.

Nguồn dữ liệu

<sup>1</sup> Báo cáo Tuần tra SMART của Chính Phủ/WWF

<sup>2</sup> Gray et al., 2018/Báo cáo năm của Wildlife Alliance [<https://www.wildlifealliance.org/financial-reports/>]

<sup>3</sup> Báo cáo Tuần tra SMART của WCS/đối tác Chính phủ

<sup>4</sup> Các báo cáo năm của Anouлак [<https://www.conservationlaos.com/resources/our-annual-reports/>]

<sup>5</sup> Risdianto, D., Martyr, D.J., Nugraha, R.T., Harihar, A., Wibisono, H.T., Haidir, I.A., Macdonald, D.W., D’Cruze, N. and Linkie, M., 2016. Đánh giá những biến động của các loại hình săn trộm từ một can thiệp thực thi pháp luật dài hơi ở Sumatra. Tạp chí Biological Conservation, 204, PP.306-312.

<sup>6</sup> Gray, T.N., Hughes, A.C., Laurance, W.F., Long, B., Lynam, A.J., O’Kelly, H., Ripple, W.J., Seng, T., Scotson, L. and Wilkinson, N.M., 2018. Cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây săn bắt các loài hoang dã: Mối hiểm họa khôn lường đối với đa dạng sinh học ở Đông Nam Á. Tạp chí Biodiversity and conservation, 27(4), PP.1031-1037.



## Phát hiện bầy dâ ở Đông Nam Á

Mặc dù bầy dâ hay được đặt khắp các khu rừng ở Đông Nam Á, nhưng không dễ phát hiện ra chúng. Chúng thường nhỏ, được giấu kín và trải trên các khu vực rộng lớn, xa xôi. Do đó, ngay cả các đội tuần tra được đào tạo bài bản và nhiệt huyết cũng gặp khó khăn trong việc tìm và gỡ bỏ bầy dâ. Một nghiên cứu thử nghiệm nhằm định lượng tần suất phát hiện bầy dâ dành cho một nhóm kiểm lâm Campuchia, những người được hướng dẫn tìm kiếm các ô lưới 1X1-KM theo quy định cho các bầy dâ 'giả' do nhà nghiên cứu phối hợp với các thợ săn địa phương thiết kế. Chưa đến 40% bầy dâ sẵn có được phát hiện ở các khu rừng xanh, trong khi chỉ hơn 20% bầy dâ được tìm thấy ở các khu rừng hỗn hợp.<sup>11</sup> Trong cùng một cảnh quan, một bài tập mô hình sử dụng dữ liệu điều tra bầy dâ (do kiểm lâm thực thi pháp luật thu thập nhưng không trong hoạt động tuần tra định kỳ) xác suất phát hiện bầy dâ ước tính ở mức ~ 33%.<sup>12</sup> Một nghiên cứu tương tự cho thấy xác suất phát hiện bầy dâ là ~ 25% trong khu vực 0,25 Km<sup>2</sup> trong cuộc tìm kiếm kéo dài 60 phút của các kiểm lâm viên được tập huấn.<sup>13</sup>

Tuy nhiên, khả năng phát hiện bầy dâ 'trung bình' của kiểm lâm ở các khu bảo tồn Đông Nam Á có thể thấp hơn đáng kể, vì hai lý do: i) Tỷ lệ được đề cập ở trên được ước tính trong điều kiện có kiểm soát, ở những nơi kiểm lâm được trang bị trước để xác định các bầy dâ giả (điều kiện tuần tra bình thường sẽ khác), và; ii) Kiểm lâm trong nghiên cứu này đã được đào tạo chuyên sâu và được hỗ trợ bởi mức đầu tư bảo tồn cao cho hoạt động xây dựng năng lực và quản lý.

Cần phải thừa nhận rằng không có bất kỳ khu bảo tồn nào được tuần tra toàn diện hàng năm, và ngay cả trong những khu vực được tuần tra đó, không phải tất cả bầy dâ đều được các đội thực thi pháp luật phát hiện ra. Do đó, để ước tính tổng số bầy dâ trong mỗi khu bảo tồn, ba giả thiết sau đã được đưa ra:

- Chỉ có thể phát hiện ra bầy dâ khi tuần tra bộ.
- Kiểm lâm đã tuần tra 25% diện tích khu bảo tồn hàng năm.
- Trong các khu vực được tuần tra, tỷ lệ phát hiện là từ 10% (tỷ lệ thấp) đến 30% (tỷ lệ cao) trong tổng số bầy dâ đã được phát hiện (xem hộp trên). Các số liệu được báo cáo dưới đây là từ tỷ lệ phát hiện trung bình (20%), tỷ lệ thấp và cao được đặt trong ngoặc đơn.

Tổng số bầy dâ được ước tính trong mỗi khu bảo tồn, sử dụng các giả định trên, được chia cho các cuộc tuần tra gỡ bỏ bầy dâ theo khu tuần tra để ước tính mật độ bầy dâ của từng khu tuần tra cụ thể. Sau đó, mật độ bầy dâ cụ thể của khu tuần tra được tính trung bình để ước tính mật độ bầy dâ trong toàn khu vực. Cách làm này được áp dụng cho tất cả các khu bảo tồn trong tiểu vùng Mê Kông, nơi có đủ dữ liệu để đưa ra ước tính một cách hợp lý (lục địa phía Đông của Đông Nam Á - xem Bảng 2).

*Lưu ý quan trọng: Ước tính số lượng bầy dâ tại Đông Nam Á là ước tính tốt nhất dựa trên dữ liệu hạn chế, và do đó tính xác thực về thống kê không cao. Các số liệu cho thấy mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng đặt bầy dâ ở Đông Nam Á.*

Mật độ bẫy dây ước tính trên 11 khu bảo tồn rất khác nhau, từ 880/km<sup>2</sup> (590-1.775) ở Khu bảo tồn Sao la Huế-Quảng Nam, Việt Nam đến 1,1/km<sup>2</sup> (0,7-2,2) ở Kerinci Seblat,<sup>14</sup> Indônêxia. Dựa trên mật độ bẫy dây cụ thể của khu bảo tồn, tổng số bẫy dây hiện có trên 11 khu bảo tồn được ước tính là **824.580** (549.170-1.649.160). 11 khu bảo tồn này có diện tích gần 40.000 km<sup>2</sup> và hỗ trợ các quần thể quan trọng của một số loài thú quý hiếm nhất và thu hút nhất Châu Á bao gồm hổ, voi châu Á, sao la và bò rừng. Tất cả các loài này đều đang bị đe dọa trực tiếp bởi cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây ở Đông Nam Á, với số lượng bẫy dây khổng lồ thể hiện rõ mức độ của mối đe dọa mà bẫy dây gây ra.

## Sự khác biệt giữa các khu vực liên quan đến bẫy dây:

Ở phía đông lục địa Đông Nam Á (Campuchia, CHDCND Lào, Việt Nam) các loại bẫy dây nhỏ hơn được đặt với số lượng lớn, chủ yếu để bắt các loài thú móng guốc và thú nhỏ để lấy thịt buôn bán. Tại 9 khu bảo tồn ở các nước này, mật độ bẫy dây trung bình được đặt ước tính là 110,7/km<sup>2</sup> (73,8-222,5).

Mặc dù bẫy dây loại này cũng được tìm thấy ở các điểm nghiên cứu Sundaic (bán đảo Malaixia và Sumatra), nhưng nhiều loại bẫy dây ở các quốc gia đó thuộc loại cáp dày hơn (dày 5-10mm). Điều này cho thấy những kẻ săn trộm bằng bẫy dây có khả năng nhắm vào những động vật lớn hơn như hổ, báo hoặc gấu, những con vật có thể nhai hoặc đứt đứt các bẫy dây nhỏ hơn.

Những khác biệt giữa các vùng này cũng nói lên thực tế rằng việc săn bắt nhiều khiến động vật từng bước bị tuyệt chủng, cuối cùng lên đến đỉnh điểm là một 'khu rừng rỗng' (xem trang 48). Đầu tiên, các loài lớn hơn biến mất khỏi cảnh quan do bị mắc bẫy dây và sau đó các động vật nhỏ hơn lần lượt bị tuyệt chủng cục bộ. Diễn tiến này đã được quan sát thấy ở Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam với một vài loài thú lớn còn sót lại ở nhiều khu bảo tồn của các quốc gia này.<sup>1</sup> Nếu không có hành động mạnh mẽ, kịch bản tương tự có thể sớm bùng phát trên toàn bộ phần còn lại của Đông Nam Á.

Các ước tính về tổng số bẫy dây tại các khu bảo tồn của Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam được đưa ra trong Bảng 2. Không có ước tính tương tự cho các điểm nghiên cứu Sundaic do cỡ mẫu không đủ (n = 2). Do đó, cần ưu tiên nghiên cứu để xác lập tỉ lệ bẫy dây ở các quốc gia này (và các quốc gia khác như Thái Lan, Myanmar và Philippin).

Để ước tính số lượng bẫy dây trên toàn khu vực Đông Dương sử dụng phần lớn nguồn số liệu có sẵn từ các nghiên cứu (Đông lục địa Đông Nam Á, bao gồm Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam), người ta lấy mật độ bẫy dây trung bình của khu vực từ dữ liệu phát hiện bẫy dây hiện có (Bảng 1) ngoại suy ra các khu bảo tồn còn lại trên khắp các quốc gia đó (Bảng 2).

Các tính toán cho thấy ước tính có khoảng **12,3 triệu bẫy dây** (8,2 - 24,8 triệu) hiện diện trong các khu bảo tồn của Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam.



*Một con gấu chó được tìm thấy mắc bẫy dây ở Khu Bảo tồn Belum Temengor, Malaixia.*

© WWF-Malaixia/  
Lau Ching Fong

Tổng số bẫy dây được đặt trên toàn Đông Nam Á sẽ cao hơn đáng kể so với con số này. Mặc dù bằng chứng sẵn có từ hai địa điểm nghiên cứu ở khu vực Sundaic cho thấy rằng số lượng bẫy dây có thể thấp hơn nhiều ở các nước Đông Nam Á khác, nhưng điều quan trọng là cần nhận thấy số liệu ước tính ở trên (12,3 triệu bẫy dây) chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng số các khu bảo tồn của khu vực (khoảng 11%) Đông Nam Á.<sup>2</sup> Hơn nữa, bẫy dây thường được đặt bên ngoài các khu bảo tồn (thường nằm ngoài ranh giới của chúng) với những hậu quả hủy diệt tương tự đối với ĐVHĐ.


<b>Quốc gia</b>	<b>Diện tích khu bảo tồn (km<sup>2</sup>)<sup>3</sup></b>	<b>Tiểu vùng địa lý</b>	<b>Ước tính mật độ bẫy dây (km<sup>2</sup>)</b>	<b>Ước tính số lượng bẫy dây hiện diện</b>
Cambodia	47.503	Lục địa phía đông của Đông Nam Á	110,7	12.296.445
Lào	38.582		(73,8-222,5)*	(8.197.630-24.715.078)*
Việt Nam	24.994			

*\*phạm vi tối thiểu và tối đa của số bẫy dây ước tính trong ngoặc đơn.*

**Bảng 2: Ước tính số bẫy dây hiện diện trong các khu bảo tồn của Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam.**

**Nguồn**

- 1 Gray, T.N., Billingsley, A., Crudge, B., Frechette, J.L., Grosu, R., Herranz-Muñoz, V., Holden, J., Keo, O., Kong, K., Macdonald, D. and Neang, T., 2017. Tình trạng và ý nghĩa bảo tồn của các loài thú trên cạn ở Cảnh Quan Rừng mưa Cardamom, Tây Nam Campuchia. Tạp chí Natural History của Campuchia, 2017, pp.38-48. Xem thêm; Hoffmann, M., Abramov, A., Duc, H.M., Long, B., Nguyen, A., Son, N.T., Rawson, B., Timmins, R., Van Bang, T. and Willcox, D., 2019. Tình trạng các loài thú ăn thịt (Canidae, Carnivora) ở Việt Nam. Tạp chí Threatened Taxa, 11(8), PP.13951-13959. Xem thêm; Rasphone, A., Kéry, M., Kamler, J.F. and Macdonald, D.W., 2019. Tài liệu hóa sự mất dần các loài hổ, báo và tình trạng các loài thú ăn thịt và thú mồi ở khu bảo tồn đáng giá nhất của CHDCND Lào: Nam Et-Phou Louey. Tạp chí Global Ecology and Conservation, 20, p.e00766.
- 2 Cảnh quan nơi có 12.3 triệu bẫy dây trên 64.539 km<sup>2</sup>, chỉ chiếm 10.8% của 595.339 km<sup>2</sup> của tổng diện tích tất cả các khu bảo tồn trên cạn của 10 nước ASEAN.
- 3 Nguồn số liệu về tổng diện tích các khu bảo tồn được lấy từ: IUCN/UNEP at <https://www.protectedplanet.net/>



*Đỗ Minh Chánh, nhân viên  
bảo vệ Vườn Quốc gia,  
theo dõi qua ống nhòm  
Vườn Quốc gia Tràm Chim,  
Việt Nam.*

© Thomas Cristofolletti/WWF-US



# PHẦN 2

TUẦN TRÀ RỪNG VÀ GỖ BỎ BẦY DÂY

## PHẦN 2: Tuần tra rừng và gỡ bỏ bẫy dây

**Lực lượng kiểm lâm của chính phủ và cộng đồng đảm nhận nhiều vai trò khác nhau để đảm bảo các khu bảo tồn duy trì đa dạng sinh học và chức năng của các dịch vụ hệ sinh thái vì lợi ích của các thế hệ hiện tại và tương lai.**

Tuần tra thực thi pháp luật hiệu quả làm giảm các mối đe dọa đối với ĐVHĐ trong các khu bảo tồn<sup>15</sup> và là một bộ phận quan trọng của các chiến lược tổng thể về chống săn trộm, như Khuôn khổ Không săn trộm.<sup>15,16</sup>



*Nhân viên  
bảo vệ rừng ở  
Trung Trường  
Sơn, Việt Nam  
cùng bẫy dây.*

© Denise Stilley/  
WWF-Viet Nam



Ở Đông Nam Á, một chiến lược được áp dụng rộng rãi là sử dụng các cuộc tuần tra của lực lượng kiểm lâm, vừa như một biện pháp thực thi luật chống bẫy dây, vừa để trực tiếp gỡ bỏ bẫy dây. Đây là một trong những cách tiếp cận đơn giản nhất để chống lại cuộc khủng hoảng bẫy dây, mặc dù còn có một số hạn chế do nó thường không giải quyết được nguyên nhân gốc rễ của nạn săn trộm. Hơn nữa, khả năng tác động của lực lượng kiểm lâm trong công tác chống bẫy dây thường bị hạn chế bởi ít có khả năng xảy ra hậu quả pháp lý nghiêm trọng đối với những người phạm tội bị bắt giữ, nên không răn đe được việc họ tái phạm (xem trang 72).

Như đã lưu ý trong phần trước, từ năm 2005 đến năm 2019, hơn 370.000 bẫy dây được kiểm lâm tuần tra loại bỏ khỏi 11 khu bảo tồn ở năm quốc gia. Riêng đối với nhiệm vụ loại bỏ bẫy dây (tức là không tính đến các cản trở), có ba khó khăn chính làm hạn chế tác động tổng thể của việc sử dụng lực lượng kiểm lâm cho nhiệm vụ này. Đó là: i) không đủ lực lượng kiểm lâm ở nhiều nơi ở Đông Nam Á; ii) khả năng phát hiện bẫy dây thấp; và iii) chi phí đặt lại bẫy dây thấp. Do đó, trong phần lớn các cuộc tuần tra khu vực có mật độ bẫy dây cao, chỉ có các cuộc tuần tra của kiểm lâm sẽ không thể loại bỏ phần lớn bẫy dây.<sup>17</sup>

## Lực lượng kiểm lâm mỏng và điều kiện làm việc kém

- Các đánh giá gần đây cho thấy lực lượng kiểm lâm nhà nước ở Đông Nam Á đang phải đối mặt với nhiều vấn đề, làm hạn chế hiệu quả chung của họ. Một cuộc khảo sát được thực hiện tại nơi làm việc của hơn 2.000 kiểm lâm cho thấy 30% cho rằng khóa đào tạo ban đầu của chưa đủ để giải quyết công việc, và khoảng một nửa chỉ ra trang thiết bị cơ bản và thiết bị liên lạc của họ không đủ. Hơn một nửa cũng tin rằng những kẻ săn trộm mà họ bắt giữ đã được các cán bộ thẩm phán và công tố xử quá nhẹ, điều này có thể tác động tiêu cực đến việc bắt giữ.<sup>18</sup>
- Kinh nghiệm quốc tế tốt nhất cho rằng các chính phủ cần đảm bảo từ 2-10 kiểm lâm trên 100 km<sup>2</sup> ở các khu bảo tồn.<sup>19</sup> Mật độ kiểm lâm thích hợp trong phạm vi rộng phụ thuộc vào mức độ đe dọa của việc săn trộm. Trước những mối đe dọa nghiêm trọng của nạn săn bắt lan rộng và tội phạm ĐVHD khác ở Đông Nam Á, các quốc gia trong khu vực nên đạt được mật độ kiểm lâm từ 5-10 kiểm lâm/100 km<sup>2</sup>, ngưỡng mà phần lớn các quốc gia Đông Nam Á đều chưa đạt vào lúc này.

## Khả năng phát hiện bẫy dây thấp

- Ngay cả khi các kiểm lâm được trang bị, đào tạo và có nhiệt huyết, xác suất kiểm lâm phát hiện bẫy dây trong khu vực được tuần tra là rất thấp.<sup>20</sup>
- Khi khả năng phát hiện bẫy dây của lực lượng kiểm lâm tăng lên, những kẻ săn trộm bị phát hiện đã thay đổi hành vi của họ để đối phó - ví dụ: bằng cách ẩn nấp và ngụy trang bẫy dây, không đặt bẫy tại đường mòn hoặc đặc bẫy ở những nơi ít được kiểm lâm chọn tuần tra nhiều hơn.<sup>21</sup>
- Tuần tra dựa vào tin báo làm tăng đáng kể khả năng phát hiện bẫy dây. Tại Sumatra, Indônêxia, người ta nhận thấy rằng các cuộc tuần tra được thực hiện trên cơ sở chia sẻ thông tin địa phương có khả năng phát hiện bẫy dây cao hơn đáng kể so với các cuộc tuần tra thông thường, với số lượt phát hiện tăng hơn 40% .<sup>22</sup>
- Đi bộ tuần tra là phương cách hữu hiệu duy nhất để phát hiện bẫy dây. Tuy nhiên, mức độ bao phủ của tuần tra này thường thấp ở các khu bảo tồn Đông Nam Á<sup>23</sup>, nơi việc sử dụng phương tiện giao thông hoặc tàu thuyền khi tuần tra là phổ biến.



SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẦY DÂY



## Các chiến lược loại bỏ bẫy dây hiệu quả như thế nào?

Nơi các loài có giá trị cao và quý hiếm (hổ hoặc tê giác) bị các băng nhóm săn trộm có tổ chức săn bắt bằng bẫy dây, chi phí cơ hội cao của loại bẫy dây này thường có nghĩa là cần có biện pháp loại bỏ bẫy dây chuyên sâu để ngăn chặn có hiệu quả. Hoạt động bẫy dây như vậy đòi hỏi thời gian và nỗ lực đáng kể của những người đi săn, họ thường phải đi xuyên biên giới quốc tế và sau đó đi bộ nhiều ngày qua những địa hình khó khăn để đến các địa điểm xa xôi hẻo lánh nhằm phát hiện các dấu hiệu của động vật và đặt các bẫy dây cáp lớn và nặng. Việc phát hiện ra những chiếc bẫy dây lớn như vậy, đặc biệt là những chiếc bẫy hổ - một loài mà di chuyển của chúng thường có thể đoán trước được do để lại các dấu vết dọc theo đường đi - cũng dễ dàng hơn nhiều so với những chiếc bẫy dây động vật móng guốc nhỏ hơn. Vì vậy, khả năng tiêu hủy một tỷ lệ lớn bẫy dây có thể đẩy lùi những kẻ săn trộm đã đặt chúng.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng kích bản bẫy dây này không phải là chuẩn mực trong khu vực và nhiều nghiên cứu đã kết luận rằng chỉ gỡ bỏ bẫy dây thôi là không đủ để ngăn chặn các tác động tiêu cực của bẫy dây đối với ĐVHD.

Ví dụ, trong hầu hết các tình huống được mô hình hóa, không thể làm mô hình chuẩn đối với gỡ bỏ bẫy dây chỉ bằng cách tuần tra của kiểm lâm mà làm khác biệt được giữa tuyệt chủng và tồn tại của hầu hết các loài. Các loài sinh sản nhiều và nhanh thường tồn tại ngay cả khi không loại bỏ bẫy dây trong khi các loài hiếm khi sinh sản hoặc sinh sản chậm hơn vẫn có khả năng bị tuyệt chủng theo mô hình này.<sup>24</sup>

Bằng chứng cho thấy rằng các cuộc tuần tra loại bỏ bẫy dây có thể làm giảm 1/3 số lượng bẫy dây, đặc biệt ở những khu vực không có tuần tra trước đó. Điều này đã được chứng minh ở Việt Nam và Malaixia sau khi thành lập các đội tuần tra, chống săn trộm và gỡ bỏ bẫy dây dựa vào cộng đồng do kiểm lâm dẫn dắt (xem trang 66).<sup>25</sup> Tuy nhiên, người ta cũng nhận thấy rằng việc áp dụng các đội tuần tra gỡ bỏ bẫy dây trong khu vực lần đầu tiên cũng chỉ ngăn chặn một nhóm hữu hạn những kẻ săn trộm nhất định. Điều này có nghĩa là sẽ khó giảm được cường độ đặt bẫy dây tiếp theo, vì nó đòi hỏi phải thay đổi hoạt động của một nhóm nhỏ những kẻ săn trộm tinh vi hơn.<sup>26</sup> Ví dụ, một nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy mức giảm ban đầu là 25-40% trong các khu vực có bẫy dây trong năm đầu tiên của cuộc tuần tra, nhưng lại không giảm tiếp sau đó.<sup>27</sup>

*Đội tuần tra gỡ bỏ bẫy dây ở Việt Nam.*



## KHUYẾN NGHỊ:

***Với mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây ở Đông Nam Á - ngay ở trong các khu bảo tồn - các chính phủ trong khu vực cần phải:***

- Tăng số lượng kiểm lâm cho các khu bảo tồn và đảm bảo mật độ kiểm lâm làm công việc tuần tra rừng trong các khu bảo tồn tối thiểu đạt 5 kiểm lâm trên 100 km<sup>2</sup>.
- Tăng phạm vi và tần suất tuần tra của kiểm lâm trong các khu bảo tồn, bao gồm tần suất và phạm vi tuần tra bằng đi bộ. Cần tăng ưu tiên trước hết cho các khu vực có các loại bẫy dây lớn nhắm vào các loài có giá trị thương mại (ví dụ như gấu, hổ, báo...).
- Đảm bảo lực lượng kiểm lâm được trang bị và đào tạo đầy đủ để phát hiện ra các bẫy dây một cách an toàn và ngăn chặn những tên săn trộm xâm nhập vào các khu vực được bảo vệ.
- Tăng tỷ lệ các cuộc tuần tra của kiểm lâm sử dụng tin báo (tức là những cuộc tuần tra sử dụng người cung cấp thông tin và phần mềm tối ưu hóa tuần tra như SMART).
- Thừa nhận rằng chỉ áp dụng phương pháp tuần tra của kiểm lâm không đủ để giảm đáng kể tình trạng đặt bẫy dây. Phương pháp này cần được đi kèm với hệ thống pháp luật chặt chẽ, làm việc với cộng đồng địa phương và những người vi phạm pháp luật nhận được hình phạt thích đáng.

*Tháo bẫy dây ở Khu Bảo tồn  
Belum Temengor, Malaixia*

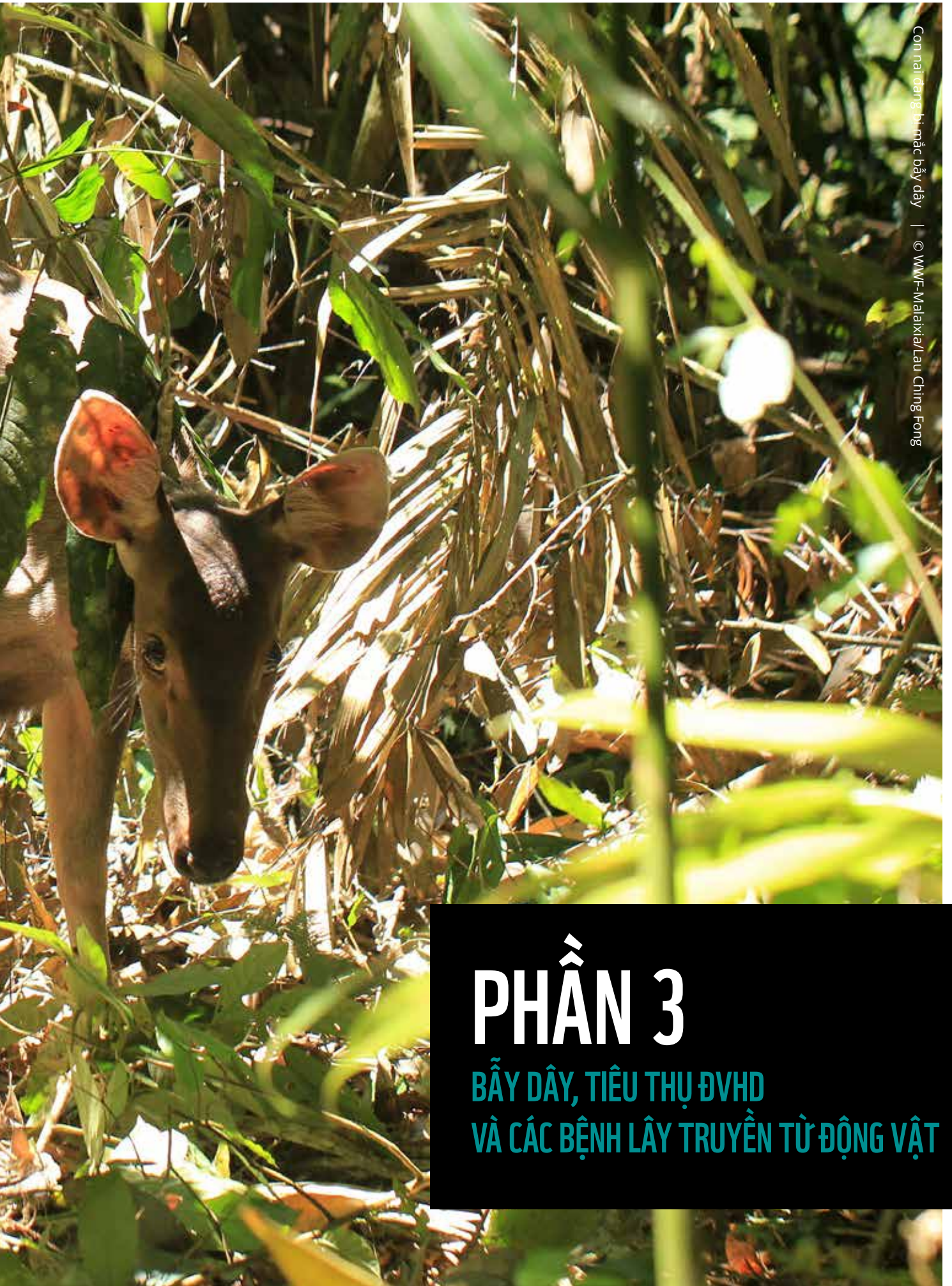
© Lau Ching Fong







SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẦY DÂY



# PHẦN 3

**BẮY DÂY, TIÊU THỤ ĐVHD  
VÀ CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT**

## PHẦN 3: Bẫy dây, tiêu thụ ĐVHD và các bệnh lây truyền từ động vật

# Nhu cầu về đặc sản thịt ĐVHD từ những loài có nguy cơ lây truyền bệnh cao đang thúc đẩy phần lớn hoạt động đặt bẫy dây:

Mặc dù không đúng khi xét về mặt lịch sử, nhưng ngày nay trên các khu vực rộng lớn của Đông Nam Á, tầng lớp trung lưu và thượng lưu thành thị tiêu thụ một tỷ lệ lớn ĐVHD - với thịt ĐVHD ngày càng được coi là đặc sản hoặc phương tiện thể hiện địa vị và tầm ảnh hưởng.<sup>28</sup> Ở các đô thị mật độ dân số cao trong khu vực, ngay cả khi mỗi người tiêu dùng chỉ ăn trung bình một lượng nhỏ ĐVHD hàng năm, thì tổng số lượng người tiêu dùng lớn có nghĩa là nhu cầu sẽ có tác động đáng kể đến quần thể ĐVHD. Sự thay đổi trong tiêu dùng đô thị này được tạo ra nhờ việc tăng khả năng tiếp cận tới các khu vực đa dạng sinh học mà trước đây khó tiếp cận.

Hiện tại, phần lớn những gì chúng ta biết về tiêu thụ thịt ĐVHD ở Đông Nam Á đến từ các nghiên cứu được thực hiện ở Việt Nam. Các nghiên cứu chỉ ra trong khi thịt tê tê hoặc hổ có thể được dành cho những người rất giàu có, thì hầu hết các loài ăn thịt nhỏ và động vật móng guốc thường được những người có thu nhập thấp hơn (ví dụ như tầng lớp trung lưu) dùng làm món ăn xa xỉ. Các cuộc khảo sát cho thấy từ 20% đến 80% (tùy thuộc vào thành phố và cuộc điều tra) người thành thị Việt Nam ăn các sản phẩm từ thịt ĐVHD ít nhất một lần mỗi năm.<sup>29</sup> Do dân số đô thị của Việt Nam khoảng 35 triệu người và ngày càng tăng, nên số lượng người tiêu dùng tiềm năng đang gây áp lực đáng kể và có thể không bền vững đối với ĐVHD trong khu vực.



## Bệnh lây truyền từ động vật

**Bệnh có nguồn gốc động vật là bệnh truyền nhiễm do mầm bệnh gây ra - chẳng hạn như vi rút hoặc vi khuẩn - đã chuyển từ vật chủ là động vật sang người. Những bệnh này chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số các bệnh mà con người đã trải qua:**

- 58% tất cả các loài gây bệnh cho người được xác định có nguồn gốc từ động vật.<sup>30</sup>
- Từ 60% đến 73% các bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện hoặc đang tái xuất hiện - những bệnh mới hoặc đang gia tăng nhanh chóng - được biết là có nguồn gốc từ động vật.<sup>31</sup>
- 71% các bệnh lây truyền từ động vật được biết đến đã xuất hiện từ năm 1940 - 2004, liên quan đến mầm bệnh với vật chủ là ĐVHD, khác với vật chủ là động vật khác (ví dụ: động vật đã được thuần hóa).<sup>32</sup>
- Động vật bị bắt từ tự nhiên có nguy cơ xuất hiện bệnh lây truyền trong tương lai cao hơn động vật nuôi, bao gồm cả ĐVHD được nuôi.<sup>33</sup>



Các bệnh lây truyền từ động vật - bao gồm bệnh dại, Ebola, bệnh lao, HIV và các bệnh do virus coronavirus chủng mới như SARS, MERS và COVID-19 - đã có tác động đáng kể đến sức khỏe và đời sống của con người. Ví dụ điển hình và gần đây nhất là COVID-19, là nguyên nhân gây ra hàng trăm ngàn ca tử vong và hàng triệu ca lây nhiễm trên toàn thế giới vào thời điểm xây dựng báo cáo này. Vào tháng 4 năm 2020, Ngân hàng Phát triển Châu Á ước tính COVID-19 sẽ gây thiệt hại từ 2,0 đến 4,1 nghìn tỷ USD cho nền kinh tế toàn cầu, với mức thiệt hại từ 1,0% đến 2,2% tổng GDP ở các nước đang phát triển ở Châu Á; một danh mục bao gồm phần lớn các nước Đông Nam Á.<sup>34</sup>

**Việc bắt và xử lý ĐVHD làm tăng khả năng bùng phát dịch bệnh có nguồn gốc từ động vật:** các bệnh lây truyền từ động vật trở nên dễ xảy ra hơn khi sự tiếp xúc gần giữa con người với ĐVHD gia tăng.<sup>35</sup> Tốc độ phá hủy và chia cắt môi trường sống ngày càng nhanh trong những năm gần đây là một cách làm gia tăng tình trạng tiếp xúc gần này. Một vấn đề khác nữa là sự gia tăng đáng kể trong thương mại toàn cầu và tiêu thụ ĐVHD ở đô thị. Các mô hình được xây dựng để dự đoán các khu vực có nguy cơ cao xuất hiện bệnh lây truyền từ động vật sang người đã xác định được Nam và Đông Nam Á có nguy cơ cao, nơi tất cả các nguyên nhân trên đều phổ biến.<sup>36</sup>

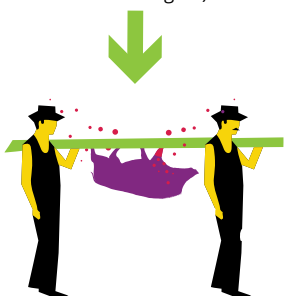


Thợ săn xử lý động vật bị mắc bẫy dây (máu có thể truyền bệnh, đặc biệt nếu thợ săn có vết thương hở)

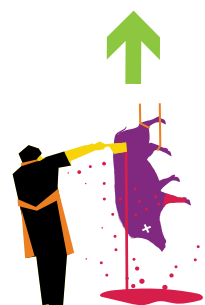


Tiêu thụ động vật mua ở chợ hoặc nhà hàng

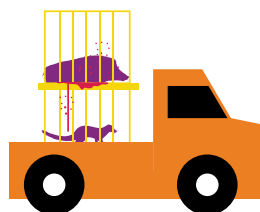
## CÁCH THỨC BẮY DÂY LÀM TĂNG KHẢ NĂNG PHỐI NHIỄM VỚI CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT



Động vật thường được giao cho trung gian vận chuyển đến chợ (hoặc qua nhiều trung gian)



Làm thịt động vật (nơi có nguy cơ cao lây truyền bệnh)



Động vật sống hoặc động vật chết được vận chuyển và lưu trữ cùng với các động vật khác (rủi ro cao)



Động vật được con người xử lý khi mang đến chợ/nhà hàng



*Giống như các hình thức săn bắt khác, hoạt động đặt bẫy dây thường khởi đầu một chuỗi các mối tiếp xúc giữa con người và ĐVHD, mỗi mắt xích trong chuỗi đều tiềm ẩn rủi ro về các sự cố dịch bệnh từ động vật. Với quy mô đặt bẫy dây bắt động vật như hiện nay, nguy cơ cộng dồn các rủi ro của việc sử dụng bẫy dây lớn hơn so với các hình thức săn bắt ít phổ biến khác.*



© Keo Sopheak/PDoE/WWF-Campuchia

Ở Đông Nam Á, đặt bẫy dây là một trong những hình thức săn bắt phổ biến nhất để bắt động vật làm thức ăn cho con người<sup>37</sup> và bổ sung con giống cho các trại nuôi ĐVHD.<sup>38</sup> Khối lượng và hiệu quả săn bắt động vật từ việc sử dụng bẫy dây tràn lan đồng nghĩa với việc tiếp xúc giữa con người và ĐVHD (tiếp xúc với thợ săn nhiều hơn, nhiều loài bị bắt hơn và nhiều chợ động vật hơn) nhiều hơn so với các phương pháp săn có mục tiêu khác.

Đặt bẫy dây cũng cho khả năng bắt được động vật còn sống. Mặc dù không phải lúc nào vậy, nhưng trong một số trường hợp đã xảy ra, đặc biệt là khi săn bắt động vật cho các trại nuôi ĐVHD. Động vật còn sống hoặc mới bị giết thịt nói chung có nguy cơ lây lan bệnh truyền từ động vật sang người cao hơn so với những động vật đã chết một thời gian, mặc dù khoảng thời gian các mầm bệnh khác nhau có thể tồn tại trong động vật chết khác nhau và bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác như nhiệt độ bảo quản.

Điều quan trọng là, các loài mục tiêu để bẫy dây nhằm đến, đặc biệt là động vật móng guốc và động vật ăn thịt, được xác định là một trong những nhóm động vật có vú có nguy cơ cao nhất truyền bệnh từ động vật sang người.<sup>39</sup> Lợn rừng - một loài bị bẫy rất phổ biến ở Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam - đã được tìm thấy chứa số lượng lớn nhất các mầm bệnh lây truyền từ động vật sang người hơn bất kỳ loài nào đang bị buôn bán trên thị trường châu Á.<sup>40</sup> Hai loài ở Đông Nam Á - cây hương và tê tê Gia va thường bị mắc bẫy dây - đã được xác định có thể là vật chủ trung gian truyền bệnh từ động vật sang người. Cây hương được xác định là vật chủ trung gian cho các trường hợp SARS ở người<sup>41</sup>, trong khi tê tê Gia va được biết là mang một số loại vi rút corona và virus gây chết người Sendai. Những cá thể tê tê này cũng có thể có khả năng truyền vi rút SARS cho người.<sup>42</sup>

## Các loài thú bị bẫy dây được mua và tiêu thụ ở đâu?

Người tiêu dùng ở Đông Nam Á mua thịt ĐVHD mắc bẫy dây, thường được coi là món ăn đặc sản, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm từ chợ, nhà hàng, thương nhân, bạn bè, cộng sự hoặc thậm chí chính những thợ săn.<sup>43</sup> Các nghiên cứu đưa ra cái nhìn sâu sắc về sự đa dạng địa điểm nơi các loài ĐVHD được bán trong vùng - trong những loài dưới đây, nhiều loài được xác định là thường bị mắc bẫy dây

- Tại Việt Nam, từ 60% đến 80% lượng tiêu thụ thịt ĐVHD ở các trung tâm đô thị là ở các nhà hàng.<sup>44</sup> Loài được tiêu thụ thường xuyên nhất, chiếm gần 75% tổng lượng tiêu thụ, là lợn rừng - loài bị săn bắt nhiều bằng bẫy dây ở Đông Nam Á.<sup>45</sup>
- Dữ liệu về các vụ bắt giữ ĐVHD được thu thập từ năm 2005 đến năm 2017 ở Campuchia cho thấy 46% số vụ bắt giữ thịt ĐVHD (chiếm 61% sinh khối bị thu giữ) là từ các động vật bị mắc bẫy dây (được định nghĩa là động vật móng guốc, động vật ăn thịt, động vật gặm nhấm) xảy ra ở các chợ, trong khi 48% các vụ bắt giữ như vậy (32% sinh khối) xảy ra tại các nhà hàng và khu nghỉ dưỡng.<sup>46</sup>
- Tại Bắc Sulawesi, Indônêxia, các cuộc khảo sát gần đây cho thấy thịt ĐVHD, bao gồm cả các loài móng guốc có khả năng đã bị mắc bẫy dây, được bày bán thường nhật và được tìm thấy ở 73% chợ và siêu thị.<sup>47</sup>
- Các cuộc điều tra trên toàn quốc ở CHDCND Lào đã chỉ ra rằng các loài có khả năng bị mắc bẫy dây (như động vật móng guốc, động vật ăn thịt, các loài gà) chiếm khoảng một phần ba sinh khối ĐVHD được bán.<sup>48</sup>

## Các nỗ lực giảm cầu tiêu thụ thịt ĐVHD là chìa khóa

Các nhà bảo tồn và hoạch định chính sách ngày càng nhận ra rằng các kỹ thuật Truyền thông thay đổi hành vi và xã hội (SBCC), được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực y tế và phát triển, là rất quan trọng trong cuộc chiến chống buôn bán trái phép ĐVHD<sup>49</sup> - một hoạt động buôn bán được nuôi dưỡng bởi nạn đặt bẫy dây và thúc đẩy việc sử dụng ngày càng nhiều bẫy dây. Mặc dù có thể vẫn có tác dụng, cho đến nay hơn 80% các chiến dịch SBCC chỉ tập trung vào việc giảm tiêu thụ sản phẩm các loài ĐVHD mang tính biểu tượng nhất (ví dụ như tê giác, voi, hổ, tê tê,...), mà ít tập trung vào tiêu thụ đặc sản thịt ĐVHD nói chung.<sup>50</sup>

Để giải quyết cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây ở Đông Nam Á, cần có các chiến dịch SBCC được thiết kế tốt để tác động và thay đổi sự lựa chọn của người tiêu dùng và giảm cầu về thịt ĐVHD. Những nỗ lực như vậy có thể sẽ đi đôi với các tiếp cận nhằm giảm khả năng bùng phát dịch bệnh mới lây truyền từ động vật sang người, và như vậy cần được thực hiện với sự phối hợp của cán bộ y tế.



© Keo Sopheap/PDoE/WWF-Campuchia



## KHUYẾN NGHỊ:

**WWF và các đối tác đang đi đầu kêu gọi hành động toàn cầu về COVID-19 và buôn bán ĐVHD dã (*Preventionpandemics.org*). Theo chiến dịch này, liên minh đang kêu gọi các nhà hoạch định chính sách:**

1. Đóng cửa các chợ ĐVHD có nguy cơ cao, ưu tiên tập trung vào các chợ ở các khu đô thị mật độ dân số cao.
2. Khẩn trương tăng cường nỗ lực chống buôn bán trái pháp luật ĐVHD và ngừng buôn bán các loài có nguy cơ cao.
3. Tăng cường các nỗ lực nhằm giảm nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm ĐVHD có nguy cơ cao.

Việc thực hiện các khuyến nghị này, cùng với các biện pháp kiểm soát tình trạng mất và chia cắt môi trường sống, sẽ làm giảm đáng kể khả năng bùng phát dịch bệnh có nguồn gốc từ động vật trong tương lai, và cũng làm giảm đáng kể mức độ đặt bẫy dẫ. Cần nhấn mạnh rằng cái giá để thực hiện các khuyến nghị này không đáng gì so với thiệt hại về người và tài chính liên quan đến bất kỳ đợt bùng phát dịch bệnh lây truyền từ động vật nào trong tương lai.

**Để thực hiện có hiệu quả các khuyến nghị này ở Đông Nam Á, chúng tôi kêu gọi các chính phủ trong khu vực:**

- Ngăn chặn việc mua, bán, vận chuyển và tiêu thụ tất cả các loại có nguy cơ cao<sup>51</sup> (còn sống hoặc đã chết) tại các khu chợ hoặc nhà hàng, với những nỗ lực sớm nhất nhằm vào các khu vực đô thị có mật độ dân số cao.
- Đảm bảo rằng tiền phạt, hình phạt hình sự và các biện pháp thu hồi giấy phép đủ nghiêm khắc để ngăn chặn có hiệu quả.
- Đưa ra các cơ chế giám sát mạnh mẽ nhà hàng và thị trường để đảm bảo không bán các sản phẩm từ ĐVHD có nguy cơ cao.<sup>52</sup>
- Đảm bảo sự tham gia của các bộ chịu trách nhiệm về môi trường, y tế và an ninh công cộng trong việc xây dựng và thực hiện các quy định.
- Tăng cường các nỗ lực nhằm giảm nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm từ ĐVHD có nguy cơ cao và kết hợp các phương pháp Truyền thông thay đổi hành vi xã hội (SBCC).





SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẦY DÂY

# PHẦN 4

RỪNG RỒNG VÀ DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI  
BỊ TÀN PHÁ

## PHẦN 4: Rừng Rõng và các dịch vụ hệ sinh thái bị tàn phá

# Sự biến mất – hay sự vắng bóng của các loài động vật trong hệ sinh thái – đang được đẩy nhanh hơn rất nhiều do hoạt động đặt bẫy dây ở Đông Nam Á.

Ngày nay, chỉ 1% diện tích đất ở vùng nhiệt đới châu Á - phần lớn trùng với Đông Nam Á - có đầy đủ các loài thú lớn (những loài nặng hơn 20kg).<sup>53</sup> Một đánh giá dựa trên bằng chứng từ vùng nhiệt đới Đông Nam Á kết luận rằng các quần thể động vật ở khu vực bắt đầu suy giảm mạnh vào những năm 1980, và cho đến nay săn bắt là mối đe dọa lớn nhất đối với các loài động vật có xương sống trong khu vực. Những cải tiến trong công nghệ săn bắt (ví dụ như bẫy dây) là một trong những nguyên nhân chính của sự suy giảm này.<sup>54</sup> Những xu hướng này đã khiến 113 loài thú đang bị đe dọa tuyệt chủng do săn bắt ở Đông Nam Á, so với 91 loài ở Châu Phi, 61 ở phần còn lại của châu Á, 38 ở Mỹ La tinh và 32 ở châu Đại Dương.<sup>55</sup>



© Adam Oswell/WWF-Thái Lan

Thuật ngữ **Rừng rõng** được đặt ra vào năm 1992 bởi Kent Redford, dùng để chỉ các khu vực ở Nam Mỹ thiếu vắng các loài thú lớn do tác động của con người, mặc dù có môi trường sống tuyệt vời. Trong tác phẩm của mình, Redford đã nhận xét:

**"Sự hiện diện của những cây nhiệt đới cao vút không đảm bảo sự hiện diện của hệ động vật cư trú. Thường thì cây cối vẫn tồn tại trong một khu rừng mà các hoạt động của con người đã làm mất đi nhiều loài động vật lớn của nó. Sự thiếu vắng những loài động vật này ẩn chứa nhiều hàm ý sâu sắc, một trong số đó là một khu rừng có thể bị phá hủy bởi con người từ bên trong ra cũng như từ bên ngoài vào"** - Redford K.H.<sup>56</sup>



Các tác động tiêu cực của sự suy giảm loài vượt xa hơn rất nhiều so với chỉ đơn giản là những động vật chết. Nhiều loài động vật dễ bị mắc bẫy dây thường đóng những vai trò sinh thái quan trọng liên quan đến đời sống của con người - mang lại những lợi ích có quý giá thường được gọi là dịch vụ hệ sinh thái. Một số trong số này được liệt kê trong bảng dưới đây:

<b>Chức năng bị gián đoạn do tác hại của bẫy dây</b>	<b>Tổng quan</b>	<b>Ví dụ về các loài ở Đông Nam Á bị ảnh hưởng bởi nạn đặt bẫy dây</b>	<b>Ảnh hưởng của việc động vật dần biến mất</b>
Sự phát tán hạt <sup>57</sup>	Từ 50% đến 80% tổng số các loài cây nhiệt đới hoàn toàn dựa vào động vật để phát tán hạt giống.	Voi châu Á, heo vòi Malay, gấu, cheo cheo, lợn rừng, khỉ, cây, tê giác Sumatra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng nguy cơ tuyệt chủng đối với các loài thực vật; đặc biệt là các loại cây ăn quả có thể cung cấp lương thực cho người dân địa phương. Việc mất đi các loài phân tán hạt giống cũng có thể làm giảm khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu của một số loài thực vật.</li> <li>- Giảm dự trữ cacbon của rừng do sự thay đổi thành phần thực vật.</li> </ul>
Săn mồi <sup>58</sup>	Động vật ăn thịt bậc cao nhất đóng một vai trò quan trọng trong việc kiểm soát từ trên xuống đối với các loài săn mồi, động vật ăn thịt nhỏ hơn, động vật ăn cỏ và các loài gây hại.	Hổ, báo, chó rừng, báo hoa mai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi thiếu các động vật ăn thịt lớn trong cảnh quan, các quần thể động vật ăn tạp và ăn thịt có kích thước vừa và nhỏ có thể phát triển phong phú hơn bình thường đến 10 lần. Điều này có thể làm nảy sinh “ĐVHD có vấn đề” mới.</li> <li>- Việc loại bỏ các động vật ăn thịt bậc cao nhất thường dẫn đến gia tăng thiệt hại về mùa màng gây ra bởi sự gia tăng số lượng ở một số loài ăn cây trồng.</li> <li>- Sự gia tăng quần thể của một số loài là thú mồi (động vật ăn cỏ, động vật ăn thịt nhỏ hơn...) cũng có thể làm tăng nguy cơ tuyệt chủng ở một số loài thực vật, cũng như thay đổi cấu trúc rừng và tái sinh do chặn thả quá mức.</li> </ul>
Vận chuyển chất dinh dưỡng <sup>59</sup>	Việc gặm cỏ và phân từ động vật rất quan trọng đối với chu trình vận chuyển chất dinh dưỡng.	Nai, bò rừng, bò tót, voi châu Á, nai cà toong, tê giác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm năng suất và tính đa dạng của cây trồng.</li> <li>- Sự thay đổi cấu trúc môi trường sống.</li> </ul>
Kiến thiết hệ sinh thái <sup>60</sup>	Đào hang, đằm và gặm bứt (đặc biệt là loài móng guốc, gặm nhấm) là rất quan trọng để duy trì cấu trúc hệ sinh thái ở đồng cỏ, thảo nguyên và rừng khộp.	Thỏ rừng, dúi, voi châu Á, trâu rừng, nhím	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm đa dạng môi trường sống.</li> <li>- Tăng nguy cơ xói mòn đất.</li> <li>- Tăng tần suất và cường độ cháy</li> <li>- Mất các hang ngách cho các loài lưỡng cư, bò sát, chim làm tổ.</li> </ul>

**Khỉ đuôi lợn**

© Edward Parker/WWF



## Động vật phát tán hạt giống:

Có lẽ loài phát tán hạt giống quan trọng nhất trong các khu rừng Đông Nam Á bị ảnh hưởng bởi hoạt động bẫy dơi là các loài linh trưởng sống trên mặt đất, chẳng hạn như khỉ đuôi lợn và khỉ mặt đỏ. 60% đến 85% phân của khỉ đã được chứng minh là có chứa nhiều loại hạt, và các nghiên cứu đã gợi ý rằng sự phát tán hạt của các loài cây ăn quả có kích thước từ nhỏ đến trung bình có thể giảm 20 lần nếu khỉ bị tuyệt chủng.<sup>61</sup>

Trong một nghiên cứu so sánh tính phổ biến của một số loài cây nhất định trong hai khu bảo tồn của Thái Lan có mức độ săn trộm rất khác nhau, các nhà nghiên cứu đã đưa ra kết luận rằng việc nhiều động vật gieo hạt tại địa phương bị thợ săn giết hại có khả năng tạo ra 'món nợ tuyệt chủng' đối với một số loài cây nhất định mà chỉ có thể thấy được trong những thập kỷ tới.<sup>62</sup>





Rừng rậm, Jambi, Sumatra, Indônêxia | © Fletcher & Bayliss/WWF



Quả cánh xanh

© Fletcher & Bayliss

### Kỹ sư hệ sinh thái:

Một trong những vai trò quan trọng của động vật trong hệ sinh thái là giá trị "kiến thiết" vật lý của chúng thông qua các hoạt động đằm, giẫm đạp và vùi lấp. Động vật lớn hơn, như động vật móng guốc chẳng hạn, thường có tác động lớn hơn đối với các hoạt động này, và do đó, chúng là những kỹ sư hệ sinh thái quan trọng. Thật không may, đây cũng là những loài bị ảnh hưởng trực tiếp nhất bởi nạn chặt bẫy dây ở Đông Nam Á. Ví dụ, việc gặm bứt và đằm mình trong bùn của bốn loài gia súc hoang dã (bò rừng, bò tót, trâu rừng và bò kouprey hiện đã tuyệt chủng) trong các khu rừng đồng bằng khô ở Campuchia được cho là rất quan trọng trong việc duy trì sự đa dạng môi trường sống, bao gồm cả các hồ nước ngọt, ở trong rừng. Những hồ này cung cấp môi trường kiếm ăn cần thiết cho hai loài chim quý hiếm nhất trên thế giới; loài quả cánh xanh và loài quả lớn cực kỳ nguy cấp. Khi không có những loài động vật ăn cỏ lớn này, sự bồi lắng và tăng chiều cao thảm thực vật tại các hồ nước làm giảm môi trường sống phù hợp đối với các loài quả đang bị đe dọa.<sup>63</sup>



*Một con hổ bị mắc bẫy dây  
đang được giải cứu tại  
Vườn Quốc gia Belum-Temengor,  
Malaixia*

© WWF-Malaixia/Lau Ching Fong



## Đặt bẫy dây đang đánh mất loài hổ của Đông Nam Á

Có lẽ hổ là loài mang tính biểu tượng nhất thế giới, có sức hút lớn theo trí tưởng tượng của công chúng. Trong vòng 10-15 năm qua, ba trong số 13 quốc gia có hổ phân bố đã mất hổ. Tất cả ba nước (Campuchia, CHDCND Lào và Việt Nam)<sup>64</sup> đều ở Đông Nam Á, với bằng chứng nữa về sự suy giảm quần thể hổ ở phần còn lại của khu vực.

Đặt bẫy dây bẫy hổ và săn thú mồi của hổ trên diện rộng thường xuyên được xác định là thủ phạm gây ra sự suy giảm số lượng hổ ở Đông Nam Á. Một minh chứng rõ ràng cho điều này đến từ Khu bảo tồn quốc gia Nam Et-Phou Louey của CHDCND Lào, nơi phân tích dữ liệu máy bẫy ảnh và các bằng chứng khác đã khiến các nhà nghiên cứu kết luận rằng chính sự gia tăng đột biến của nạn đặt bẫy dây đã dẫn đến sự sụt giảm nhanh chóng và nghiêm trọng của quần thể hổ ở đó. Từ một trong những khu bảo tồn hứa hẹn nhất trong khu vực chỉ 10 năm trước, đến khi bị tuyệt chủng khỏi khu bảo tồn (và do đó là trên toàn quốc), nghiên cứu này cho thấy mức độ quét sạch nhanh chóng những "loài mèo" lớn do tình trạng đặt bẫy dây lan rộng (báo hoa cũng bị giết hết trong giai đoạn này) như thế nào, ngay cả khi các vườn quốc gia được tài trợ tương đối tốt.<sup>65</sup>

Một minh họa về mối đe dọa bị bẫy rình rập đang gia tăng trên toàn khu vực đối với loài hổ như thế nào đến từ phân tích dữ liệu thực thi pháp luật từ Vườn quốc gia Kerinci Seblat ở Sumatra, Indônêxia. Ở đây, trong một thập kỷ người ta đã phát hiện và phá hủy 3.882 cái bẫy dây. Các xu thế cũng rất thất vọng; với số lượng bẫy dây được tìm thấy trong năm 2013 và 2014 gấp đôi so với mức trung bình trong tám năm trước đó. Kỹ thuật đặt bẫy dây bẫy hổ cũng thay đổi, với việc đặt các "cụm bẫy dây" bẫy hổ gồm ít nhất sáu chiếc bẫy ở một vị trí duy nhất. Kỹ thuật này chỉ mới được ghi lại từ năm 2011 trở đi.<sup>66</sup>



© Adam Oswell/WWF

SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẦY DÂY



## Việc mất đi loài hổ ở Đông Nam Á do nạn đặt bẫy dây gây hậu quả cực kỳ nghiêm trọng

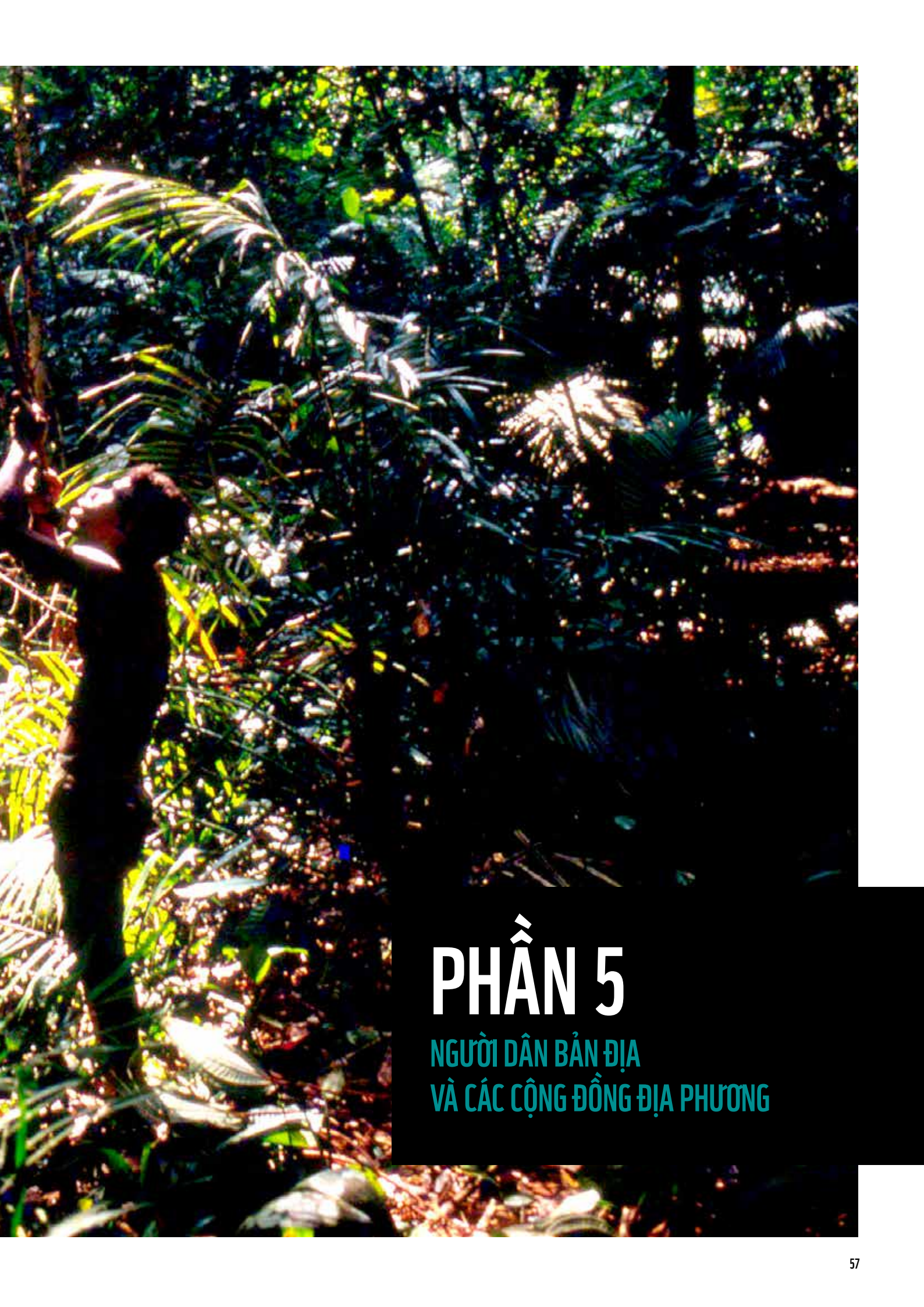
- **Mất tiềm năng kinh tế:** Du lịch xem hổ tạo ra nhiều công ăn việc làm và thúc đẩy các nền kinh tế địa phương trong các quốc gia. Ví dụ, ở Ấn Độ, ước tính một con hổ đã tạo ra doanh thu khoảng 10 triệu USD mỗi năm trong suốt cuộc đời của nó. Khu vườn nơi con hổ này sinh sống (Khu bảo tồn hổ Ranthambore) đóng góp 33,4 triệu USD mỗi năm cho riêng nền kinh tế địa phương.<sup>67</sup> Mặc dù doanh thu từ du lịch hổ ở Đông Nam Á sẽ không bao giờ sánh được với doanh thu ở Ấn Độ và Nepal (do khó phát hiện ra hổ trong môi trường rừng nhiệt đới dày đặc hơn), nhưng hổ vẫn thu hút được sự quan tâm của khách du lịch, ngay cả ở những khu vực để nhìn được hổ là rất khó.
- **Mất các khoản đầu tư khác:** Khi các loài biểu tượng như hổ không còn trong khu bảo tồn, thì nguồn kinh phí bảo tồn dành cho khu vực đó từ các nhà tài trợ, tổ chức tài chính và tổ chức phi chính phủ giảm mạnh. Thông thường, một phần của các khoản đầu tư này chảy đến các cộng đồng địa phương và các mục tiêu phát triển - những khoản vốn rất cần này sẽ bị mất đi do các nhà tài trợ cho bảo tồn chuyển vốn cho các khu vực khác.
- **Mất các dịch vụ hệ sinh thái:** Việc mất đi một loài như hổ có thể gây ra nhiều tác động tiêu cực đến các dịch vụ hệ sinh thái hỗ trợ cho con người. Những điều này được trình bày chi tiết hơn trong một báo cáo riêng của WWF có tiêu đề Beyond the Stripes: Save Tigers Save So much (Hơn cả những sọc vằn: Giữ được hổ là giữ được rất nhiều).
- **Tác động văn hóa:** Việc mất đi bất kỳ loài động vật lớn nào vì bẫy dây cũng thường là mất đi một loài động vật có ý nghĩa văn hóa hoặc tôn giáo quan trọng trong nhiều xã hội ở Đông Nam Á. Bằng cách này, sự tuyệt chủng do đặt bẫy dây gây ra cũng có thể dẫn đến sự hiểu biết về sinh thái bản địa cũng ngày một mất dần và không thể duy trì những kiến thức này qua các thế hệ. Những "lợi ích văn hóa" như thế này là một trong bốn loại dịch vụ hệ sinh thái chính đã được thừa nhận.



*Người đàn ông bộ tộc  
Orang Asli làm ống thổi  
để săn bắt ĐVHD ở Kuala  
Betis, bán đảo Malaixia.*

© Gerald S. Cubitt/WWF





# PHẦN 5

NGƯỜI DÂN BẢN ĐỊA  
VÀ CÁC CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

## PHẦN 5: Người dân bản địa và cộng đồng địa phương

# Người dân bản địa và cộng đồng địa phương phụ thuộc chặt chẽ vào các hệ sinh thái, tài nguyên thiên nhiên và ĐVHD của Đông Nam Á vì sức khỏe, sinh kế và cuộc sống ấm no của họ.

Do đó, họ bị ảnh hưởng sâu sắc bởi cuộc khủng hoảng bẫy dây trong khu vực. Phần này sẽ xem xét tác động và một số vấn đề liên quan.



### Động lực của thợ săn ở Đông Nam Á:

Rất ít nghiên cứu trình bày chi tiết về động cơ, phương pháp và tỷ lệ thu nhập của những người thợ săn ở Đông Nam Á, một phần là do sự nhạy cảm xung quanh việc đặt câu hỏi về các hoạt động có thể bị coi là bất hợp pháp. Vì vậy, bất kỳ hiểu biết nào về động cơ săn bắt, các quyết định và hành vi của những người tham gia đều kém xa sự hiểu biết về các hậu quả sinh thái của săn bắt. Mặc dù những hạn chế đó, nhưng trên cơ sở những phát hiện được mô tả trong phần này, điều tương đối rõ ràng là việc săn bắt được thực hiện chủ yếu vì một trong bốn lý do sau:

- Thương mại, buôn bán (nói chung là động lực chính để đặt bẫy dây bên trong các khu bảo tồn)
- Bảo vệ mùa màng
- Bổ sung các nguồn thực phẩm hiện có
- Giải trí

Các trang sau đây tóm tắt các bằng chứng hiện có xung quanh chủ đề này, và phân tích tình huống bẫy dây hiện đại không cần thiết cho mục đích săn bắt tự cung tự cấp. Nhiều nghiên cứu xem xét việc săn bắn nói chung, có thể bao gồm cả săn bắn hợp pháp hoặc bất hợp pháp tùy thuộc vào bối cảnh. Lập luận của họ không ngụ ý rằng cần cấm việc săn bắt hợp pháp được tiến hành bằng các phương pháp bền vững, và đặc biệt là để sinh tồn.

Cuộc khảo sát toàn cầu lớn nhất cho đến nay đề cập đến tầm quan trọng của ĐVHD đối với các hộ gia đình ở các nước nhiệt đới và cận nhiệt đới cung cấp bối cảnh hữu ích về động lực của thợ săn. Khảo sát đã xem xét gần 8.000 câu trả lời từ các hộ gia đình ở các làng ở 24 quốc gia và thấy rằng:

- 26,5% hộ gia đình châu Á được khảo sát tham gia vào việc săn bắn ĐVHD, ít hơn đáng kể so với các hộ gia đình châu Phi (44,2%) hoặc Mỹ Latinh (52,6%). Ở Đông Nam Á, 83% hộ gia đình Campuchia được khảo sát tham gia vào việc săn bắn, so với 21% ở Ấn Độ và 10% ở Việt Nam.
- Săn bắn chỉ chiếm 1,7% tổng thu nhập hộ gia đình hàng năm ở khu vực Châu Á, so với 1,9% ở Châu Phi và 4,6% ở Châu Mỹ Latinh. Do đó, các tác giả kết luận rằng sự phụ thuộc vào ĐVHD thấp hơn dự kiến.
- Trong số 24 quốc gia được khảo sát, Việt Nam có tỷ trọng thu nhập tiền mặt từ săn bắn cao nhất, chiếm khoảng 60% tổng thu nhập. Ở đây, tổng thu nhập từ ĐVHD được định nghĩa là thu nhập tiền mặt cộng với thu nhập cơ bản.
- Các nguồn ĐVHD như vậy quan trọng nhất đối với những người sống trong các cộng đồng nhỏ hơn và xa xôi hơn.<sup>68</sup>

Điểm cuối cùng này có tầm quan trọng đáng kể, và nó nhấn mạnh vào mối đe dọa gây ra cho cộng đồng địa phương từ việc tiêu thụ ĐVHD gia tăng ở đô thị mà phần lớn là do bẫy dây cung cấp.

Mặc dù kết quả của nghiên cứu này rất hữu ích, nhưng cần lưu ý những hạn chế của nó khi đề cập đến vấn nạn đặt bẫy dây ở Đông Nam Á. Chúng bao gồm thực tế là, i) nó không phân biệt các phương pháp săn bắn; ii) nó bao gồm các loài chim, bò sát và lưỡng cư cùng với thú trong định nghĩa về ĐVHD; và iii) chiến lược lấy mẫu điều tra không ưu tiên các địa điểm có giá trị bảo tồn cao, với nhiều địa điểm khảo sát nằm trong các vùng nông nghiệp. Do đó, phần lớn các hoạt động săn bắn được xem xét trong đánh giá toàn cầu này không được thực hiện bằng cách đặt bẫy dây.

Phần sau sẽ xem xét kỹ hơn bằng chứng ở Đông Nam Á về động lực đằng sau việc săn bắn thú rừng. Những nghiên cứu này từ các cộng đồng sinh sống trong rừng ở khu vực biên giới ở Campuchia<sup>69</sup>, Việt Nam<sup>70</sup>, Indônêxia<sup>71</sup> và Myanmar<sup>72</sup> cho thấy giá trị thực phẩm liên quan đến săn bắn thường thấp hơn so với các động cơ khác đã được đề cập trên đây, đặc biệt khi săn bắt bằng bẫy dây.

Khi săn bắn được thực hiện vì nhu cầu tối thiểu hoặc sử dụng trong gia đình, các nghiên cứu hiện có cũng cho thấy rằng các phương pháp khác (chẳng hạn như sử dụng chó và súng cao su ở Campuchia; ống thổi và giáo ở Malaixia; chó, cung hoặc súng ở Myanmar) thường được ưa thích hơn là bẫy dây.<sup>73</sup> Các cộng đồng ven rừng, một tỷ lệ đáng kể người dân tham gia vào một số hoạt động săn bắn liên quan đến việc sử dụng bẫy dây, nhưng hầu hết mọi người làm như vậy vì cơ hội và như một hoạt động kinh tế bổ sung hơn là vì lý do duy trì cuộc sống.<sup>74</sup> Họ thường làm việc này vào những mùa khi hoạt động sinh kế chính của họ như nông nghiệp, khai thác lâm sản ngoài gỗ, hoặc các công việc ở thành thị không chiếm nhiều thời gian của họ.<sup>75</sup> Vì vậy, phần lớn các bẫy dây được tìm thấy gần các bản làng.<sup>76</sup>

Nhiều cộng đồng gần rừng cũng có một số ít thợ săn chuyên nghiệp, họ có liên kết với những người trung gian và thương nhân, và đối với họ, săn bắn thường là nguồn thu nhập chính. Những thợ săn này thường dành thời gian đáng kể trong rừng và thường xuyên sử dụng bẫy dây.<sup>77</sup> Hoạt động săn bắn thương mại nêu trên, được tiến hành sâu trong rừng hoặc khu bảo tồn và cách xa các làng mạc, có nghĩa là cường độ bẫy dây thường đạt đỉnh thứ hai - ở miền Đông Campuchia, khoảng cách này ước chừng 10 đến 15 km tính từ rìa làng.<sup>78</sup>

Trong nhiều trường hợp, những người trung gian và thương nhân từ các trung tâm đô thị cho người dân ở vùng sâu vùng xa vay tiền, để đổi lấy một phần lợi nhuận thu được từ việc bán bất kỳ ĐVHD nào bị săn bắn bởi những cá nhân đó.<sup>79</sup> Trong một số trường hợp, những người dân làng thấy mình bị mắc kẹt trong một vòng nợ buộc họ phải tiếp tục đi săn để trả nợ cho những người đã cho họ vay này.





SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẦY DÂY



Già làng người Cà Tu ở tỉnh Quảng Nam, Việt Nam. | © Elizabeth Kemp/WWF

## Săn bắn vì mục tiêu sinh tồn phổ biến đến mức nào?

**Một số nghiên cứu đã xem xét tỉ lệ săn bắn được thực hiện vì mục đích sinh tồn và sử dụng trong gia đình chứ không phải để buôn bán:**

- Trong các cuộc phỏng vấn với những thợ săn người dân tộc Cà tu ở Việt Nam, chỉ có duy nhất 01 người trong số 16 thợ săn vào rừng để đặt bẫy dây trả lời rằng thức ăn là động lực chính để làm như vậy, trong khi 09 người cho rằng thu nhập tiền mặt là lý do họ săn bắn.<sup>80</sup>
- Tại các cộng đồng xung quanh ba khu bảo tồn thuộc miền trung Việt Nam, các cuộc điều tra kinh tế - xã hội cho thấy khoảng 25% đến 30% số làng đi săn, chủ yếu sử dụng bẫy dây. Mặc dù săn bắn không phải là nguồn cung cấp thực phẩm hoặc nguồn sinh tồn chính, nhưng nó là nguồn thu nhập chính của khoảng 40% số người đi săn. Hầu hết với những người được phỏng vấn, việc săn bằng bẫy dây chủ yếu mang tính cơ hội và được coi như một thói quen hoặc thú vui chứ không phải là truyền thống văn hóa.<sup>81</sup>
- Các cuộc khảo sát tại ba ngôi làng xung quanh Khu bảo tồn các loài ĐVHD Samkos trong rừng nhiệt đới Cardamom của Campuchia cho thấy rằng đặt bẫy dây phổ biến nhưng chỉ có tầm quan trọng về sinh kế và an ninh lương thực rất nhỏ. Phần lớn đặt bẫy dây mang tính cục bộ địa phương và chủ yếu là để bảo vệ mùa màng. Tuy nhiên, trong mỗi làng đều có một số ít thợ săn thương mại (những người sử dụng săn bắn như một hoạt động sinh kế và nguồn thu nhập chính). Các nhóm trọng tâm đã cho biết những thợ săn thương mại này đặt 50–90 bẫy dây trong rừng mỗi lần và thăm những chiếc bẫy dây này ba ngày một lần.<sup>82</sup>
- Thông qua nhiều cuộc họp và hội thảo với người dân bản địa đang sinh sống trong Khu bảo tồn ĐVHD Thung Yai Naresuan ở Thái Lan, người ta thấy rằng ở tất cả các làng bản, hoạt động săn bắn thương mại đã làm giảm số lượng động vật thuộc tất cả các loài nhiều hơn rất nhiều so với săn bắn để sinh tồn. Hơn nữa, khoảng cách lớn nhất giữa săn bắn thương mại và tự cung tự cấp là săn bắn các loài thú lớn, chẳng hạn như hổ và gấu. Người ta cũng xác định rằng mạng lưới các thương nhân Thái Lan ở thành thị phần lớn đứng sau các vụ săn trộm thương mại này. Phương thức tiếp cận hợp tác mà bài báo này mô tả cho thấy lợi ích của đối thoại cởi mở giữa cộng đồng địa phương, các nhà quản lý khu bảo tồn và các tổ chức phi chính phủ, giúp tăng cường giao tiếp, hiểu biết về bảo tồn, cũng như giới thiệu các hoạt động tuần tra và giám sát chung.<sup>83</sup>

## Săn bắn vì mục tiêu sinh tồn phổ biến đến mức nào?

**Suy giảm quần thể do đặt bẫy dây gây ra có thể ảnh hưởng đến an ninh dinh dưỡng của những người nghèo nhất Đông Nam Á:** như đã đề cập ở các phần trước, sự suy giảm các loài động vật rừng do bị săn bắn thương mại tạo nên nguy cơ rất lớn đối với cuộc sống của những người nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất ở Đông Nam Á, những người thường cư trú ở vùng sâu, vùng xa và điều kiện tiếp cận chăn nuôi hạn chế. Khảo định này được hỗ trợ bởi các dữ liệu được tổng hợp gần đây từ một cuộc khảo sát toàn cầu về các hộ gia đình nghèo ở nông thôn, do Mạng lưới Môi trường Nghèo đói thu thập.<sup>84</sup> Đối với một tỷ lệ nhỏ người Đông Nam Á này, ĐVHD có thể là nguồn cung cấp chất đạm, chất béo và các chất dinh dưỡng quan trọng duy nhất mà họ có thể tiếp cận được ngay hoặc với giá phải chăng. Khi rừng bị rỗng bởi nạn đặt bẫy chi chít và tràn lan, hậu quả đối với những người sử dụng ĐVHD 'làm thức ăn' này có thể rất nghiêm trọng. Ví dụ, nó có thể dẫn đến thiếu hụt đạm hoặc vi chất (ví dụ như sắt) có thể gây ra các mối đe dọa nghiêm trọng cho sức khỏe, bao gồm còi cọc chậm lớn, thiếu máu và các vấn đề phát triển não bộ.<sup>85</sup>

Vấn đề “an ninh thực phẩm” còn vượt ra ngoài tình huống hiện tại mà các cá nhân đang phải đối mặt. Như đã được lưu ý bởi một số nhà bình luận rằng không thể coi các hộ gia đình bảo đảm an ninh thực phẩm nếu việc tiếp cận đủ thực phẩm hiện tại song hành với việc phá hủy nguồn vốn tự nhiên cần thiết để cung cấp dinh dưỡng trong tương lai.<sup>86</sup> Điều này cho thấy rằng cần thực hiện các biện pháp để đảm bảo việc săn bắt được tiến hành bằng cách sử dụng các phương tiện bền vững và có tính phân biệt (tức là không sử dụng bẫy dây hiện đại) nhằm vào các loài có tỷ lệ sinh sản (hoặc 'thay thế') cao.

**Việc đặt bẫy dây gắn liền với các hoạt động kinh tế khác:** Một động lực khác của tình trạng gia tăng đặt bẫy dây là các dự án lớn hoặc các hoạt động thương mại được thực hiện trong hoặc gần các khu vực đa dạng sinh học. Ví dụ, ở các khu vực thuộc miền Đông Malaixia, thịt thú rừng chỉ có mặt trong 29% bữa ăn - nhưng được tìm thấy trong 49% bữa ăn được phục vụ trong các trại khai thác gỗ, nơi công nhân thường là những người di cư kinh tế không phải người địa phương đến khu vực này.<sup>87</sup> Ngoài ra, nhiều công ty khai thác gỗ coi ĐVHD như một khoản cung cấp thực phẩm miễn phí cho công nhân của họ.<sup>88</sup> Việc đặt bẫy dây cũng có liên quan đến các công nhân đồn điền cao su ở Indônêxia<sup>89</sup> và cả Đông Malaixia<sup>90</sup>, nơi nhiều cá thể voi đã bị giết bởi bẫy dây đặt trong các đồn điền giáp ranh với Khu bảo tồn.

**Người bản địa là đối tác cần thiết nếu muốn giảm nạn đặt bẫy dây ở Đông Nam Á:** Với vai trò quan trọng trong việc duy trì lâu dài các chức năng của hệ sinh thái, an ninh thực phẩm và truyền thống văn hóa, người bản địa và cộng đồng địa phương (IPLC) là những đối tác quan trọng trong bất kỳ chiến lược giảm nạn đặt bẫy dây có hiệu quả nào. Các nhóm này cũng có ảnh hưởng đáng kể đến cảnh quan mà họ sinh sống, những nơi đó có thể chồng lấn với các khu vực đa dạng sinh học đang bị đe dọa nhiều nhất bởi nạn sử dụng bẫy dây (xem Bảng 3). Nhìn chung, các chiến lược bảo tồn và chống bẫy dây có thể bị thất bại nếu không có sự đồng thuận và hỗ trợ đầy đủ của các nhóm này. Thậm chí trong những trường hợp nơi tất cả các hình thức săn bắn được thực hiện bởi bất kỳ ai đều là bất hợp pháp, thì bẫy dây và hình thức săn bắn khác vẫn diễn ra xung quanh ranh giới khu bảo tồn đó.<sup>91</sup> Làm việc với các cộng đồng địa phương có thể giúp hạn chế việc đặt bẫy dây trong những cảnh quan này, đồng thời giảm số lượng người ở bên ngoài vào đặt bẫy dây trong các khu vực như vậy.

	<i>Campuchia</i>	<i>Indônêxia</i>	<i>Lào</i>	<i>Malaisia</i>	<i>Myanmar</i>	<i>Philippin</i>	<i>Thái Lan</i>	<i>Việt Nam</i>
Tỉ lệ đất bản địa chồng lấn với cảnh quan được bảo vệ	44,3%	69,1%	87,4%	70,9%	72,5%	17,2%	64,3%	63,6%
Tỉ lệ đất bản địa chồng lấn với cảnh quan không được bảo vệ	33,0%	43,1%	77,5%	61,7%	57,5%	10,2%	52,5%	49,1%

*Bảng 3: Ước tính tỷ lệ phần trăm chồng lấn đất của người bản địa với cả cảnh quan được bảo vệ và không được bảo vệ ở tám quốc gia Đông Nam Á.<sup>92</sup> Lưu ý không nên sử dụng bảng này cho mục đích so sánh (tức là so sánh giữa các quốc gia) vì dữ liệu được lấy từ nhiều nguồn sử dụng các định nghĩa khác nhau và tiêu chí khác nhau. Bảng này chỉ được sử dụng để minh họa thực tế là trong từng quốc gia, đất đai của người dân bản địa chồng lấn với các cảnh quan được bảo vệ (có nghĩa là các cảnh quan đa dạng sinh học hơn) có tỷ lệ cao hơn so với các cảnh quan không được bảo vệ.*

Nghiên cứu trước đây được thực hiện ở Đông Nam Á cũng chỉ ra rằng các cộng đồng địa phương dễ dàng tiếp thu các yêu cầu từ các cán bộ để cùng nhau chống lại mối đe dọa đang rình rập. Ví dụ, cuộc khảo sát 1.167 người sinh sống trong 77 ngôi làng gần các khu bảo tồn ở Myanmar cho thấy 93,1% sẽ có thể tham dự một cuộc họp của chính quyền để tìm hiểu thêm về bảo tồn, và 84,5% cho rằng các thành viên cộng đồng nên làm việc cùng với lực lượng kiểm lâm để giảm săn trộm. Tại Philippin, 98,3% trong số 2.099 thành viên cộng đồng được khảo sát trong và xung quanh các khu bảo tồn tin rằng người dân địa phương nên làm việc cùng với kiểm lâm để giảm nạn săn trộm.<sup>93</sup>



Tràm Chim, Việt Nam | © Thomas Cristofolletti/WWF-Mỹ



Nghiên cứu điển hình:

## Các cộng đồng đóng vai trò tích cực trong nỗ lực chấm dứt nạn bẫy dơi.

Như đã trình bày ở phần trước (xem trang 32), tăng cường thêm lực lượng kiểm lâm là một trong nhiều yếu tố cần thiết nếu muốn ngăn chặn thành công cuộc khủng hoảng đặt bẫy dơi trong những năm tới. Ở một số nước Đông Nam Á, người dân địa phương đã đóng vai trò quan trọng trong các nỗ lực tuần tra như:

- **Tuần tra của người bản địa Orang asli, Malaixia:** Rừng Belum - Temengor là một trong những sinh cảnh sống quan trọng nhất của hổ ở Đông Nam Á. Với bằng chứng về sự sụt giảm 50% số lượng hổ từ năm 2009-2018<sup>94</sup>, cần phải có hành động khẩn cấp. Vào giữa năm 2018, WWF-Malaixia đã khởi xướng một sáng kiến đầy tham vọng với tên gọi Dự án Stampede, trong đó kiểm lâm địa phương người bản địa (Orang asli) thành lập ra 10 đội tuần tra rừng, mỗi đội năm người để tuần tra các khu rừng địa phương và gỡ bẫy dơi bằng phương pháp tuần tra bộ. Mặc dù không có quyền thực thi, nhưng họ đóng vai trò là tai mắt của chính quyền, báo cáo các vụ săn trộm hoặc đặt bẫy dơi săn trộm. Trong ba năm trước khi bắt đầu Dự án Stampede, ba đội tuần tra của WWF Malaixia đã loại bỏ 200 bẫy dơi hoạt động trên 8.000 km đường tuần tra ở Belum-Temengor. Trong năm sau khi Dự án Stampede được triển khai, chỉ có 30 bẫy dơi hoạt động được ghi nhận trong hơn 10.000 km tuần tra bộ. Chỉ trong một năm, số lượng bẫy dơi được phát hiện trên mỗi đơn vị nỗ lực tuần tra đã giảm 89%. Dữ liệu gần đây thậm chí còn đáng khích lệ hơn, với chỉ hai bẫy dơi hoạt động được phát hiện trong năm 2019 trên 11.000 km tuần tra bộ. Thật không may, sự bùng phát COVID-19 đã khiến các cuộc tuần tra như vậy tạm thời dừng lại. Đây là một ví dụ khác về tác động sâu rộng của các bệnh lây truyền từ động vật đã được trình bày ở phần trước (xem trang 40).
- WWF-Greater Mekong và đối tác là Dự án **Các-bon và Đa dạng sinh học (CarBi)** đã hỗ trợ công tác tuần tra của lực lượng kiểm lâm, bao gồm cả các chế độ tuần tra thôn bản, trong các khu bảo tồn ở miền Trung Việt Nam. Công việc này, cùng với nhiều hoạt động khác có sự tham gia của cộng đồng, đã cho thấy sự giảm số lượng bẫy dơi ở ít nhất hai khu bảo tồn.

**Việc bảo vệ các phương pháp săn bắt bản địa truyền thống không nên bao gồm việc sử dụng bẫy dơi hiện đại:** Các quyền được công nhận của người bản địa thường bao gồm quyền săn bắn trên vùng đất của họ bằng các phương tiện mang tính truyền thống và văn hóa được ưa thích. Những quyền đó cần được khuyến khích và bảo vệ. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ ràng việc sử dụng dây cáp và dây thép làm bẫy dơi với các vật liệu làm bẫy dơi truyền thống khi xác định phạm vi của các quyền duy nhất này, nhằm bảo vệ các khu rừng và hệ sinh thái mà cuộc sống của tất cả loài người đang phụ thuộc vào.

Cũng không nên đưa ra giả định rằng việc sử dụng bẫy dơi là phổ biến trong các cộng đồng bản địa trong khu vực. Trong nhiều trường hợp, bẫy dơi không phải là một trong những phương tiện săn bắn được ưa chuộng về mặt văn hóa. Ví dụ, trong cộng đồng bản địa Jahai ở phía bắc bán đảo Malaixia - một trong số rất ít cộng đồng du mục săn bắn hái lượm còn sót lại ở Đông Nam Á - săn bắn được thực hiện rộng rãi (94%), nhưng hầu như hoàn toàn chỉ để sinh sống và tiêu dùng cá nhân. Năm phương pháp săn bắn đã được báo cáo (ống thổi, giáo, bẫy dơi, súng ngắn và bẫy lửa) với ống thổi được ưa thích cho hầu hết các loài kể cả các loài móng guốc. Các loại bẫy dơi truyền thống (làm bằng tre và cành cây) chủ yếu được sử dụng để bắt hoẵng và lợn rừng.<sup>95</sup> Ở Myanmar, trong số 34 loài được các cộng đồng địa phương săn bắn ở các khu rừng Bago Yoma, chỉ có 4 loài bị săn bằng bất kỳ loại bẫy dơi nào.<sup>96</sup>



**Việc dung nạp các phương thức đặt bẫy  
dây hiện đại có thể xảy ra nhanh chóng:**

ĐVHD có thể suy giảm nhanh chóng khi những người thợ săn không phải là người địa phương áp dụng các phương pháp đặt bẫy dây mà trước đây không tồn tại ở khu vực này. Điều đó có thể gây tổn hại nghiêm trọng khi người ta đưa vào sử dụng dây thép và bẫy dây cáp, như đã xảy ra trong nhiều trường hợp trên khắp Đông Nam Á. Ngay cả ở những vùng tương đối xa xôi như Papua, Indônêxia, bằng chứng cho thấy việc sử dụng bẫy dây có thể tăng lên do gần đây có những người di cư qua giới thiệu cách làm. Nơi này việc sử dụng bẫy dây không phổ biến xét dưới góc độ truyền thống.<sup>97</sup>

**Quyền săn bắn truyền thống nên được sử dụng cho cộng đồng, chứ không phải vì mục đích buôn bán thương mại:** Giống như việc sử dụng dây cáp hoặc bẫy dây hiện đại, cũng cần có những quy định giới hạn đối với việc sử dụng quyền săn bắn truyền thống (tức là không trao quyền cho công chúng nói chung) liên quan đến thương mại. Luật Malaixia là một ví dụ điển hình về cách thức điều chỉnh vấn đề này:

*Theo quy định trong Đạo luật này, một thổ dân được phép săn bắt bất kỳ ĐVHD được bảo vệ nào như được quy định trong Bảng thứ sáu<sup>98</sup> để nuôi sống mình hoặc để nuôi sống các thành viên trong gia đình. (2) Bất kỳ ĐVHD được bảo vệ nào bị săn bắt theo quy định tại tiểu mục (1) đều không được phép bán hoặc trao đổi để lấy thực phẩm, thu lợi nhuận hoặc bất kỳ thứ gì khác.*

**Hướng dẫn của Nhóm Liên Lạc Công ước Đa dạng Sinh học về thịt thú rừng:** Một số ưu tiên và khuyến nghị được nhấn mạnh trong báo cáo này nhắc lại các điểm khuyến nghị của chuyên gia do Nhóm Liên lạc Công ước Đa dạng Sinh học về thịt thú rừng đưa ra. Họ viết:

*'Quyền tiếp cận, quyền và trách nhiệm giải trình, cũng như trách nhiệm quản lý bền vững tài nguyên ĐVHD, phải được chuyển giao bất cứ khi nào có thể cho cộng đồng bản địa và địa phương và các bên liên quan khác ở địa phương, những người hưởng lợi từ việc duy trì các nguồn tài nguyên này và những người có thể thực hiện các giải pháp mong muốn và bền vững. Cần xây dựng và nâng cao năng lực của các cộng đồng bản địa và địa phương được trao quyền này để đảm bảo rằng họ có đủ năng lực để thực hiện các quyền này. Việc bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên ĐVHD được tăng cường thông qua việc tích hợp kiến thức truyền thống và sử dụng bền vững theo phong tục vào các hệ thống quản lý và giám sát, cũng như ưu tiên sử dụng các biện pháp thân thiện với môi trường nhất (ví dụ các loài cụ thể), các biện pháp săn bắn có hiệu quả và nhân đạo.'<sup>99</sup>*

Điều này nhấn mạnh vào kỹ thuật săn bắn nhân đạo hoặc thân thiện với môi trường là quan trọng, bẫy dây không thuộc nhóm đó. Các giải pháp quản lý cho các cộng đồng địa phương đó chỉ nên kết hợp các hình thức săn bắn ít gây hại và có chủ đích.



## KHUYẾN NGHỊ:

***Do các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng bị mất đi khi nạn đặt bẫy dây làm các cánh rừng trong khu vực trở thành rừng rỗng, đồng thời nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng bền vững ĐVHD đối với cộng đồng địa phương và người bản địa, chính phủ các nước trong khu vực cần:***

- Nhận thức rõ về những tác động tiêu cực đa dạng và đáng kể của nạn đặt bẫy dây trên diện rộng đối với các dịch vụ hệ sinh thái, tiềm năng kinh tế trong tương lai và an ninh thực phẩm của người dân và hướng tới việc thực thi chặt chẽ các quy định pháp luật nghiêm cấm đặt bẫy dây.
- Áp dụng các hình phạt nặng đối với các công ty có nhân viên hoặc người làm thuê tạm thời bị bắt do sử dụng bẫy dây trong các khu vực đa dạng sinh học trong quá trình những người này làm việc cho công ty. Nên xây dựng danh sách dù chưa đầy đủ các lĩnh vực bị phạt, bao gồm xây dựng đường bộ, lâm nghiệp, khai thác mỏ, cao su và dầu cọ.
- Bảo vệ các phương tiện săn bắn bản địa truyền thống bền vững, đồng thời tăng cường nỗ lực giảm sự lan rộng các phương thức đặt bẫy dây hiện đại (chẳng hạn như sử dụng dây cáp hay dây thép làm bẫy) đến các vùng mới.
- Trong khi bảo vệ các phương tiện săn bắn truyền thống của người bản địa, cần đảm bảo rằng các động vật bị cấm săn bắn hoặc bị cấm buôn bán không được phép buôn bán thương mại. Điều này là cần thiết để tránh những lỗ hổng pháp lý có thể xảy ra trong các luật được xây dựng để bảo vệ đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng.
- Tổ chức các cuộc họp và đối thoại chính thức với người dân bản địa và cộng đồng địa phương, với mục tiêu tạo ra các thỏa thuận và chiến lược chung để chống lại nạn đặt bẫy dây và các tội phạm về ĐVHD hoặc hành vi phạm tội môi trường khác.
- Tạo càng nhiều việc làm càng tốt cho các thành viên cộng đồng bản địa và địa phương trong các dự án và nghề nghiệp nhằm mục đích giảm thiểu nạn đặt bẫy dây. Huy động, tuyển dụng các nhóm này tham gia vào các công việc của kiểm lâm và loại bỏ bẫy dây như là hai giải pháp lâu dài là lấp lỗ hổng thiếu hụt lực lượng kiểm lâm và chấm dứt nạn bẫy dây.
- Tạo cơ hội khả thi cho những người đi săn để họ thay đổi nghề nghiệp (việc làm liên quan đến gỡ bẫy dây, đào tạo nghề, hỗ trợ khởi nghiệp kinh doanh nhỏ...) để giảm áp lực chung lên đa dạng sinh học địa phương.

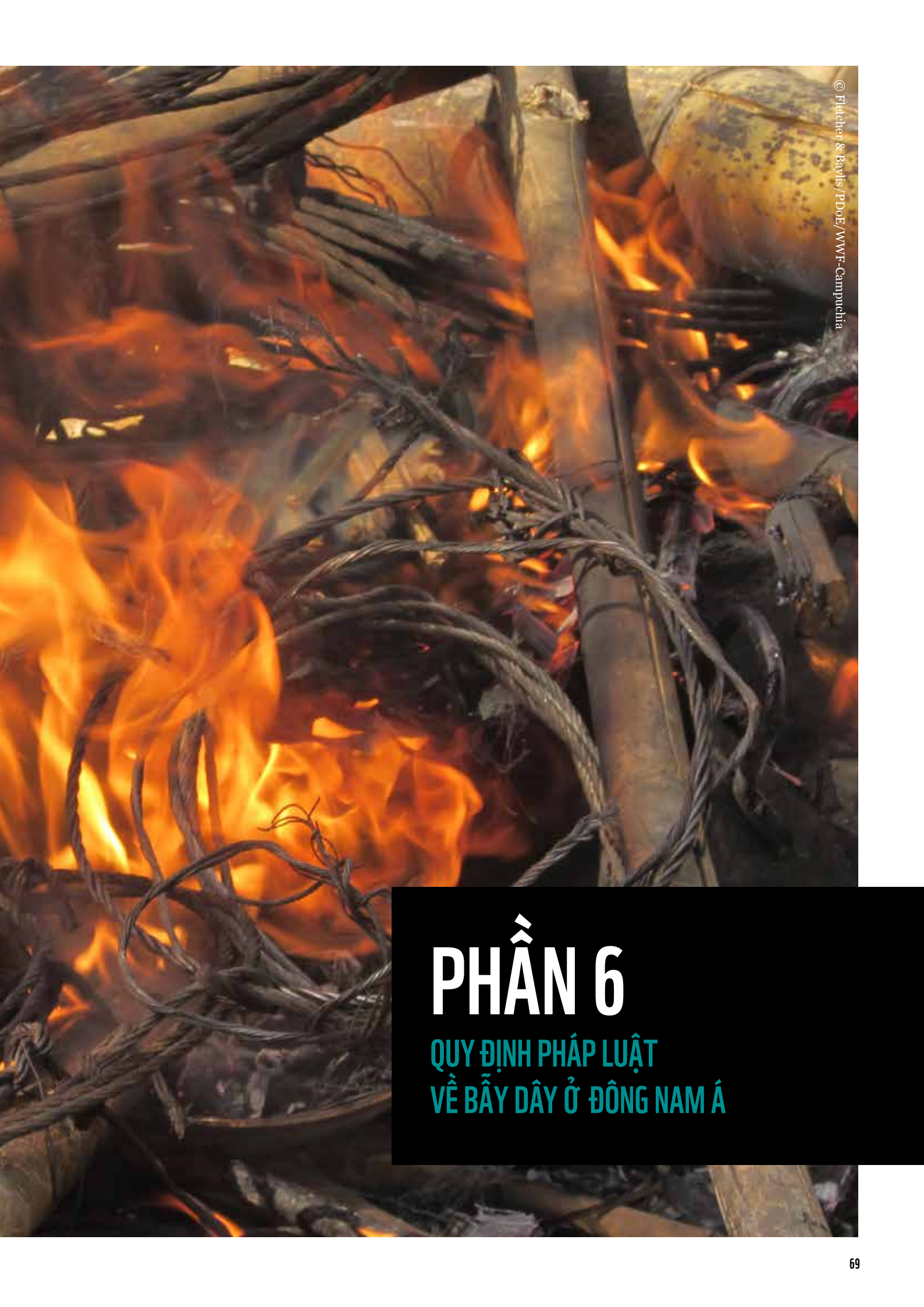




© WWF/Simon Rawlins



SỰ IM LẶNG CỦA NHỮNG CHIẾC BẤY DÂY



# PHẦN 6

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT  
VỀ BẦY DÂY Ở ĐÔNG NAM Á

# PHẦN 6: Quy định pháp luật về bẫy dẫy ở Đông Nam Á

Quốc gia	Campuchia	Indônêxia	Lào
Văn bản pháp luật điều chỉnh chính	Luật Lâm nghiệp, 2002 Luật về khu bảo tồn thiên nhiên, 2008	Bộ luật của Cộng hòa Indônêxia số 5/1990 về bảo tồn các nguồn sống và các hệ sinh thái	Luật ĐVHD và thủy sản số 07
Cập nhật gần đây nhất về luật điều chỉnh chính	2008	1990	2007
Luật có đề cập đến bẫy dẫy theo tên không?	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>
Luật có đề cập đến các loại bẫy theo tên không?	<b>CÓ</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>CÓ</b>
Bẫy dẫy và bẫy có được định nghĩa trong luật không?	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>
Việc sử dụng bẫy dẫy và bẫy trong các khu bảo tồn có bị cấm theo luật không?	<b>CÓ</b> Đặt bẫy dẫy được quy định trong mục 'săn bắn'	<b>CÓ</b> Đặt bẫy dẫy được coi là 'bắt, làm bị thương, giết'	<b>CÓ</b> Đặt bẫy dẫy được quy định trong mục 'săn bắn'
Có những hình phạt tối thiểu nào cho đặt bẫy dẫy và đặt bẫy bên trong khu bảo tồn? [chỉ quy định mức tối thiểu - cho cả tù và phạt tiền]	<b>PHỤ THUỘC VÀO LOÀI</b> 1 năm và/hoặc 10 triệu Riel [~ \$ 2.400] cho hành vi săn bắn các loài quý hiếm (Luật Lâm nghiệp); 100.000 Riel [\$24] (Luật về các khu bảo tồn thiên nhiên); 1 năm và/hoặc 15 triệu Riel [\$ 3.600] đối với các loài ĐVHD dễ bị tổn thương, hiếm và cực kỳ nguy cấp. (Luật về các khu bảo tồn thiên nhiên).	<b>KHÔNG<sup>5</sup></b>	<b>PHỤ THUỘC VÀO LOÀI</b> 3 tháng, chỉ dành cho các loài thuộc danh mục bị cấm
Sử dụng bẫy dẫy bên ngoài khu bảo tồn có bị cấm không?	<b>MỘT PHẦN</b> Chỉ đối với các loài hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng	<b>MỘT PHẦN</b> Chỉ đối với các loài được bảo vệ	<b>MỘT PHẦN</b> Chỉ đối với các loài bị cấm
Có cấm sở hữu bẫy dẫy trong các khu bảo tồn không?	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>
Có cấm sở hữu các vật liệu dùng để làm bẫy dẫy trong các khu bảo tồn không?	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>

Tuyên bố từ chối trách nhiệm: phân tích ở trên chỉ giới hạn trong các luật quốc gia. Hơn nữa, có khả năng các luật, quy định hoặc hướng dẫn bổ sung không được ghi ở đây có vai trò kiểm soát các hoạt động bẫy dẫy.

1 Có đạo luật bảo vệ các loài hoang dã khác có hiệu lực ở Sabah (Đạo luật bảo tồn các loài hoang dã 1997) và ở Sarawak (Pháp lệnh bảo vệ các loài hoang dã 1998). Các luật đang được xem xét vì yếu hơn Đạo luật Bảo tồn các loài hoang dã, 2010, xem Krishnasamy, K. and Zavagli, M., 2020. Đông Nam Á: Tâm điểm của buôn bán ĐVHD. Văn phòng TRAFFIC khu vực Đông Nam Á, Petaling Jaya, Selangor, Malaysia.

2 Mặc dù không nằm trong luật, Nghị Quyết 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn việc thông hiểu các điều (234) bộ luật hình sự quy định rằng: Sử dụng các dụng cụ hoặc thiết bị cấm bị cấm có nghĩa là sử dụng vũ khí, tên lửa độc, vật liệu nổ, độc hại, hầm, hào, tạo lửa, bẫy lớn, bẫy lửa, bẫy điện, bẫy sập, rang sắt lớn hoặc các dụng cụ nguy hiểm khác và các thiết bị cấm sử dụng trong săn bắn được cơ quan có thẩm quyền quy định. Ghi chú, tuy nhiên thuật ngữ "các dụng cụ săn bị cấm" sử dụng ở đây không đồng nhất với thuật ngữ "những dụng cụ săn bị cấm" trong bộ luật hình sự

<i>Malaysia'</i>	<i>Myanmar</i>	<i>Philippines</i>	<i>Thái Lan</i>	<i>Việt Nam</i>
Luật bảo tồn ĐVHD, 2010	Luật bảo tồn đa dạng sinh học và các khu bảo tồn (Luật Pyidaungsu Hluttaw số 12/2018)	Đạo luật Bảo tồn và Bảo vệ Tài nguyên các loài hoang dã  Đạo luật Hệ thống các khu bảo vệ tổng hợp quốc gia (NIPAS) năm 1992 (Đạo luật số 7586)	Đạo luật Bảo tồn và Bảo vệ các loài hoang dã B.E. 2562 (2019)  Đạo luật Công viên Quốc gia B.E. 2562 (2019)	Bộ luật hình sự 100/2015/ QH13, sửa đổi 2017  Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực hiện Công ước CITES  Nghị định 157/2013/ NĐ-CP
2010	2018	2001	2019	2017
<b>CÓ</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>CÓ<sup>2</sup></b>
<b>CÓ</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>CÓ</b>	<b>CÓ</b>
<b>CÓ</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>
<b>CÓ</b>	<b>CÓ</b> Đặt bẫy dây được quy định trong mục 'săn bắn' <sup>3</sup>	<b>CÓ</b> Đặt bẫy dây được quy định trong mục 'săn bắn' và 'thu lượm' <sup>4</sup>	<b>CÓ</b> Đặt bẫy dây được quy định trong mục 'săn bắn'	<b>CÓ</b>
<b>CÓ<sup>6</sup></b> 50.000 ringgit [~\$11.500]  100.000 ringgit [~\$23.000] cho việc săn bắn chín loài được bảo vệ cao nhất	<b>CÓ</b> 300.000 kyats [~\$200] và/hoặc ngày tù theo kết án  3 năm đối với hành vi săn bắn 'động vật được bảo vệ hoàn toàn'	<b>CÓ</b> <i>săn các loài không được bảo vệ: 10 ngày và 5.000 peso [~\$ 100]</i>  <i>săn các loài cực kỳ nguy cấp: 2 năm và 30.000 peso [~\$ 600]</i>  <i>giết các loài không được bảo vệ: 6 tháng và 10.000 peso [~ \$ 200]</i>  <i>giết chết các loài cực kỳ nguy cấp 6 năm và 100.000 peso [~ \$ 2.000]</i>	<b>PHỤ THUỘC VÀO LOÀI</b> 3 năm và/hoặc 300.000 bhat [~\$9.500] đối với ĐVHD (quý hiếm) được bảo tồn.	<b>CÓ</b> 3 năm hoặc 300.000.000 đồng [~\$12.800]
<b>CÓ</b>	<b>MỘT PHẦN</b> Đối với tất cả các lớp ĐVHD được bảo vệ và bất kỳ động vật nào không được phép	<b>MỘT PHẦN</b> Đối với các lớp động vật không được phép hoặc được bảo vệ	<b>MỘT PHẦN</b> Đối với tất cả các loài ĐVHD được bảo vệ hoặc bảo tồn	<b>MỘT PHẦN</b> Một số quy định cấm sử dụng bẫy dây đối với các loại rừng khác (ví dụ rừng sản xuất) <sup>7</sup>
<b>CÓ</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>CÓ<sup>8</sup></b>	<b>KHÔNG</b>
<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>KHÔNG<sup>9</sup></b>	<b>KHÔNG</b>

3. Săn nghĩa là "bắt kỳ biện pháp nào sử dụng để làm hại, bắt hoặc giết các loài hoang dã. Định nghĩa này bao gồm vận chuyển các loài hoang dã không phép.

4. Đặt bẫy dây nằm trong "săn" mục 20(A) Đạo luật Hệ thống các khu bảo vệ tổng hợp quốc gia (NIPAS) và "thu lượm" nằm trong Đạo luật bảo vệ và bảo tồn các nguồn tài nguyên các loài hoang dã.

5. Theo luật của Indonêxia chỉ quy định mức phạt cao nhất; những vi phạm về đặt bẫy dây liên quan đến bắt hoặc giết các động vật được bảo vệ sẽ "bỏ tù đến 5 năm và phạt tiền đến 100 triệu Rupit.

6. Lưu ý rằng phạt tù cho những hành vi đó được áp dụng, nhưng không thể hiện thời gian tối thiểu phạt tù là bao nhiêu.

7. Như chỉ ra trong Nghị Định 156/2018/NĐ-CP về thực thi pháp luật đối với nhiều điều trong luật lâm nghiệp.

8. 'Luật Vườn Quốc Gia B.E. 2562 (2019) Phần 19 (7): Trong vườn quốc gia, không ai được phép mang vào bất kỳ loại dụng cụ có răng nào để săn hoặc bắt động vật hoặc vũ khí. Bất kỳ ai vi phạm các điều quy định trong Phần 19 (7) sẽ bị phạt một khoản tiền không quá 10.000 Baht.'

9. Điều này phụ thuộc vào việc dịch nghĩa thuật ngữ "có răng" là như thế nào trong Luật Vườn Quốc Gia B.E. 2562 (2019) Phần 19 (7). Không có chứng cứ xử lý trực tiếp nào đối với việc sở hữu các vật liệu mà sau này có thể sử dụng làm bẫy dây không được quy định trong luật này vào thời điểm nghiên cứu này thực hiện.

## Các quy định pháp luật cấm đặt bẫy dây trên toàn Đông Nam Á:

**Bảng trên so sánh các điểm chính của các quy định pháp luật về chống bẫy dây ở mỗi quốc gia trong số tám quốc gia có đa dạng sinh học cao trong khu vực ASEAN. Bảng này nêu bật một số thiếu sót đáng kể, bao gồm thực tế là:**

- Chỉ có một quốc gia (Malaixia) định nghĩa trong luật những gì cấu thành bẫy dây.
- Chỉ có hai quốc gia (Malaixia và Việt Nam) đảm bảo mức phạt tối thiểu đạt mức nghiêm trọng đối với bất kỳ hình thức săn bắt bằng bẫy dây nào trong khu bảo tồn (với mức phạt tối thiểu từ 11.000 đến 13.000 USD).
- Chỉ có hai quốc gia (Malaixia và Thái Lan) cấm rõ ràng việc sở hữu bẫy dây trong các khu bảo tồn theo luật của họ.
  - Đây là một lỗ hổng lớn của các quốc gia khác, đặc biệt là không có khả năng bắt quả tang một kẻ săn trộm đang đặt bẫy dây hoặc gỡ động vật từ một bẫy dây đã đặt trước đó. Ngay cả trong một số quyền tài phán, việc sở hữu bẫy dây có thể bị bắt theo định nghĩa rộng về hành vi cấm “săn bắn”, thì một vấn đề có tầm quan trọng như thế cũng không nên thể hiện thiếu rõ ràng trong luật. Việc thiếu cân nhắc đưa quy định sở hữu bẫy dây vào luật ở Đông Nam Á cũng chậm hơn rất nhiều so với các khu vực khác - ví dụ, các lệnh cấm sở hữu được áp dụng thường xuyên hơn trong luật của các nước Châu Phi.<sup>100</sup>
- Không có luật nào trong khu vực có các điều khoản nghiêm cấm rõ ràng việc sở hữu các vật liệu có thể nhanh chóng được làm thành bẫy dây (trong các khu vực được bảo vệ).
  - Đây là một thiếu hụt cần được bổ sung khi sửa đổi, bổ sung luật. Tuy nhiên, cần có ngoại lệ cho phép các nhân viên và nhà nghiên cứu có thẩm quyền trong các vườn quốc gia được mang theo những vật liệu đó.
- Phần lớn các quốc gia quy định hình phạt cao hơn đáng kể trong trường hợp kẻ săn trộm bị bắt đang sở hữu động vật hoặc các bộ phận của các loài ĐVHD thuộc lớp được bảo vệ cao.
  - Điều rõ ràng là bẫy dây không phân biệt loài và có thể bắt tất cả các loài thuộc lớp thú được bảo vệ, đây là một sự bỏ sót rất lớn khi những người sử dụng bẫy dây phải bị bắt quả tang cùng với những loài bị phạt ở mức cao nhất mới có thể bị áp hình phạt đó. Đề xuất rằng các quốc gia nên tìm cách quy định rõ trong văn bản pháp luật về việc sử dụng bẫy dây như một hành vi cố ý săn các loài được bảo vệ cao nhất trong các khu bảo tồn, chúng có thể bị sa bẫy nếu những bẫy dây đó được đặt.







## Đặc điểm của luật chống bẫy dây hiệu quả:

Một luật chống bẫy dây lý tưởng sẽ xem xét đến từng yếu tố được xác định trong bảng. Trong các luật hiện hành ở Đông Nam Á, luật của Malaixia là hợp nhất để giải quyết thách thức do nạn đặt bẫy dây gây ra. Điều khoản quan trọng của luật này như sau:

### **Cấm sở hữu, vvv..., bẫy dây,**

*Điều 29. (1) Không ai được phép—*

*(a) sở hữu hoặc giữ bất kỳ loại bẫy dây nào; hoặc*

*(b) giăng, đặt hoặc sử dụng bất kỳ bẫy dây nào cho mục đích săn bắt bất kỳ loài hoang dã nào.*

*(2) Bất kỳ người nào làm trái với khoản (1) đều phạm tội và bị kết án về:*

*(a) liên quan đến một hành vi phạm tội theo mục (a), phải chịu mức phạt tiền không quá một trăm nghìn ringgit hoặc bị phạt tù có thời hạn không quá ba năm hoặc cả hai; và*

*(b) liên quan đến một hành vi phạm tội theo mục (b), phải chịu phạt tiền không dưới năm mươi nghìn ringgit và không quá một trăm nghìn ringgit và bị phạt tù có thời hạn không quá hai năm.*

### **Giải định sử dụng bẫy dây**

*Điều 57. Khi phát hiện một người đang sở hữu bẫy dây, thì người đó được coi là đang sử dụng bẫy dây đó cho mục đích săn bắt bất kỳ loài hoang dã nào.*

### **Định nghĩa bẫy dây<sup>101</sup>**

*Bất kỳ loại bẫy dây nào làm bằng dây cáp nhẹ vòng qua một bộ phận khóa hoặc bằng dây nylon nhỏ được buộc lại để siết chặt khi con vật kéo ngược lại.*

Một điều khoản về bẫy dây được soạn thảo kỹ lưỡng khác được thấy trong một bản sửa đổi được đề xuất gần đây đối với Đạo luật Bảo vệ Các loài hoang dã của Ấn Độ, năm 1972. Mặc dù đã bị rút lại, nhưng nó vẫn cung cấp nội dung mẫu cho một luật chống bẫy dây hiệu quả. Điều khoản chính của nó có nội dung như sau:

*'Không ai được sản xuất, bán, mua, giữ, vận chuyển hoặc sử dụng bất kỳ bẫy nào để bẫy động vật trừ khi Giám đốc Bảo tồn Các loài hoang dã cho phép trước bằng văn bản để phục vụ các mục đích giáo dục và khoa học'<sup>102</sup>*

Trong trường hợp này, 'bẫy động vật' được định nghĩa bao gồm tất cả các loại bẫy dây.<sup>103</sup> Quan trọng là, văn bản cũng quy định chuyển gánh nặng trách nhiệm giải trình cho những người sở hữu bẫy dây:

*'Khi truy tố bất kỳ tội nào theo quy định này, người nào sở hữu bất kỳ bẫy thú nào đều bị coi là sở hữu bất hợp pháp bẫy đó, trừ khi bị cáo chứng minh được điều ngược lại'*

Cả hai quy định của Malaixia và dự thảo của Ấn Độ cung cấp những điểm khởi đầu hữu ích cho các quốc gia Đông Nam Á đang tìm cách hiện đại hóa các điều khoản quy định về đặt bẫy dây để chống lại cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây. Tuy nhiên, cả hai văn bản đều thiếu vắng quy định rõ ràng cấm sở hữu các vật liệu có thể dễ dàng chuyển thành bẫy dây<sup>104</sup> (trong các khu vực được bảo vệ), cần đưa vào các điều khoản then chốt này vào các văn bản luật trong tương lai.

## Tăng hình phạt đối với việc sử dụng và sở hữu bẫy dây:

Khi các luật về các loài hoang dã với các quy định liên quan đến bẫy dây đang được bổ sung, sửa đổi ở hầu hết các quốc gia Đông Nam Á, thì điều tối quan trọng là phải tăng các hình phạt về đặt bẫy dây tương xứng với mức độ thiệt hại về mặt sinh thái mà bẫy dây gây ra. Với một nửa số quốc gia trong phần phân tích trước có luật về bảo vệ các loài hoang dã được xây dựng cách đây hơn một thập kỷ, điều này có nghĩa rằng mối đe dọa do bẫy dây gây ra hiện nay rõ ràng và cấp bách hơn nhiều so với thời điểm những luật đó được soạn thảo.

Do một tỷ lệ lớn hoạt động đặt bẫy dây được tiến hành vì mục đích thương mại, những người đi săn bằng bẫy dây thường được hỗ trợ tài chính đáng kể. Như vậy, cần phải đưa ra quy định về mức phạt và thời hạn tù mới đủ để răn đe những hành vi này. Mức độ phạt tiền và phạt tù cụ thể phụ thuộc vào từng quốc gia; nhưng hiểu được điểm này có ý nghĩa quan trọng đối với những người chịu trách nhiệm soạn thảo luật mới.

## Truyền thông về hình phạt pháp lý gia tăng đối với việc đặt bẫy dây:

Mọi tác động ngăn chặn từ các luật mới cũng sẽ không có giá trị nếu nội dung của các luật đó không được truyền thông rộng rãi đến các đối tượng chịu sự tác động nhiều nhất của luật. Ví dụ, trong cuộc phỏng vấn 26 thợ săn Việt Nam sống gần khu bảo tồn thuộc khu vực Trung Trường Sơn, gần như tất cả đều nhận thức được rằng họ không được phép săn trong khu bảo tồn hoặc săn một số loài bị đe dọa. Tuy nhiên, không ai trong số những người đó biết các hình phạt khi làm như vậy. Ngoài ra, nhiều người cũng cảm thấy rằng họ không được thông báo rõ về ranh giới của khu bảo tồn.<sup>105</sup> Ngoài tác dụng răn đe, truyền thông về hình phạt còn là vấn đề công bằng cơ bản. Sẽ rất bất công nếu một người phải đối mặt với những hậu quả gia tăng đáng kể nếu có ít nỗ lực trong truyền thông về những thay đổi trong các văn bản luật về đặt bẫy dây. Có thể tăng cường truyền thông thông qua sự kết hợp sử dụng áp phích, quảng cáo trên

báo và mạng xã hội, các cuộc họp cộng đồng, cũng như truyền hình và bản tin radio.

## Đưa bẫy dây vào danh mục các hình thức săn bắn bị cấm khác:

Một cách tiếp cận khác có thể khả thi ở một số quốc gia Đông Nam Á - và một cách có thể được thực hiện trước khi sửa đổi toàn bộ luật - là nên thêm bẫy dây vào danh mục các hình thức săn bắn bị cấm hiện có, như sử dụng chất nổ, điện, chất độc hoặc lửa. Điều này cũng logic vì bẫy dây cũng là loại hình săn thiếu chủ đích mang tính hủy diệt tương tự như các phương thức săn bắn bị cấm khác. Mặc dù không được thực thi thường xuyên,<sup>106</sup> nhưng nhiều quốc gia Châu Phi đã áp dụng cách tiếp cận này và liệt kê trực tiếp bẫy dây kim loại và các loại bẫy dây khác vào danh mục các hình thức săn bắn thiếu chủ đích bị cấm khác.<sup>107</sup>



## Tỷ lệ truy tố và kết án thích đáng đối với các tội đặt bẫy dây cũng rất cần thiết:

Điều này có tác dụng răn đe, vì ngay cả những luật mạnh cũng sẽ không ngăn được săn trộm nếu kẻ săn trộm nhận thức được rằng những luật đó hiếm khi được thực thi bởi một số mắt xích nhất định trong chuỗi thực thi (các mắt xích ít nhất bao gồm thực thi pháp luật, kiểm sát, tòa án). Thực tế, các sai phạm trong áp dụng thích hợp và thực hiện nhất quán các hình phạt được quy định trong luật bảo vệ các loài hoang dã thường lớn hơn so với những thiếu sót trong nội dung của luật. Trong một cuộc khảo sát gần đây với một nhóm các chuyên gia về chủ đề này - phần lớn trong số họ đến từ Châu Á - hơn 3/4 số người được hỏi cho biết họ tin rằng trường hợp như vậy đã xảy ra.<sup>108</sup> Cũng có một số ví dụ từ Đông Nam Á minh họa cho điều này:



- Mặc dù là một trong những quốc gia duy nhất trong khu vực có hình phạt tối thiểu mạnh mẽ đối với tất cả các loại bẫy dây, nhưng khả năng bị buộc tội vì tội đặt bẫy dây vẫn còn thấp ở Việt Nam. Hậu quả là tình trạng đặt bẫy dây ở nước này vẫn là một trong những nước có tỷ lệ cao nhất - nếu không nói là nước có tỷ lệ cao nhất - ở Đông Nam Á (xem trang 26).
- Trong 18 vụ án liên quan đến các loài hoang dã do Cục Kiểm lâm CHDCND Lào điều tra từ năm 2011-2014, không có vụ nào được chuyển đến cơ quan công tố. Ngoài ra, chỉ 1,4% trong số 1.072 vụ phạm tội liên quan đến gỗ được chuyển đến viện kiểm sát.<sup>109</sup>
- Trong khoảng thời gian tương tự ở Malaixia, các công tố viên đã đưa ra cáo buộc với một số lượng rất hạn chế trong tổng số các vụ việc liên quan đến môi trường được báo cáo; khoảng 1% vào năm 2009; năm 2010 là 2%; 12% vào năm 2011; và 10% vào năm 2012.<sup>110</sup>

Để hiểu được mức độ nghiêm trọng của vấn đề hiện nay - và để xây dựng chiến lược cần thiết nhằm cải thiện tình hình - tất cả các quốc gia Đông Nam Á nên theo dõi tỷ lệ truy tố và kết án đối với các tội phạm về các loài hoang dã, bao gồm cả tội phạm bẫy dây.



© Keo Sopheak/PDoE WWF-Campuchia



## Các nhóm nước ngoài đang sử dụng bẫy dây để loại bỏ nguồn tài nguyên thiên nhiên của các nước Đông Nam Á:

Các nhóm bất hợp pháp đang thực hiện các hoạt động đặt bẫy dây bên ngoài quốc gia họ mang quốc tịch đã ngày càng trở thành một xu thế nan giải đặc biệt là trong 5 - 10 năm qua. Ví dụ Malaixia, quốc gia duy nhất - được đề cập ở đây để minh họa cho luận điểm này.

Theo tuyên bố trước đây của Tổng cục trưởng Tổng cục Các loài Hoang dã và Công viên Quốc gia (PERHILITAN) của bán đảo Malaixia, vụ bắt giữ đầu tiên đối với những công dân nước ngoài tham gia vào hoạt động tội phạm về các loài hoang dã ở Malaixia diễn ra vào năm 2002 khi đó 04 công dân Thái Lan bị bắt tại Công viên quốc gia Taman Negara. Ba năm sau đó, vụ bắt giữ tiếp theo vào năm 2005.<sup>111</sup> Các quan chức ở Malaixia cũng lưu ý rằng trong những năm đầu diễn ra tình trạng này (2002-2016), nạn đặt bẫy dây liên quan đến người nước ngoài trong các khu bảo tồn của Malaixia thường được thực hiện như một hoạt động phụ bởi những kẻ săn trộm đang tìm cách khai thác trầm hương có giá trị là chính. Tuy nhiên, kể từ đó, người ta đã quan sát thấy rằng săn bắt động vật đã trở thành mục tiêu chính của những cuộc săn lùng như vậy, phần lớn là do sự suy giảm động vật ở các khu vực khác của Đông Nam Á.

***“Cách đây một thập kỷ, điều này hầu như chưa từng xảy ra nhưng chúng tôi hiện đang bắt gặp ngày càng nhiều người phạm tội đến từ khu vực Đông Dương trong các khu rừng và công viên quốc gia của chúng tôi, đặc biệt là ở Taman Negara... Chúng tôi tin rằng điều này một phần là do sự thiếu hụt trò tiêu khiển ở nước họ và họ đã sang đây để săn bắn.”<sup>112</sup>***

**- Salman Saaban,**  
Cục trưởng Cục Thực thi Pháp luật của  
Tổng cục PERHILITAN, (Tháng 9, 2017)

Số liệu thống kê từ Malaixia - có thể chứng minh xu hướng ở nhiều nước Đông Nam Á khác - cũng cung cấp thêm bằng chứng cho thấy tình hình nhanh chóng trở nên tồi tệ hơn. Trong giai đoạn 2013-2018,

giới chức Malaixia đã gỡ bỏ 3.500 bẫy dây và bắt giữ 162 cá nhân, trong đó 64 người (chiếm 40%) là người nước ngoài.<sup>113</sup> Tỷ lệ người không mang quốc tịch Malaixia bị bắt vì các hoạt động này lên đến 60% trong bốn tháng đầu tiên thực hiện chiến dịch Operasi Bersepadu Khazana (OBK), một chiến dịch đặc biệt do cảnh sát và Tổng cục PERHILITAN thực hiện, đã được khởi động vào tháng 9 năm 2019 để kiểm chế nạn săn trộm. Kết quả của chiến dịch OBK trong thời gian này bao gồm việc gỡ bỏ 460 bẫy dây và bắt giữ 82 cá nhân; 49 người trong số họ là công dân nước ngoài (14 người Trung Quốc, 12 người Campuchia, 6 người Myanmar và 6 người Bangladesh, 4 người đến từ Ấn Độ và 4 người từ Việt Nam, và 3 người từ Thái Lan).<sup>114</sup>

***“Người nước ngoài vào Malaixia cả hợp pháp và bất hợp pháp. Họ ở trong các lán trại tạm từ một đến ba tháng để săn các loài động vật được bảo vệ trước khi một đợt người nước ngoài mới đến tiếp quản.”***

**- Datuk Mastor Mohd Ariff, Phó giám đốc An ninh nội bộ và trật tự công cộng cảnh sát liên bang DCP (ngày 22/10/2019)<sup>115</sup>**

Mặc dù nhóm thợ săn trong các tình huống này có vẻ là xu hướng hoạt động, nhưng chỉ cần một kẻ săn trộm đơn lẻ cũng có thể gây thiệt hại lớn cho các quần thể động vật. Ví dụ, với nỗ lực của OBK, một công dân nước ngoài bị bắt vào tháng 10 năm 2019 cùng với tang vật là 162 bẫy dây nylon và rất nhiều bộ phận lợn rừng.<sup>116</sup>

**Vấn đề này cần được các chính phủ trong khu vực đặc biệt quan tâm vì rất nhiều lý do. Các lý do đó bao gồm thực tế rằng;**

- Sự dịch chuyển hoạt động bẫy dây từ các quốc gia lân cận cho thấy ngay cả khi hoạt động bẫy dây trong nước được kiểm soát thì mối đe dọa suy giảm quần thể các loài hoang dã và 'hội chứng rừng rỗng' do vấn nạn bẫy dây vẫn tiếp tục. Điều này có nghĩa là toàn bộ khu vực Đông Nam Á bị tổn thương bởi làn sóng suy giảm đa dạng sinh học, đang tràn cả ra ngoài các khu vực bị săn bắn quá mức.
- Hoạt động đặt bẫy dây được thực hiện bởi người nước ngoài có thể nhận thức rằng an ninh quốc gia và kiểm soát biên giới giữa các nước liên quan đang có vấn đề hoặc kém hiệu quả.



## KHUYẾN NGHỊ:

**Với những hạn chế hiện có trong các điều khoản chống nạn đặt bẫy dây ở Đông Nam Á, các chính phủ trong khu vực nên:**

- Điều chỉnh mức án và tiền phạt tối thiểu và tối đa cho các hoạt động liên quan đến đặt bẫy dây. Nên quy định các mức phạt ở mức có tác dụng răn đe cao, kể cả đối với những người buôn bán ĐVHD vì mục đích thương mại có tiềm lực tài chính tốt.
- Bổ sung các điều khoản quy định về sở hữu hoặc sử dụng bẫy dây để săn bắt các loài thuộc lớp động vật được bảo vệ cao nhất, các loài có thể bị sa bẫy dây ngay trong khu bảo tồn nơi người ta sử dụng bẫy dây có chủ đích.
- Xây dựng quy định pháp luật rõ ràng cấm sở hữu bẫy dây trong các khu bảo tồn. Quy định cấm này cũng cần được mở rộng đối với những người không có thẩm quyền sở hữu các vật liệu có thể nhanh chóng chuyển thành bẫy dây trong vùng giáp ranh của các khu bảo tồn. Điều này bao gồm các quy định cấm sở hữu tất cả các loại dây và cáp kim loại, và trong trường hợp không có mục đích sử dụng hợp pháp rõ ràng, cấm sở hữu dây và nylon với số lượng lớn có thể chuyển thành bẫy dây.
- Xây dựng các văn bản pháp luật bao gồm các điều khoản nghiêm ngặt về trách nhiệm trong đó đặt gánh nặng giải trình lên người sở hữu bẫy dây hoặc vật liệu có thể được sử dụng để làm bẫy dây phải chứng minh tính hợp pháp của việc sở hữu này.
- Đảm bảo đầy đủ quyền lực soát và thu giữ cho các quan chức làm việc trong các khu bảo tồn.
- Nếu được, cần mở rộng các quy định cấm sử dụng và sở hữu bẫy dây đối với các cảnh quan giáp ranh với các khu bảo tồn. Cũng cần xem xét áp dụng quy định cấm sử dụng hoặc sở hữu bẫy dây trên toàn quốc.
- Định nghĩa rõ ràng thế nào là “đặt bẫy dây” và “bẫy dây” trong luật, đồng thời thêm bẫy dây vào danh mục các kiểu săn bắt hủy diệt bị cấm như sử dụng chất độc, lửa hoặc điện.
- Sử dụng nhiều phương tiện khác nhau để truyền thông đầy đủ, rõ ràng đến những người có thể bị tác động bởi các văn bản pháp luật mới liên quan đến đặt bẫy dây về nội dung của các luật đó và những hậu quả có thể xảy ra nếu đặt bẫy dây.
- Theo dõi số liệu thống kê về thực thi, truy tố và kết án đối với tất cả các vụ án liên quan đến đặt bẫy dây bị bắt giữ và tội phạm về ĐVHD trong toàn quốc và thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng tỷ lệ truy tố và kết án thấp không làm hạn chế tác động của các quy định về chống đặt bẫy dây.
- Nghiên cứu hiệu quả của các biện pháp chống đặt bẫy dây được áp dụng ở các quốc gia khác trong quá trình xây dựng chính sách, chiến lược và luật pháp trong nước.
- Thực hiện việc phối hợp ở cấp độ ASEAN để hạn chế khả năng hoạt động xuyên quốc gia của tội phạm ĐVHD trong khu vực. Các quốc gia này cũng cần đảm bảo có các hiệp định tương trợ tư pháp hiệu quả đối với tội phạm về ĐVHD để những người tham gia vào các hoạt động liên quan đến đặt bẫy dây không thể sử dụng các biên giới quốc gia làm tấm bình phong tránh bị truy tố. Cần tăng các hình phạt đối với việc nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh các sản phẩm ĐVHD buôn bán trái phép và các hình phạt này cũng cần được hài hòa giữa các nước Đông Nam Á.



Lợn rừng đang bị mắc bẫy tại 1 © Phạm Việt Nước/WWF

- 1 WWF - Greater Mekong, 2017. Các loài kỳ lạ: Phát hiện loài mới ở Khu vực Mê Kông mở rộng 2016. Đã xem ngày 27 tháng 5 năm 2020, [http://greatermekong.panda.org/discovered\\_the\\_great\\_mekong/viec/new\\_species/species/](http://greatermekong.panda.org/discovered_the_great_mekong/viec/new_species/species/)
- 2 Benítez-López, A., Alkemade, R., Schipper, A.M., Ingram, D.J., Verweij, P.A., Eikelboom, J.A.J. và Huijbregts, M.A.J., 2017. Tác động của săn bắt đối với các quần thể chim và thú nhiệt đới. *Tạp chí Science*, 356 (6334), Tr.180-183.; Xem thêm Harrison, R.D., Sreekar, R., Brodie, J.F., Brook, S., Luskin, M., O'Kelly, H., Rao, M., Scheffers, B. và Velho, N., 2016. Tác động của săn bắt đối với rừng nhiệt đới ở Đông Nam Á. *Tạp chí Conservation Biology*, 30 (5), Tr.972-981. Xem thêm: Hughes, A.C., 2017. Tìm hiểu các nguyên nhân gây mất đa dạng sinh học của Đông Nam Á. *Ecosphere*, 8 (1), tr.E01624.
- 3 Tilker, A., Abrams, J.F., Mohamed, A., Nguyễn, A., Wong, S.T., Sollmann, R., Niedballa, J., Bhagwat, T., Grey, T.N., Rawson, B.M. và Guegan, F., 2019. Suy thoái môi trường sống và săn bắn bừa bãi tác động khác nhau đến động vật ở điểm nóng đa dạng sinh học nhiệt đới Đông Nam Á. *Tạp chí Communication Biology*, 2 (1), Tr.1-11.
- 4 Gray, T.N., Hughes, A.C., Laurance, W.F., Long, B., Lynam, A.J., O'Kelly, H., Ripple, W.J., Seng, T., Scotson, L. và Wilkinson, N.M., 2018. Cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây săn bắt động vật hoang dã: Mối đe dọa ngấm ngấm và lan rộng đối với đa dạng sinh học ở Đông Nam Á. *Tạp chí Biodiversity and Conservation*, 27 (4), Tr.1031-1037. Xem thêm: Harrison, R.D., Sreekar, R., Brodie, J.F., Brook, S., Luskin, M., O'Kelly, H., Rao, M., Scheffers, B. và Velho, N., 2016. Tác động của săn bắt đối với các khu rừng nhiệt đới ở Đông Nam Á. *Tạp chí Conservation Biology*, 30 (5), Tr.972-981.
- 5 Gray, T.N., Hughes, A.C., Laurance, W.F., Long, B., Lynam, A.J., O'Kelly, H., Ripple, W.J., Seng, T., Scotson, L. và Wilkinson, N.M., 2018. Cuộc khủng hoảng đặt bẫy dây săn bắt động vật hoang dã: Mối đe dọa ngấm ngấm và lan rộng đối với đa dạng sinh học ở Đông Nam Á. *Tạp chí Biodiversity and Conservation*, 27 (4), Tr.1031-1037. Xem thêm: Lindsey, PA, Balme, G., Becker, M., Begg, C., Bento, C., Bocchino, C., Dickman, A., Diggle, RW, Eves, H., Henschel, P. và Lewis, D., 2013. Buôn bán thịt thú rừng ở Châu Phi: Tác động, động lực và giải pháp. *Tạp chí Biological conservation*, 160, tr.80-96.
- 6 D'Cruze, N., Toole, J., Mansell, K. và Schmidt-Burbach, J., 2014. Loại cà phê có giá đắt nhất thế giới là bao nhiêu? *Oryx*, 48 (2), Tr.170-171.
- 7 2016. Một sĩ quan cảnh sát bị giết bởi bẫy động vật hoang dã. Bản tin Panha Vorn Khmer. Đã xem ngày 29 tháng 5 năm 2020 <<http://pvknweb.com/?P=2127>> WWF-Campuchia, 2019. Vụ án thứ nhất: Bẫy dây điện giết người dân địa phương tại làng Memom ở PPWS và Khu bảo tồn loài Lumphat. Tóm tắt lưu hành nội bộ, WWF.
- 8 2019. Niat Menyetrum Hewan Buruannya, Justru 2 Warga Ini yang Tewas Kena Setrum. BERITAANDA.net. Đã xem ngày 29 tháng 5 năm 2020 <https://beritaanda.net/niat-menyetrum-hewan-BURUANNYA-J-IndustryU-2-WARGA-INI-YANG-TEWAS-KENA-SETRUM/>
- 9 2019. Niat Menyetrum Hewan Buruannya, Justru 2 Warga Ini yang Tewas Kena Setrum. BERITAANDA.net. Đã xem ngày 29 tháng 5 năm 2020 <https://beritaanda.net/niat-menyetrum-hewan-BURUANNYA-J-IndustryU-2-WARGA-INI-YANG-TEWAS-KENA-SETRUM/>
- 10 Diện tích khu vực thực tế mà các cuộc tuần tra đã được thực hiện, chứ không phải là diện tích được công bố của khu bảo tồn.
- 11 O'Kelly, H.J., Rowcliffe, J.M., Durant, S. và Milner-Gulland, E.J., 2018. Thử nghiệm ước tính khả năng phát hiện bẫy để giám sát các mối đe dọa lớn. *Tạp chí Ecology and evolution*, 8 (3), Tr.1778-1785.
- 12 O'Kelly, H.J., Rowcliffe, J.M., Durant, S.M. và Milner-Gulland, E.J., 2018. Ước tính tỷ lệ bẫy ở khu vực rừng nhiệt đới bằng cách sử dụng các mô hình hỗn hợp N. *Tạp chí Biological conservation*, 217, Tr.75-82.
- 13 Ibbett, H., Milner-Gulland, E.J., Beale, C.M., Dobson, A., Griffin, O., O'Kelly, H.J. và Keane, A., 2020. Thử nghiệm đánh giá ảnh hưởng của nỗ lực tìm kiếm đối với khả năng phát hiện bẫy. *Tạp chí Biological Conservation*, 247, Tr.108581.
- 14 Risdianto, D., Martyr, DJ, Nugraha, RT, Harihar, A., Wibisono, HT, Haidir, IA, Macdonald, DW, D'Cruze, N. và Linkie, M., 2016. Kiểm tra các dạng dịch chuyển của săn trộm từ một cuộc can thiệp dài hạn của cơ quan thực thi pháp luật ở Sumatra. *Tạp chí Biological Conservation*, 204, Tr.306-312.



- <sup>15</sup> Moore, J.F., Mulindahabi, F., Masozera, M.K., Nichols, J.D., Hines, J.E., Turikunkiko, E. và Oli, M.K., 2018. Các cuộc tuần tra của kiểm lâm có hiệu quả trong việc giảm các mối đe dọa liên quan đến săn trộm trong các khu bảo tồn không? *Tạp chí Journal of Applied Ecology*, 55 (1), Tr.99-107. Xem thêm
- Obersoler, V., Tenan, S., Zipkin, E.F. và Rovero, F., 2020. Quản lý kém trong các khu bảo tồn có liên quan đến giảm đa dạng thú nhiệt đới. *Tạp chí Bảo tồn động vật*, 23 (2), Tr.171-181. Xem thêm:
- MNP, 2020. Đánh giá về hiệu quả của việc thực thi luật bảo tồn bằng cách sử dụng Công cụ Báo cáo & Giám sát không gian (SMART): Một nghiên cứu điển hình từ Vườn quốc gia Hoàng Gia Manas. Cục Lâm nghiệp và Dịch vụ Công viên, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp, Chính phủ Hoàng gia Bhutan.
- <sup>16</sup> Singh, R., Biggs, D., Moreto, W., Lyet, A., Mcvey, D., Ononino, A., Khadka, M., Chapagain, D., Parry-Jones, R., Huijbregt, B., Barlow, A. và Creasey, M., 2019. Hướng dẫn sáng kiến Không có săn trộm: Cách thực hành tốt nhất giúp các đối tác bảo tồn đạt được mục tiêu Không có săn trộm. Sáng kiến Chống Tội phạm Động vật Hoang dã của WWF.
- <sup>17</sup> Ibbett, H., Milner-Gulland, E.J., Beale, C.M., Dobson, A., Griffin, O., O'Kelly, H.J. và Keane, A., 2020. Thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của nỗ lực tìm kiếm đối với khả năng phát hiện bẫy dơi. *Tạp chí Biological Conservation*, 247, P.108581. Xem thêm
- Risdianto, D., Martyr, D.J., Nugraha, R.T., Harihar, A., Wibisono, H.T., Haidir, I.A., Macdonald, D.W., D'Cruze, N. và Linkie, M., 2016. Xem xét các mô hình thay đổi săn trộm từ sự can thiệp dài hạn của cơ quan thực thi pháp luật ở Sumatra. *Tạp chí Biological Conservation*, 204, Tr.306-312. Xem thêm:
- Grey, TN, Hughes, AC, Laurance, WF, Long, B., Lynam, AJ, O'Kelly, H., Ripple, WJ, Seng, T., Scotson, L. và Wilkinson, NM, 2018. Cuộc khủng hoảng săn bắt động vật hoang dã bằng bẫy dơi: Mối đe dọa ngấm ngầm và lan rộng đối với đa dạng sinh học ở Đông Nam Á. *Tạp chí Biodiversity and Conservation*, 27 (4), Tr.1031-1037.
- <sup>18</sup> Belecky, M., Singh, R., Moreto, W.D., 2019. Cuộc sống nơi tiền tuyến 2019: Khảo sát toàn cầu về các điều kiện làm việc của kiểm lâm 2018. WWF.
- <sup>19</sup> Bruner, A.G., Gullison, R.E., Rice, R.E. và Da Fonseca, G.A., 2001. Hiệu quả của các công viên trong việc bảo vệ đa dạng sinh học nhiệt đới. *Tạp chí Science*, 291 (5501), Tr.125-128.
- <sup>20</sup> Ibbett, H., Milner-Gulland, E.J., Beale, C.M., Dobson, A., Griffin, O., O'Kelly, H.J. và Keane, A., 2020. Thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của nỗ lực tìm kiếm đối với khả năng phát hiện bẫy. *Tạp chí Biological Conservation*, 247, tr.108581. Xem thêm:
- Linkie, M., Martyr, DJ, Harihar, A., Risdianto, D., Nugraha, RT, Leader-Williams, N. và Wong, WM, 2015. Bảo vệ hổ Sumatra: đánh giá hiệu quả của các cuộc tuần tra thực thi pháp luật và mạng thông tin địa phương. *Tạp chí Journal of Applied Ecology*, 52 (4), Tr.851-860. Xem thêm:
- Moore, J.F., Mulindahabi, F., Masozera, M.K., Nichols, J.D., Hines, J.E., Turikunkiko, E. và Oli, M.K., 2018. Các cuộc tuần tra của kiểm lâm có hiệu quả trong việc giảm các mối đe dọa liên quan đến săn trộm trong các khu bảo tồn không? *Tạp chí Journal of Applied Ecology*, 55 (1), tr.99-107. Xem thêm:
- O'Kelly, H.J., Rowcliffe, J.M., Durant, S. và Milner-Gulland, E.J., 2018. Thực nghiệm ước tính khả năng phát hiện bẫy dơi để theo dõi mối đe dọa. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 8 (3), Tr.1778-1785.
- <sup>21</sup> Wilkinson, N., 2016. Báo cáo về ảnh hưởng của 5 năm tuần tra rà phá bẫy tại khu bảo tồn Sao la Thừa Thiên Huế-Quảng Nam: Phân tích dữ liệu do các lực lượng Kiểm lâm thu thập. *Dự án WWF CarBi, Hà Nội, Việt Nam*.
- <sup>22</sup> Linkie, M., Martyr, DJ, Harihar, A., Risdianto, D., Nugraha, RT, Leader-Williams, N. và Wong, WM, 2015. Bảo vệ hổ Sumatra: Đánh giá hiệu quả của việc thực thi pháp luật tuần tra và mạng lưới cung cấp thông tin địa phương. *Tạp chí Applied Ecology*, 52 (4), Tr.851-860.
- <sup>23</sup> O'Kelly, H.J., Rowcliffe, J.M., Durant, S.M. và Milner-Gulland, E.J., 2018. Ước tính về tỷ bẫy ở khu vực rừng nhiệt đới bằng cách sử dụng các mô hình hỗn hợp N. *Tạp chí Biological Conservation*, 217, Tr.75-82.
- <sup>24</sup> Kragt, M.E., Hay, E., Scheufele, G., Bennett, J. và Renton, M., 2020. Dự đoán hiệu quả của các cuộc tuần tra chống săn trộm dựa vào cộng đồng trong việc bảo tồn động vật hoang dã bị đe dọa ở CHDCND Lào. *Tạp chí Applied Ecology*, 57 (2), Tr.320-330.
- <sup>25</sup> Kragt, M.E., Hay, E., Scheufele, G., Bennett, J. và Renton, M., 2020. Dự đoán hiệu quả của các cuộc tuần tra chống săn trộm dựa vào cộng đồng trong việc bảo tồn động vật hoang dã bị đe dọa ở CHDCND Lào. *Tạp chí Applied Ecology*, 57 (2), Tr.320-330. Xem thêm:
- Linkie, M., Martyr, DJ, Harihar, A., Risdianto, D., Nugraha, RT, Leader-Williams, N. và Wong, WM, 2015. Bảo vệ hổ Sumatra: đánh giá hiệu quả của các cuộc tuần tra thực thi pháp luật và mạng thông tin địa phương. *Tạp chí Applied Ecology*, 52 (4), Tr.851-860. Xem thêm:
- Wilkinson, N., 2016. Báo cáo về tác động của 5 năm tuần tra gỡ bẫy đối với hoạt động bẫy tại khu Sao la Thừa Thiên Huế-Quảng Nam: phân tích dữ liệu do lực lượng Kiểm lâm thu thập được. *Dự án WWF CarBi, Hà Nội, Việt Nam*.
- <sup>26</sup> Risdianto, D., Martyr, D.J., Nugraha, R.T., Harihar, A., Wibisono, H.T., Haidir, I.A., Macdonald, D.W., D'Cruze, N. và Linkie, M., 2016. Xem xét các mô hình thay đổi săn trộm từ sự can thiệp dài hạn của cơ quan thực thi pháp luật ở Sumatra. *Tạp chí Biological Conservation*, 204, Tr.306-312. Xem thêm:
- Wilkinson, N., 2016. Báo cáo về ảnh hưởng của 5 năm tuần tra rà phá bẫy tại khu bảo tồn Sao la Thừa Thiên Huế-Quảng Nam: Phân tích dữ liệu do các lực lượng Kiểm lâm thu thập. *Dự án WWF CarBi, Hà Nội, Việt Nam*.
- <sup>27</sup> Wilkinson, N., 2016. Báo cáo về ảnh hưởng của 5 năm tuần tra rà phá bẫy tại khu bảo tồn Sao la Thừa Thiên Huế-Quảng Nam: Phân tích dữ liệu do các lực lượng Kiểm lâm thu thập. *Dự án WWF CarBi, Hà Nội, Việt Nam*.

- <sup>28</sup> Drury, R., 2011. Khát vọng thành công: Cầu tiêu dùng ở thành thị đối với các sản phẩm động vật hoang dã ở Việt Nam. *Tạp chí Conservation and Society*, 9 (3), 247-257. Xem thêm:
- Pruvot, M., Khamvong, K., Milavong, P., Philavong, C., Reinhartz, D., Mayxay, M., Rattanavong, S., Horwood, P., Dussart, P., Douangneun, B. và Theppangna, W., 2019. Hướng tới định lượng các rủi ro trong mối quan hệ giữa bảo tồn và sức khỏe: Trường hợp chợ thịt lợn rừng ở CHDCND Lào. *Tạp chí Science of the total environment*, 676, Tr.732-745. Xem thêm:
- Sandalj, M., Treydte, A.C. và Ziegler, S., 2016. Thịt thú rừng có xa xỉ không? Định lượng cầu và sự sẵn có của thịt thú rừng ở Huế, Việt Nam. *Tạp chí Biodiversity Conservation*, 194, Tr.105-112.
- <sup>29</sup> Drury, R., 2011. Khát vọng thành công: Cầu tiêu dùng thành thị đối với các sản phẩm động vật hoang dã ở Việt Nam. *Tạp chí Conservation and Society*. Bảo tồn và Xã hội, 9 (3), 247-257. Xem thêm:
- Sandalj, M., Treydte, A.C. và Ziegler, S., 2016. Thịt thú rừng có xa xỉ không? Định lượng cầu và sự sẵn có của thịt thú rừng ở Huế, Việt Nam. *Tạp chí Conservation and Society*, 194, Tr.105-112. Xem thêm:
- WWF Việt Nam, 2017. Tiêu thụ thịt thú rừng và các sản phẩm động vật hoang dã khác ở thành phố Huế. Báo cáo nội bộ.
- <sup>30</sup> Woolhouse, M.E. và Gowtage-Sequeria, S., 2005. Các vật chủ và các mầm bệnh mới xuất hiện và tái xuất hiện. *Tạp chí Emerging and re-emerging infectious diseases*, 11 (12), Tr.1842.
- <sup>31</sup> Woolhouse, M.E. và Gowtage-Sequeria, S., 2005. Các vật chủ và các mầm bệnh mới xuất hiện và tái xuất hiện. *Tạp chí Emerging and re-emerging infectious diseases*, 11 (12), Tr.1842
- <sup>32</sup> Jones, K.E., Patel, N.G., Levy, M.A., Storeygard, A., Balk, D., Gittleman, J.L. và Daszak, P., 2008. Xu hướng toàn cầu về các bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện. *Tạp chí Nature*, 451 (7181), Tr.990-993.
- <sup>33</sup> Daszak, P., Olival, K.J. và Li, H., 2020. Chiến lược ngăn chặn các đại dịch trong tương lai tương tự như đợt bùng phát nCOV 2019. *Tạp chí Biosafety and Health* 2 (1), Tr.6-8.
- <sup>34</sup> Ngân hàng Phát triển Châu Á, 2020. Triển vọng Phát triển Châu Á 2020: Điều gì thúc đẩy sự đổi mới ở Châu Á? Ngân hàng Phát triển Châu Á, Manila.
- <sup>35</sup> Bonilla-Aldana, D.K., Dhama, K. và Rodriguez-Morales, A.J., 2020. Xem xét lại phương pháp tiếp cận Một sức khỏe trong bối cảnh COVID-19: sự nhìn nhận sinh thái của căn bệnh mới xuất hiện này. Đăng trên Anim Vet Sci, 8 (3), Tr.234-237.
- <sup>36</sup> Jones, K.E., Patel, N.G., Levy, M.A., Storeygard, A., Balk, D., Gittleman, J.L. và Daszak, P., 2008. Xu hướng toàn cầu về các bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện. *Tạp chí Nature*, 451 (7181), Tr.990-993.
- <sup>37</sup> Grey, T.N., Hughes, A.C., Laurance, W.F., Long, B., Lynam, A.J., O'Kelly, H., Ripple, W.J., Seng, T., Scotson, L. và Wilkinson, N.M., 2018. Cuộc khủng hoảng đặt bẫy động vật hoang dã: Mối đe dọa ngấm ngầm và lan rộng đối với đa dạng sinh học ở Đông Nam Á. *Tạp chí Biodiversity and Conservation*, 27 (4), Tr.1031-1037. Xem thêm:
- Harrison, RD, Sreekar, R., Brodie, JF, Brook, S., Luskin, M., O'Kelly, H., Rao, M., Scheffers, B. và Velho, N., 2016. Tác động của săn bắn đối với các khu rừng nhiệt đới ở Đông Nam Á. *Tạp chí Conservation biology*, 30 (5), Tr.972-981.
- <sup>38</sup> Brooks, E.G., Robertson, S.I. và Bell, D.J., 2010. Tác động bảo tồn của việc nuôi nhím vì mục đích thương mại ở Việt Nam. *Tạp chí Biological Conservation*, 143 (11), Tr.2808-2814. Xem thêm:
- Livingstone, E., Gomez, L. và Bouhuys, J., 2018. Đánh giá về hoạt động nuôi gấu và buôn bán gấu ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. *Tạp chí Global Ecology and Conservation*, 13, tr.e00380. Xem thêm:
- Livingstone, E. và Shepherd, C.R., 2016. Các trang trại nuôi gấu ở CHDCND Lào mở rộng trái phép và không bảo tồn được gấu hoang dã. *Tạp chí Oryx*, 50 (1), Tr.176-184.
- <sup>39</sup> Han, B.A., Kramer, A.M. và Drake, J.M., 2016. Các mô hình toàn cầu của bệnh lây truyền từ các loài thú. Xu hướng ký sinh trùng, 32 (7), tr.565-577. Xem thêm:
- Johnson, C.K., Hitchens, P.L., Pandit, P.S., Rushmore, J., Evans, T.S., Young, C.C. và Doyle, M.M., 2020. Sự thay đổi toàn cầu về xu hướng quần thể thú cho thấy những yếu tố dự báo chính về nguy cơ lây lan vi rút. *Kỷ yếu của Hiệp hội Hoàng gia B*, 287 (1924), Tr.20192736. Xem thêm:
- Tạp chí WWF Global Science*, 2020. Vượt ra ngoài biên giới: Hiểu biết sâu sắc về các bệnh truyền nhiễm từ động vật mới xuất hiện, thiên nhiên và phúc lợi của con người. Tóm tắt khoa học nội bộ. Chưa xuất bản.
- <sup>40</sup> Cantlay, J. C., Ingram, D. J., và Meredith, A. L. (2017). Đánh giá về các nguy cơ lây nhiễm từ động vật sang người liên quan đến việc buôn bán thịt thú rừng ở Malaixia. *Tạp chí EcoHealth*, 14 (2), 361-388.
- <sup>41</sup> Wang, L.F. và Eaton, B.T., 2007. Dơi, cầy hương và sự xuất hiện của bệnh SARS. Động vật hoang dã và các bệnh truyền nhiễm từ động vật mới xuất hiện: đặc điểm sinh học, hoàn cảnh và hậu quả của việc lây truyền giữa các loài (trang 325-344). Springer, Berlin, Heidelberg.
- <sup>42</sup> Liu, P., Chen, W. và Chen, J.P., 2019. Vi-rút Metagenomics tiết lộ sự lây nhiễm của virus Sendai và Coronavirus ở tê tê Java (*Manis javanica*). *Virus*, 11 (11), tr.979.

- <sup>43</sup> FFI Campuchia, 2018. Tìm hiểu Hành vi tiêu thụ thịt thú rừng của người dân Phnom Penh. Báo cáo nội bộ. Xem thêm:
- Greatorex, ZF, Olson, SH, Singhalath, S., Silithammavong, S., Khammavong, K., Fine, AE, Weisman, W., Douangngeun, B., Theppangna, W., Keatts, L. và Gilbert, M., 2016. Buôn bán động vật hoang dã và sức khỏe con người ở CHDCND Lào: đánh giá nguy cơ bệnh truyền từ động vật ở các chợ. *PLoS Một*, 11 (3). Xem thêm:
- Heinrich, S., Ross, J.V., Grey, T.N., Delean, S., Marx, N. và Cassey, P., 2020. Điểm nổi bật: 17 năm buôn bán động vật hoang dã ở Campuchia. *Tạp chí Biological Conservation*, 241, P.108379. Xem thêm:
- Latinne, A., Saputro, S., Kalengkongan, J., Kowel, CL, Gaghiwu, L., Ransaleleh, TA, Nangoy, MJ, Wahyuni, I., Kusumaningrum, T., Safari, D. và Feferholtz, Y., 2020. Đặc điểm và số lượng mạng lưới buôn bán động vật hoang dã ở Sulawesi, Indônêxia. *Tạp chí Global Ecology and Conservation*, 21, Tr.e00887.
- <sup>48</sup> Greatorex, ZF, Olson, SH, Singhalath, S., Silithammavong, S., Khammavong, K., Fine, AE, Weisman, W., Douangngeun, B., Theppangna, W., Keatts, L. và Gilbert, M., 2016. Buôn bán động vật hoang dã và sức khỏe con người ở CHDCND Lào: đánh giá nguy cơ bệnh truyền từ động vật ở các chợ. *PLoS Một*, 11 (3). Xem thêm:
- Pruvot, M., Khammavong, K., Milavong, P., Philavong, C., Reinharz, D., Mayxay, M., Rattanavong, S., Horwood, P., Dussart, P., Douangngeun, B. và Theppangna, W., 2019. Hướng tới định lượng rủi ro ở mối quan hệ giữa bảo tồn và sức khỏe: Trường hợp chợ thịt lợn rừng ở CHDCND Lào. *Tạp chí Science of the Total Environment*, 676, Tr.732-745. Xem thêm:
- Schweikhard, J., Kasper, K., Ebert, C. L., Lehmann, M., Erbe, P., và Ziegler, T., 2019. Các cuộc điều tra về buôn bán trái phép động vật hoang dã ở miền trung nước CHDCND Lào. *Bản tin của TRAFFIC*, 31 (1), 19.
- <sup>49</sup> Burgess, G., 2016. Sức mạnh của sự thuyết phục: Truyền thông bảo tồn, thay đổi hành vi và giảm nhu cầu đối với các sản phẩm động vật hoang dã bất hợp pháp. *Bản tin của TRAFFIC*, 28 (2): 65-73.
- <sup>50</sup> Verissimo, D. và Wan, A.K., 2019. những nỗ lực nhằm giảm cầu tiêu dùng đối với các sản phẩm từ động vật hoang dã. *Tạp chí Biological Conservation*, 33 (3), Tr.623-633.
- <sup>51</sup> Ở đây, các taxa có nguy cơ cao được định nghĩa là ‘nhóm các loài hoang dã có liên quan được biết đến là ổ chứa mầm bệnh có khả năng bùng phát và nguy hiểm cho con người; đặc biệt là những loài vật chủ của các vi khuẩn từ động vật (ví dụ: dơi, động vật gặm nhấm, động vật móng guốc, động vật ăn thịt, linh trưởng, tê tê, cầy).’
- <sup>52</sup> Ở đây, các sản phẩm từ động vật hoang dã có nguy cơ cao được định nghĩa là “bất kỳ sản phẩm nào từ các taxa có nguy cơ cao được con người dùng để ăn hoặc làm thuốc”.
- Sandalj, M., Treydte, A.C. và Ziegler, S., 2016. Thịt thú rừng có xa xỉ không? Định lượng cầu và sự sẵn có của thịt thú rừng ở Huế, Việt Nam. *Tạp chí Biological Conservation*, 194, Tr.105-112. Xem thêm:
- Schweikhard, J., Kasper, K., Ebert, C. L., Lehmann, M., Erbe, P., và Ziegler, T., 2019. Các cuộc điều tra về buôn bán trái phép động vật hoang dã ở miền trung nước CHDCND Lào. *Bản tin TRAFFIC*, 31 (1), tr.19.
- <sup>44</sup> Drury, R., 2011. Khao khát thành công: Cầu tiêu dùng ở đô thị đối với các sản phẩm động vật hoang dã ở Việt Nam. *Tạp chí Conservation and Society*, 9 (3), 247-257. Xem thêm:
- Nguyễn S.V., 2003. Kinh doanh động vật hoang dã ở Việt Nam: Tại sao lại nở rộ. Báo cáo Nghiên cứu EEPSEA, Singapo 1-75. Xem thêm:
- WWF Việt Nam, 2017. Tiêu thụ thịt thú rừng và các sản phẩm động vật hoang dã khác ở thành phố Huế. *Báo cáo nội bộ*.
- <sup>45</sup> WWF Việt Nam, 2017. Tiêu thụ thịt thú rừng và các sản phẩm động vật hoang dã khác ở thành phố Huế. Báo cáo nội bộ.
- <sup>46</sup> Heinrich, S., Ross, J.V., Grey, T.N., Delean, S., Marx, N. và Cassey, P., 2020. 17 năm buôn bán động vật hoang dã ở Campuchia. *Tạp chí Biological Conservation*, 241, Tr.108379.

## Chú thích

- <sup>53</sup> Corlett, R.T., 2007. Tác động của săn bắt đối với hệ thú ở rừng nhiệt đới châu Á. *Tạp chí Biotropica*, 39 (3), Tr.292-303. Xem thêm:
- Morrison, J.C., Sechrest, W., Dinerstein, E., Wilcove, D.S. và Lamoreux, J.F., 2007. Sự tồn tại của các loài thú lớn là chỉ số về các tác động của con người trên toàn cầu. *Tạp chí Mammalogy*, 88 (6), Tr.1363-1380.
- <sup>54</sup> Harrison, RD, Sreekar, R., Brodie, JF, Brook, S., Luskin, M., O'Kelly, H., Rao, M., Scheffers, B. và Velho, N., 2016. Tác động săn bắn đối với các khu rừng nhiệt đới ở Đông Nam Á. *Tạp chí Biological Conservation*, 30 (5), Tr.972-981.
- <sup>55</sup> Ripple, WJ, Abernethy, K., Betts, MG, Chapron, G., Dirzo, R., Galetti, M., Levi, T., Lindsey, PA, Macdonald, DW, Machovina, B. và Newsome, TM, 2016. Săn bắn thú rừng và nguy cơ tuyệt chủng đối với các loài động vật có vú trên thế giới. *Khoa học mở của Hiệp hội Hoàng gia*, 3 (10), Tr.160498.
- <sup>56</sup> Redford, K.H., 1992. Rừng rỗng. *Tạp chí BioScience*, 42 (6), Tr.412-422.
- <sup>57</sup> McConkey, K.R., 2018. Sự phát tán hạt giống của các loài linh trưởng ở châu Á: từ loài, đến quần xã, đến khu bảo tồn. *Tạp chí Quốc tế về Linh trưởng*, 39 (3), Tr.466-492. Xem thêm:
- Corlett, R.T., 2017. Sự phát tán hạt và quả của động vật có xương sống ở châu Á nhiệt đới và cận nhiệt đới. *Tạp chí Global Ecology and Conservation*, 11, Tr.1-22. Xem thêm:
- Kitamura, S., Yumoto, T., Poonswad, P. và Wohandee, P., 2007. Sự phát tán quả và hạt của voi châu Á (*Elephas maximus*) trong một khu rừng ở Thái Lan. *Tạp chí Journal of Tropical Ecology*, 23 (3), Tr.373-376. Xem thêm:
- Campos-Arceiz, A. and Blake, S., 2011. Những nhà làm vườn khổng lồ trong rừng - vai trò của voi trong việc phát tán hạt giống. *Acta Oecologica*, 37 (6), Tr.542-553; Xem thêm:
- Peres, C.A., Emilio, T., Schiatti, J., Desmoulière, S.J. và Levi, T., 2016. Sự phát tán hạn chế gây ra sự suy giảm sinh khối trong thời gian dài ở những khu rừng Amazon quá cần cỗi. *Kỷ yếu của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia*, 113 (4), Tr.892-897.
- <sup>58</sup> Brodie, J.F., Redford, K.H. và Doak, D.F., 2018. Phân tích chức năng sinh thái: Lồng ghép vai trò của loài vào bảo tồn. *Xu hướng Sinh thái & Tiến hóa*, 33 (11), Tr.840- 850. Xem thêm:
- Ripple, W.J., Estes, J.A., Beschta, R.L., Wilmers, C.C., Ritchie, E.G., Hebblewhite, M., Berger, J., Elmhagen, B., Letnic, M., Nelson, M.P. và Schmitz, O.J., 2014. Tình trạng và ảnh hưởng sinh thái của loài ăn thịt lớn nhất thế giới. *Tạp chí Science*, 343 (6167), Tr.1241484. Xem thêm:
- Soulé, M.E., Bolger, D.T., Alberts, A.C., Wrights, J., Soric, M. và Hill, S., 1988. Động lực tái tạo các loài chim bị tuyệt chủng nhanh chóng ở các đô thị đảo. *Tạp chí Biological Conservation*, 2 (1), Tr.75-92. Xem thêm:
- Terborgh, J., 2009. Dòng thác nhiệt đới trên các đảo. *Lý thuyết địa lý sinh vật đảo* Tr.116-142.
- <sup>59</sup> Schupp, E.W., Jordano, P. và Gómez, J.M., 2017. Một khuôn khổ chung cho các khái niệm hiệu quả trong tương hỗ. *Tạp chí Ecology Letters*, 20 (5), Tr.577-590. Xem thêm:
- Roman, J., Estes, J.A., Morissette, L., Smith, C., Costa, D., McCarthy, J., Nation, J.B., Nicol, S., Pershing, A. và Smetacek, V., 2014. Cá voi là kỹ sư hệ sinh thái biển. *Ranh giới giữa sinh thái và môi trường*, 12 (7), Tr.377-385. Xem thêm:
- Ripple, W.J., Newsome, T.M., Wolf, C., Dirzo, R., Everatt, K.T., Galetti, M., Hayward, M.W., Kerley, G.I., Levi, T., Lindsey, P.A. và Macdonald, D.W., 2015. Sự sụp đổ của các loài động vật ăn cỏ lớn nhất thế giới. *Tạp chí Scienc Advance*, 1 (4), Tr.e1400103.
- <sup>60</sup> Waldram, M. S., Bond, W. J., & Stock, W. D., 2008. Kỹ thuật sinh thái bằng máy nghiền siêu lớn: Tê giác trắng tác động lên vùng thảo nguyên Nam Phi. *Tạp chí Ecology*, 11 (1), Tr.101-112. Xem thêm:
- Davidson, A. D., Detling, J. K., & Brown, J. H., 2012. Vai trò sinh thái và thách thức bảo tồn đối với thú ăn cỏ, đào hang ở các đồng cỏ trên thế giới. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 10 (9), 477-486. Xem thêm:
- Eames, J.C.E., Eang S., Loveridge, R. và Grey, T.N.E., 2018. Tác động của việc thí nghiệm chặn thả trâu nhà *Bubalus bubalis* đến các hồ nước ở đông bắc Campuchia. *Tạp chí Cambodian Journal of Natural History* 2018 (2) 108-119. Xem thêm:
- Campos-Arceiz, A., 2009. Phân (trở nên có ích)! Sử dụng phân voi làm môi trường sống của các loài lưỡng cư. *Tạp chí Biotropica*, 41 (4), tr.406-407.
- <sup>61</sup> Terakawa, M., Matsui, K., Hamada, T., Noma, N., & Yumoto, T., 2008. Giảm hiệu quả phát tán ở cây hạt lớn *Myrica rubra* khi không còn loại cây này trên đảo Tanegashima, Nhật Bản. *Tạp chí Sinh thái Bảo tồn Nhật Bản (Japanese Journal of Conservation Ecology)*, 13, tr.161-167.
- <sup>62</sup> Brodie, J.F., Helmy, O.E., Brockelman, W.Y. và Maron, J.L., 2009. Việc săn trộm để lấy thịt làm giảm sự phát tán hạt giống và tỷ lệ tăng trưởng quần thể của cây phát tán hạt nhờ thú. *Tạp chí Ecological Applications*, 19 (4), Tr.854-863.
- <sup>63</sup> Wright, H.L., Collar, N.J., Lake, I.R., Bou, V. và Dolman, P.M., 2012. Sinh thái kiếm ăn của loài *Ibis Pseudibis davisoni* và loài *Thaumatibis gigantea* ở miền bắc Campuchia. *Tạp chí Forktail*, 28, Tr.93-100.
- <sup>64</sup> Mặc dù hổ đã được các nhà bảo tồn ở cả ba quốc gia công nhận là đã tuyệt chủng về mặt sinh thái, điều quan trọng cần lưu ý là chính phủ các quốc gia đó chính thức công nhận tình trạng này.
- <sup>65</sup> Rasphone, A., Kéry, M., Kamler, J.F and Macdonald, DW, 2019. Tài liệu hóa về sự diệt vong của hổ, báo cũng như tình trạng của các loài ăn thịt và thú mồi khác, trong khu vực được bảo vệ được đánh giá cao nhất của CHDCND Lào: South Et- Phou Louey. *Tạp chí Global Ecology and Conservation*, 20, Tr.e00766.
- <sup>66</sup> Risdianto, D., Martyr, D.J., Nugraha, R.T., Harihar, A., Wibisono, H.T., Haidir, I.A., Macdonald, D.W., D'Cruze, N. và Linkie, M., 2016. Xem xét các mô hình dịch chuyển săn trộm từ sự can thiệp lâu dài của cơ quan thực thi pháp luật ở Sumatra. *Tạp chí Biological Conservation*, 204, Tr.306-312.
- <sup>67</sup> Chundawat, D.R., Raju, V.U., Rajora, H. và Matthews, J., 2018. Giá trị của Du lịch Động vật Hoang dã quanh Khu Bảo tồn Hổ Ranthambhore ở Rajasthan đối với Bảo tồn Động vật Hoang dã và Cộng đồng Địa phương. *Tạp chí TOFTigers*, New Delhi, Ấn Độ.

## PHẦN 5

- <sup>68</sup> Nielsen, M.R., Pouliot, M., Meilby, H., Smith-Hall, C. và Angelsen, A., 2017. Các mô hình toàn cầu và các yếu tố quyết định tầm quan trọng kinh tế của thịt thú rừng. *Tạp chí Biological Conservation*, 215, Tr.277-287.
- <sup>69</sup> Coad, L., Lim, S. và Nuon, L., 2019. Động vật hoang dã và sinh kế ở dãy núi Cardamom, Campuchia. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 7, Tr.296.
- <sup>70</sup> MacMillan, D.C. và Nguyễn Q.A., 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc khai thác trái phép động vật hoang dã bằng bẫy và bẫy dây trong nhóm dân tộc Cà tu ở Việt Nam. *Tạp chí Oryx*, 48 (2), Tr.304-312.
- <sup>71</sup> Luskin, M.S., Christina, E.D., Kelley, L.C. và Potts, M.D., 2014. Các hoạt động săn bắt hiện đại và buôn bán thịt thú rừng ở các khu vực tập trung đồn điền cọ dầu ở Sumatra, Indônêxia. *Tạp chí Human Ecology*, 42 (1), Tr.35-45.
- <sup>72</sup> McEvoy, J.F., Connette, G., Huang, Q., Soe, P., Pyone, K.H.H., Valitutto, M., Htun, Y.L., Lin, A.N., Thant, A.L., Htun, W.Y. và Paing, K.H., 2019. Hai mặt của đồng xu - Tiêu thụ thịt động vật hoang dã và buôn bán trái phép động vật hoang dã ở ngã tư Châu Á. *Tạp chí Biological Conservation*, 238, Tr.108197. Xem thêm:
- Rao, M., Htun, S., Zaw, T. và Myint, T., 2010. Săn bắt, sinh kế và suy giảm động vật hoang dã ở Khu bảo tồn động vật hoang dã Hponkanrazi, Bắc Myanmar. *Tạp chí Environmental Management*, 46 (2), Tr.143-153.
- <sup>73</sup> Coad, L., Lim, S. và Nuon, L., 2019. Động vật hoang dã và sinh kế ở dãy núi Cardamom, Campuchia. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 7, Tr.296. Xem thêm:
- Evans, T.S., Myat, T.W., Aung, P., Oo, Z.M., Maw, M.T., Toe, A.T., Aung, T.H., Hom, N.S., Shein, K.T., Thant, K.Z. và Win, Y.T., 2020. Săn bắt và buôn bán thịt thú rừng ở các khu rừng gỗ tếch trung tâm của Myanmar: Đe dọa đối với đa dạng sinh học và sinh kế của con người. *Tạp chí Global Ecology and Conservation*, 22, Tr.e00889. Xem thêm:
- Ibbett, H., Milner-Gulland, E.J., Beale, C.M., Dobson, A., Griffin, O., O'Kelly, H.J. và Keane, A., 2020. Thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của nỗ lực tìm kiếm đối với khả năng phát hiện bẫy. *Tạp chí Biological Conservation*, 247, Tr.108581. Xem thêm:
- Loke, V.P., Lim, T. và Campos-Arceiz, A., 2020. Tập quán săn bắn của cộng đồng dân bản địa Jahai ở phía bắc bán đảo Malaxia. *Tạp chí Global Ecology and Conservation*, 21, Tr. e00815. Xem thêm:
- <sup>74</sup> Coad, L., Lim, S. và Nuon, L., 2019. Động vật hoang dã và sinh kế ở dãy núi Cardamom, Campuchia. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 7, tr.296. Xem thêm:
- MacMillan, D.C. và Nguyễn Q.A., 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động khai thác trái phép động vật hoang dã bằng cách bẫy và bẫy dây trong nhóm dân tộc Cà tu ở Việt Nam. *Tạp chí Oryx*, 48 (2), Tr.304-312
- <sup>75</sup> Coad, L., Lim, S. và Nuon, L., 2019. Động vật hoang dã và sinh kế ở dãy núi Cardamom, Campuchia. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 7, tr.296. Xem thêm:
- MacMillan, D.C. và Nguyễn, Q.A., 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động khai thác trái phép động vật hoang dã bằng cách bẫy và bẫy dây trong nhóm dân tộc Cà tu ở Việt Nam. *Tạp chí Oryx*, 48 (2), Tr.304-312. Xem thêm:
- O'Kelly, H.J., Rowcliffe, J.M., Durant, S.M. và Milner-Gulland, E.J., 2018. Ước tính tỷ lệ bẫy ở khu vực rừng nhiệt đới bằng cách sử dụng các mô hình hỗn hợp N. *Tạp chí Biological Conservation*, 217, Tr.75-82..
- <sup>76</sup> O'Kelly, H.J., Rowcliffe, J.M., Durant, S.M. và Milner-Gulland, E.J., 2018. Ước tính về tỷ lệ bẫy ở khu vực rừng nhiệt đới bằng cách sử dụng các mô hình hỗn hợp N. *Tạp chí Biological Conservation*, 217, Tr.75-82.
- <sup>77</sup> Coad, L., Lim, S. và Nuon, L., 2019. Động vật hoang dã và sinh kế ở dãy núi Cardamom, Campuchia. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 7, Tr.296. Xem thêm:
- Ibbett, H., Milner-Gulland, E.J., Beale, C.M., Dobson, A., Griffin, O., O'Kelly, H.J. và Keane, A., 2020. Thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của nỗ lực tìm kiếm đối với khả năng phát hiện bẫy dây. *Tạp chí Biological Conservation*, 247, Tr.108581. Xem thêm:
- Latinne, A., Saputro, S., Kalengkongan, J., Kowel, C.L., Gaghwiu, L., Ransaleleh, T.A., Nangoy, M.J., Wahyuni, I., Kusumaningrum, T., Safari, D. và Feferholtz, Y., 2020. Đặc điểm và số lượng mạng lưới buôn bán động vật hoang dã ở Sulawesi, Indônêxia. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 21, Tr.e00887. Xem thêm:
- MacMillan, D.C. và Nguyễn Q.A., 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc khai thác trái phép động vật hoang dã bằng cách bẫy và bẫy dây trong nhóm dân tộc Cà tu ở Việt Nam. *Tạp chí Oryx*, 48 (2), Tr.304-312. Xem thêm:
- McEvoy, J.F., Connette, G., Huang, Q., Soe, P., Pyone, K.H.H., Valitutto, M., Htun, Y.L., Lin, A.N., Thant, A.L., Htun, W.Y. và Paing, K.H., 2019. Hai mặt của một đồng xu - Tiêu thụ thịt động vật hoang dã và buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp tại ngã tư châu Á. *Tạp chí Biological Conservation*, 238, Tr.108197. Xem thêm:
- McKenney, B., Chea, Y., Tola, P. và Evans, T., 2004. Tập trung vào các khu rừng có giá trị cao của Campuchia: Sinh kế và quản lý. Viện Tài nguyên Phát triển Campuchia và Hiệp hội Bảo tồn Động vật Hoang dã, Phnom Penh.
- <sup>78</sup> O'Kelly, H.J., Rowcliffe, J.M., Durant, S.M. và Milner-Gulland, E.J., 2018. Ước tính về tỷ lệ bẫy ở khu vực rừng nhiệt đới bằng cách sử dụng các mô hình hỗn hợp N. *Tạp chí Biological Conservation*, 217, Tr.75-82.
- <sup>79</sup> MacMillan, D.C. và Nguyễn, Q.A., 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc khai thác trái phép động vật hoang dã bằng cách bẫy và bẫy dây trong nhóm dân tộc Cà tu ở Việt Nam. *Tạp chí Oryx*, 48 (2), Tr.304-312.
- <sup>80</sup> MacMillan, D.C. và Nguyễn, Q.A., 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc khai thác trái phép động vật hoang dã bằng cách bẫy và bẫy dây trong nhóm dân tộc Cà tu ở Việt Nam. *Tạp chí Oryx*, 48 (2), Tr.304-312.
- <sup>81</sup> Viollaz, J. và Gore, M.L., 2019. Thí điểm mô hình Phòng ngừa Tội phạm Bảo tồn Dựa vào Cộng đồng ở Dãy Trường Sơn. Báo cáo Kết quả được soạn thảo cho Tổ chức Bảo tồn Động vật Hoang dã Toàn cầu (JWC), Tổ chức Động thực vật Quốc tế (FFI), Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) và Trường Đại học Vinh. Đại học Bang Michigan, Hoa Kỳ.
- <sup>82</sup> Coad, L., Lim, S. và Nuon, L., 2019. Động vật hoang dã và sinh kế ở Dãy núi Cardamom, Campuchia. *Tạp chí Frontiers in Ecology and Evolution*, 7, tr.296.
- <sup>83</sup> Steinmetz, R., Chutipong, W. và Seuaturien, N., 2006. Hợp tác bảo tồn các loài thú lớn ở Đông Nam Á. *Tạp chí Conservation Biology*, 20 (5), Tr.1391-1401.

# Chú thích

- <sup>84</sup> Nielsen, M.R., Meilby, H., Smith-Hall, C., Pouliot, M. và Treue, T., 2018. Tầm quan trọng của thịt thú rừng ở nam bán cầu. *Tạp chí Ecological Economics*, 146, tr.696-705.
- <sup>85</sup> Golden, C.D., Fernald, L.C., Brashares, J.S., Rasolofoniaina, B.R. và Kremen, C., 2011. Lợi ích của việc tiêu thụ động vật hoang dã đối với dinh dưỡng cho trẻ em ở một điểm nóng về đa dạng sinh học. *Kỷ yếu của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia*, 108 (49), tr.19653-19656. Xem thêm:
- Nielsen, M.R., Meilby, H., Smith-Hall, C., Pouliot, M. và Treue, T., 2018. Tầm quan trọng của thịt thú rừng ở nam bán cầu. *Tạp chí Ecological Economics*, 146, tr.696-705
- <sup>86</sup> Sunderland, T.C., 2011. An ninh lương thực: Tại sao đa dạng sinh học lại quan trọng? *Tạp chí International Forest Review*, 13 (3), tr.265-274. Xem thêm:
- Maxwell, D. và Wiebe, K., 1999. Sở hữu đất đai và an ninh lương thực: Khám phá các mối liên kết năng động. *Phát triển và Thay đổi*, 30 (4), Tr.825-849.
- <sup>87</sup> Swamy, V. và Pinedo-Vasquez, M., 2014. Thu hoạch thịt rừng trong các cánh rừng nhiệt đới: Cơ sở kiến thức, khoảng trống và ưu tiên nghiên cứu (Quyển 114). CIFOR.
- <sup>88</sup> Robinson, J.G., Redford, K.H. và Bennett, E.L., 1999. Khai thác động vật hoang dã trong các khu rừng nhiệt đới được khai thác gỗ.
- <sup>89</sup> Luskin, M.S., Christina, E.D., Kelley, L.C. và Potts, M.D., 2014. Các hoạt động săn bắt hiện đại và buôn bán thịt thú rừng ở các khu vực tập trung đồn điền cọ dầu ở Sumatra, Ấn Độ. *Tạp chí Human Ecology*, 42 (1), tr.35-45.
- <sup>90</sup> Bốn con voi đã bị giết trong khoảng thời gian hai tháng do bẫy dây tại các đồn điền giáp ranh giữa Khu bảo tồn rừng Sg Taliwas và Khu bảo tồn rừng Sapagaya. Xem thêm:
2018. Thêm nhiều voi bị giết bởi bẫy dây-WWF, đã xem ngày 12 tháng 5 năm 2020, <[HTTPS://WWW.THEBORNEOPOST.COM/2018/08/29/MORE- Elephant-kill-by-snares-wwf />](https://www.theborneopost.com/2018/08/29/more- elephant-kill-by-snares-wwf/)
- <sup>91</sup> Dobson, A.D., Milner-Gulland, E.J., Ingram, D.J. và Keane, A., 2019. Khung đánh giá tác động của các hoạt động săn bắt thịt thú rừng ở vùng nhiệt đới. *Tạp chí Human Ecology*, 47 (3), tr.449-464.
- <sup>92</sup> Garnett, S.T., Burgess, N.D., Fa, J.E., Fernández-Llamazares, Á., Molnár, Z., Robinson, C.J., Watson, J.E., Zander, K.K., Austin, B., Brondizio, E.S. và Collier, N.F., 2018. Tổng quan chung về tầm quan trọng toàn cầu của các vùng đất của người thổ dân đối với việc bảo tồn. *Nature Sustainability*, 1 (7), Tr.369. Dữ liệu được sử dụng để tính toán được lấy từ thông tin bổ sung (thông tin bổ sung 3). Dữ liệu từ bài báo này, được thu thập từ nhiều nguồn, được kết hợp với dữ liệu Cơ sở dữ liệu thế giới về các khu bảo tồn để tính toán các số liệu trong bảng. Theo phân tích này, trong tổng số 574.951 km<sup>2</sup> diện tích khu bảo tồn lớn nhất ở tám quốc gia ASEAN, đất của người dân bản địa chiếm 366.105 km<sup>2</sup>, tỷ lệ bao phủ 63,7%.
- <sup>93</sup> Belecky, M., Singh R. và Moreto, W., 2019. Cuộc sống nơi tiền tuyến 2019: Khảo sát Toàn cầu về Điều kiện Làm việc của Kiểm lâm. WWF.
- <sup>94</sup> Báo cáo nội bộ, WWF-Malaysia. Xem thêm: Darmaraj, M., 2019. Hổ Malaysia sắp tuyệt chủng hơn bao giờ hết. Tờ báo The Sun Daily. Đã xem ngày 23 tháng 5 năm 2020, <<https://www.thesundaily.my/idea/malayan-tiger-near-never-to-extinction-LY1166629>>
- <sup>95</sup> Loke, V.P., Lim, T. và Campos-Arceiz, A., 2020. Tập quán săn bắn của cộng đồng bản địa Jahai ở phía bắc bán đảo Malaysia. *Tạp chí Global Ecology and Conservation*, 21, Tr. e00815.
- <sup>96</sup> Evans, T.S., Myat, T.W., Aung, P., Oo, Z.M., Maw, M.T., Toe, A.T., Aung, T.H., Hom, N.S., Shein, K.T., Thant, K.Z. và Win, Y.T., 2020. Săn bắn và buôn bán thịt thú rừng ở các khu rừng tích trung tâm của Myanmar: Đe dọa đối với đa dạng sinh học và sinh kế của con người. *Tạp chí Global Ecology and Conservation*, 22, Tr.e00889. Xem thêm;
- <sup>97</sup> Pangau-Adam, M., Noske, R. và Muehlenberg, M., 2012. Thịt động vật hoang dã hay đặc sản? Săn bắn tự cung tự cấp và thu hoạch thương mại ở Papua (Tây New Guinea), Ấn Độ. *Tạp chí Human Ecology*, 40 (4), Tr.611-621.
- <sup>98</sup> Lịch trình này được giới hạn trong mười loài.
- <sup>99</sup> UNEP/CBD/COP/DEC /XI/25, 2012. <<https://www.cbd.int/DOC/DECISIONS/COP-11/COP-11-DEC-25-EN.PDF>>

## PHẦN 6

- <sup>100</sup>Thư viện Luật của Quốc hội Hoa Kỳ, 2016. Luật về Bẫy động vật có chân trên khắp thế giới. <<https://www.loc.gov/law/help/leg-hold-trap/leg-hold-trap.pdf>> và <<https://www.loc.gov/law/help/leg-hold-trap/supplemental-report.pdf>>
- <sup>101</sup>Bẫy dây có nghĩa là bất kỳ loại bẫy nào — (a) được làm bằng cáp dây nhẹ vòng qua một bộ phận khóa hoặc một đoạn dây nylon nhỏ được buộc lại. Dây cáp sẽ thắt chặt khi con vật kéo ngược lại; (b) gồm hai hình chữ nhật bằng kim loại được gắn với nhau ở giữa cạnh dài để đóng mở như cái kéo. Một cái hàm có bộ phận kích hoạt để móc mồi. Móc đối diện để đóng sập hoặc neo giữ cho bẫy mở; (c) được kích hoạt bởi một thiết bị căng, khi một con vật bước vào giữa các hàm của bẫy trọng lượng của nó làm cho các hàm này đập xuống và siết cổ hoặc kẹp chặt một bộ phận nào đó của con vật [Biểu số 7, Đạo luật Bảo tồn Động vật Hoang dã, 2010].
- <sup>102</sup>Dự luật (Bảo vệ cuộc sống hoang dã), 2013, bổ sung mục mới 9A ‘Cấm đặt bẫy động vật’ <<https://parivesh.nic.in/writereaddata/WILDLIFEPROTECTIONAMENDMENTBILL2013.PDF>>
- <sup>103</sup>“bẫy động vật” có nghĩa là bất kỳ thiết bị nào được thiết kế để khống chế hoặc bắt một con vật, và bao gồm một thiết bị giữ chân, thường hoạt động bằng ngàm đóng chặt vào một hoặc nhiều chân của con vật, do đó con vật không thể rút chân của chúng ra khỏi bẫy. Hơn nữa, bẫy còn được định nghĩa là ‘vũ khí’ theo Đạo luật Bảo vệ Động vật Hoang dã năm 1972.
- <sup>104</sup>Mặc dù người ta đã lập luận rằng đề xuất sửa đổi luật ở Ấn Độ sẽ bao gồm các trường hợp như vậy. Xem, Annamaraju, S., *Bẫy và Bẫy dây: Con đường dẫn đến tuyệt chủng động vật hoang dã ở Ấn Độ - Wildlife Trust of India*, đã xem ngày 12 tháng 5 năm 2020 <<https://www.wti.org.in/news/traps-and-snares-riddled-paths-for-indian-wild/>>
- <sup>105</sup>MacMillan, D.C. và Nguyễn Q.A., 2014. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc khai thác trái phép động vật hoang dã bằng cách bẫy và bẫy dây trong nhóm dân tộc Kà tu ở Việt Nam. *Tạp chí Oryx*, 48 (2), Tr.304-312.
- <sup>106</sup>Lindsey, P.A., Balme, G., Becker, M., Begg, C., Bento, C., Bocchino, C., Dickman, A., Diggle, R.W., Eves, H., Henschel, P. và Lewis, D., 2013. Buôn bán thịt thú rừng ở các vùng thảo nguyên châu Phi: Tác động, động lực và giải pháp khả thi. *Tạp chí Biological Conservation*, 160, Tr.80-96.
- <sup>107</sup>Cawthorn, D.M. và Hoffman, L.C., 2015. Mối liên hệ giữa đặc sản thịt thú rừng và an ninh thực phẩm: Sự quan tâm toàn cầu về những đóng góp, những vấn đề hóc búa đặt ra và đạo đức. *Tạp chí Food Research International*, 76, Tr.906-925.
- <sup>108</sup>WWF, 2019. *Kỷ yếu hội thảo: Tăng tính minh bạch và hiệu quả trong các vụ truy tố tội phạm về động vật hoang dã*, được xem vào ngày 12 tháng 5 năm 2020, <http://tigers.panda.org/reports/#show-report/Justice-Workshop-Report>
- <sup>109</sup>UNODC, 2014. Tổ tụng Hình sự đối với tội phạm liên quan đến Động vật Hoang dã và Rừng ở CHDCND Lào <[https://www.unodc.org/documents/southeastasiaandpacific/Publications/wildlife/Criminal\\_Justice\\_Responses\\_to\\_the\\_Illegal\\_Trade\\_in\\_Timber\\_in\\_South\\_East\\_Asia\\_v7.pdf](https://www.unodc.org/documents/southeastasiaandpacific/Publications/wildlife/Criminal_Justice_Responses_to_the_Illegal_Trade_in_Timber_in_South_East_Asia_v7.pdf)>
- <sup>110</sup>Ngân hàng Phát triển Châu Á, 2014. Hội nghị chuyên đề về Chống Tội phạm Động vật Hoang dã: Đảm bảo Thực thi, Đảm bảo Công lý và Duy trì Pháp quyền. <<https://www.adb.org/publications/symposium-combating-wildlife-crime-proceedings>>
- <sup>122</sup>Denin, M.J.A, 2019. Jejak Penjenayah Rimba. MyMetro. Đã xem ngày 11 tháng 5 năm 2020, <<https://www.hmetro.com.my/UTAMA/2019/05/452205/JEJAK-PENJENAYAH-RIMBA>>
- <sup>123</sup>Edward, J., 2017. Những kẻ săn trộm nước ngoài đang gia tăng. Thư từ Malaixia. Đã xem ngày 11 tháng 5 năm 2020 <<https://www.malaymail.com/NEWS/MALAIXIA/2017/09/27/FOREIGN-POACHERS-ON-THE-RISE/1473951>>
- <sup>124</sup>2019. Perang diisytihar ke atas pemburu haram unauk selamatkan Harimau Malaya. BH Trực tuyến. Được xem vào ngày 11 tháng 5 năm 2020, <<https://www.bharian.com.my/berita/NASIONAL/2019/03/542157/PERANG-DIISYTIHAR-KE-ATAS-pemburu-haram-unauk-selamatkan-harimau>>
- <sup>125</sup>2020. 82 pesalah ditangkap, 460 jerat dimusnah, Berita Harian. Đã xem ngày 11 tháng 5 năm 2020, <<https://www.pressreader.com/Malaixia/berita-harian-malaixia/20200116/281573767644614>>
- <sup>126</sup>Ramendram, C., 2019. Với mức giá lên tới 800.000 RM, Hổ Malayan là món tiền thưởng hàng đầu cho những kẻ săn trộm. Tờ báo The Sun Daily. Đã xem ngày 11 tháng 5 năm 2020, <<https://www.thesundaily.my/local/with-a-price-of-up-to-rm800-000-the-malayan-tiger-is-PRIME-BOUNTY-FOR-POACHERS-EE1521547>>
- <sup>127</sup>2020. 82 pesalah ditangkap, 460 jerat dimusnah, Berita Harian. Đã xem ngày 11 tháng 5 năm 2020, <<https://www.pressreader.com/Malaixia/berita-harian-malaixia/20200116/281573767644614>>

SỨ MỆNH CỦA CHÚNG TÔI  
LÀ CHẤM DỨT SỰ XUỐNG CẤP  
CỦA MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN  
TRÊN HÀNH TINH VÀ XÂY DỰNG  
MỘT TƯƠNG LAI TRONG ĐÓ  
CON NGƯỜI SỐNG HÒA HỢP VỚI  
THIÊN NHIÊN



Nuôi dưỡng thế giới tự nhiên  
vì lợi ích của cả con người và  
muôn loài.

together possible™ [vietnam.panda.org](http://vietnam.panda.org)

© 2020

© Biểu tượng Panda năm 1986 của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên - WWF (Tên cũ là Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới)

® "WWF" là thương hiệu đã được đăng ký của WWF, WWF, Rue Mauverney 28, 1196 Gland, Thụy Sĩ. Tel. +41 22 364 9111; Fax +41 22 364 0332.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập [vietnam.panda.org](http://vietnam.panda.org)